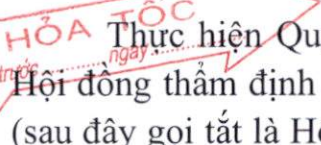


Số: ~~8654~~ BC-HĐTĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

### Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

 Thực hiện Quyết định số 358/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2023 về kiện toàn Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định), Quy chế hoạt động Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh ban hành kèm theo Quyết định 359/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023<sup>1</sup>, ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp để thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hội đồng thẩm định đánh giá hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

#### I. VIỆC TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

##### 1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đầy đủ theo quy định của pháp luật về quy hoạch, gồm:

a) Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

d) Báo cáo số 3208/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

đ) Báo cáo số 3207/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế tổng hợp các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;

<sup>1</sup> Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình thẩm định vào ngày 03/8/2023

e) Báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

g) Văn bản số 2334/BTNMT-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*trong đó có nội dung về đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*);

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch; danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh theo quy định tại mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

k) Văn bản số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Hội đồng thẩm định.

## **2. Cung cấp hồ sơ và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định**

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Kế hoạch số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định về kế hoạch thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; ngày 07/8/2023, Hội đồng thẩm định đã gửi Văn bản số 6302/HĐTĐ-CV đến các thành viên Hội đồng thẩm định; Văn bản số 6305/HĐTĐ-CV đến các chuyên gia phản biện quy hoạch; Văn bản số 6304/HĐTĐ-CV đến các chuyên gia phản biện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Văn bản số 6303/HĐTĐ-CV đến chuyên gia phản biện bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh kèm theo hồ sơ quy hoạch để xin ý kiến thẩm định đối với hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế. Tính đến ngày 09/10/2023, cơ quan thường trực Hội đồng đã nhận được ý kiến thẩm định của 18/19 Bộ là thành viên Hội đồng thẩm định (Bộ Xây dựng chưa có văn bản tham gia ý kiến thẩm định) và 10/10 ý kiến của Ủy viên phản biện. Cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chuyên gia phản biện, đồng thời chuẩn bị các nội dung báo cáo tại phiên họp của Hội đồng thẩm định theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2029 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ<sup>2</sup> và khoản 4 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020<sup>3</sup>, ngày 24 tháng 8 năm 2023 cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã tổ chức "*Hội thảo tham vấn ý kiến đối với Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược*

<sup>2</sup> Đề nghị Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch cho phép tổ chức họp, hội nghị, hội thảo đánh giá các chuyên đề liên quan đến quy hoạch trước khi họp Hội đồng thẩm định quy hoạch

<sup>3</sup> Cơ quan chủ trì thẩm định quy hoạch có trách nhiệm thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược trong quá trình thẩm định quy hoạch

của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế” với sự tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định và các chuyên gia phản biện báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

### **1. Về thẩm quyền thẩm định**

Hội đồng thẩm định đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tại Quyết định số 358/QĐ-BKHĐT ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kiện toàn Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

### **2. Đánh giá của Hội đồng thẩm định**

Hội đồng thẩm định đánh giá Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại Điều 32 Luật Quy hoạch và quy định của Luật Bảo vệ môi trường như sau:

#### ***a) Sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt***

- Tên, thời kỳ quy hoạch: cơ bản phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020; tuy nhiên, đề nghị chuẩn xác lại diện tích tự nhiên của tỉnh và phạm vi vùng biển ven bờ theo quy định của pháp luật.

- Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch so với yêu cầu về nội dung được xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tuy nhiên, đề nghị bổ sung và làm rõ thêm một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ (chi tiết tại điểm d Mục 2 Phần II Báo cáo này).

- Sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không quy định về việc thực hiện các nội dung đề xuất để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; do vậy, không đủ cơ sở để đánh giá về sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt, đề nghị cơ quan lập quy hoạch làm rõ thêm.

- Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn và quy cách hồ sơ quy hoạch đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định theo Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

***b) Thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ***

Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế xác định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được triển khai thực hiện cơ bản đầy đủ các bước theo quy trình lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch; tuy nhiên, đề nghị bổ sung một số nội dung trong quy trình lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch, gồm: (i) Việc triển khai, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch; (ii) Việc xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện; (iii) Việc tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

***c) Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức được phân công thực hiện***

Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh: (i) Rà soát nội dung nghiên cứu đề tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo tính thống nhất; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu, dữ liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch; (ii) Đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung các quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, đang được hoàn thiện để hoàn thiện phương án phát triển trong quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất giữa các loại quy hoạch theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.

***d) Sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch***

Nội dung báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đã bám sát và phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện một số nội dung, cụ thể như sau:

- Về căn cứ lập quy hoạch, kết cấu và nội dung báo cáo

+ Về căn cứ lập quy hoạch: việc tổ chức triển khai lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế trong bối cảnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đang được triển khai lập là phù hợp với Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. Đề nghị rà soát, bổ sung thêm một số Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan theo ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định; đồng thời rà soát để lược bỏ các văn bản bị trùng lặp hoặc đã hết hiệu lực.

+ Về kết cấu và nội dung báo cáo: đề nghị rà soát, điều chỉnh kết cấu báo cáo quy hoạch tỉnh trên cơ sở bám sát nội dung quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; chính xác lại tên các mục, tiêu mục theo quy định của pháp luật về quy hoạch; đồng thời bổ sung một số nội dung: (i) Đánh giá về thực trạng lao động, việc làm; (ii) Đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch; (iii) Đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Về phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung như sau:

+ Xác định rõ lợi thế, các yếu tố mang tính đặc thù của tỉnh; tác động thúc đẩy/cản trở của các yếu tố, điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm rõ đặc điểm và tính tính độc đáo của hệ thống thủy văn, dòng chảy trên địa bàn tỉnh; bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên nước, kết quả thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; đánh giá tổng quát hiệu quả, tác động các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra.

+ Bổ sung nội dung phân tích về hiện trạng thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng phương án khoanh định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác trong thời kỳ quy hoạch; bổ sung các số liệu cho các nội dung đánh giá về môi trường để tăng tính thuyết phục cho các nhận định, đánh giá.

+ Làm rõ những lợi thế đặc biệt của Huế về yếu tố lịch sử - văn hóa, mối liên hệ giữa truyền thống văn hóa với phát triển du lịch của tỉnh.

+ Rà soát, bổ sung nội dung về hiện trạng thể hiện vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng và cả nước; bổ sung nội dung về tính “cát cứ”, “cục bộ” của các địa phương trong vùng dẫn đến tính liên kết, hiệu quả liên kết phát triển của các địa phương trong vùng còn hạn chế.

+ Bổ sung đánh giá về khả năng chống chịu trước thiên tai của từng ngành trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; phân tích, đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực phát triển đô thị, nông thôn, giao thông, các khu vực sản xuất, chế biến nông sản, khu công nghiệp.

- Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành

+ Về thực trạng phát triển kinh tế:

Phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của tỉnh thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân của cả nước, đặc biệt là năng suất lao động của ngành dịch vụ; bổ sung nội dung phân tích về “công nghiệp ven biển” để phù hợp với các ngành kinh tế biển được xác định tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Phân tích cụ thể về hiện trạng tình hình quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tình hình cấp phép thăm dò, khai thác so với nhu cầu hiện tại và tương lai có đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng cho các dự án trên địa bàn tỉnh.

+ Về hiện trạng phát triển công nghiệp - xây dựng: đánh giá bổ sung hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn; kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong đầu tư, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp trong thời gian qua; khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; rà soát các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch để xem xét đưa ra khỏi quy hoạch hoặc giảm diện tích những khu công nghiệp không có khả năng thu hút đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Về hiện trạng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ: cập nhật số liệu chợ, siêu thị, trung tâm thương mại các năm: 2020, 2021 và 2022; bổ sung nội dung về thực trạng hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; bổ sung hiện trạng công tác xúc tiến - quảng bá du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển du lịch.

+ Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản: bổ sung công tác quản lý dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cơ sở giết mổ, sơ chế, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm; thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi để có định hướng phát triển phù hợp.

+ Về hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:

Bổ sung thông tin, số liệu dẫn chứng cho thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh.

Bổ sung phân tích về khả năng tiếp cận của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận đối với các dịch vụ y tế cơ bản và chuyên sâu theo không gian và thời gian; phân tích rõ về tính kết nối giữa tuyến Trung ương và địa phương trong cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người dân trong tỉnh và các tỉnh trong vùng; bổ sung phân tích, dự báo về quy mô giường bệnh, nhu cầu về số lượng nhân lực y tế; bổ sung thực trạng và định hướng phát triển y tế ngoài công lập.

Bổ sung đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; bổ sung nội dung đánh giá về nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, tồn tại trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; đánh giá bổ sung thực trạng hạ tầng khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ.

Tổng hợp đầy đủ hiện trạng của mọi lĩnh vực thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; bổ sung hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản, in và phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh; rà soát và bổ sung nội dung hiện trạng của hạ tầng bưu chính, bổ sung chỉ tiêu về bán kính phục vụ, số dân phục vụ, tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối Internet; bổ sung hiện trạng triển khai địa chỉ số, bản đồ số bưu chính trên địa bàn tỉnh.

- *Về hiện trạng sử dụng đất*: rà soát, cập nhật số liệu về hiện trạng đất an ninh; bổ sung ưu điểm, tồn tại và nguyên nhân của các tồn tại trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển đô thị.

- *Về hiện trạng bảo vệ môi trường*: bổ sung các nội dung luận giải về các tồn tại, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- *Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*:

+ Về hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật

Xác định rõ những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật dẫn tới chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Bổ sung quy mô hiện trạng các tuyến đường tỉnh lộ; bổ sung đánh giá hiện trạng bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ; đánh giá tình trạng hoạt động các cảng bến hành khách, hàng hóa và khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; cập nhật hiện trạng hạ tầng cảng biển Thừa Thiên Huế; thống nhất tên gọi "tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh"; thống nhất chung tên gọi "Cảng hàng không quốc tế Phú Bài"; rà soát nội dung đánh giá về Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bổ sung các sơ đồ 1 sợi, bản đồ hiện trạng chi tiết kèm theo tọa độ chính xác về nguồn điện khu vực kết nối vào hệ thống điện quốc gia, số liệu thống kê và dự báo phụ tải theo các loại hình; bổ sung bảng cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải, phân tích làm rõ sự cần thiết quy hoạch xây dựng mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV; bổ sung hiện trạng phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà; rà soát, bổ sung tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trên địa bàn tỉnh.

+ Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội:

Rà soát, cập nhật và bổ sung thông tin về các khu xử lý chất thải hiện hữu về quy mô, công suất, đối tượng phục vụ, công nghệ áp dụng; bổ sung đánh giá công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải y tế trên toàn tỉnh.

Bổ sung hiện trạng đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ du lịch như ăn uống, vui chơi giải trí, mua sắm.

Bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; chuyên nội dung liên quan đến các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên vào nội dung đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới, hạ tầng giáo dục thường xuyên; bổ sung thông tin, đánh giá kết quả thực hiện định hướng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo đã xác định tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Bổ sung hiện trạng phát triển nền tảng số; chuyên nội dung về thông tin trên biển sang mục công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; rà soát, chính xác lại thông tin về hệ thống trạm phát sóng thông tin di động; bổ sung hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, hiện trạng và các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng thiết bị hiện có của trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống đường truyền đang được triển khai, hiện trạng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước, kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành, lĩnh vực trọng điểm, hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, nhân lực số, hạ tầng công nghệ thông tin, hiện trạng an toàn thông tin mạng, hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số.

+ Hiện trạng hạ tầng phòng chống thiên tai: bổ sung số liệu về tình hình thiệt hại của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn trong thời kỳ trước, các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh; hiện trạng phương án phòng, chống thiên tai mà tỉnh đang triển khai; bổ sung các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế xã hội tỉnh.

- *Về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức:* đề nghị rà soát, bổ sung một số điểm mạnh, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, phát triển đô thị của tỉnh; khái quát và phân tích theo cặp vấn đề để nhận diện những vấn đề cốt lõi đang đặt ra cho sự phát triển của Thừa Thiên Huế hiện nay.

- *Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển*

+ Về quan điểm phát triển: xem xét bổ sung quan điểm về việc tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị; bổ sung các quan điểm về phát triển hạ tầng của tỉnh.

+ Về kịch bản phát triển: xem xét bổ sung kịch bản và lựa chọn phương án phát triển theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Về mục tiêu phát triển:

Bổ sung một số chỉ tiêu như: chỉ tiêu phát triển liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị (để phù hợp với quan điểm phát triển); tốc độ tăng trưởng dân số bình quân; chỉ số HDI; tuổi thọ bình quân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; về văn hóa, thể dục thể thao; tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị; mục tiêu liên quan đến giáo dục; mục tiêu về phát triển hạ tầng.

+ Về tầm nhìn đến năm 2050: bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người.

- Về nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá:

+ Xem xét biên tập lại nhiệm vụ “*Xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương*” và “*Đẩy mạnh công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch*” để thể hiện rõ nét đây là các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong thời kỳ quy hoạch; nghiên cứu bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

+ Xác định rõ nội dung về huy động nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm hay là các khâu đột phá phát triển.

- Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

+ Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung phương án phát triển các ngành quan trọng theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Bổ sung luận chứng để xác định một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; rà soát để bảo đảm có sự thống nhất về việc xác định các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; bổ sung các nội dung về phát triển kinh tế ban đêm, công nghiệp văn hoá để phù hợp với quan điểm phát triển.

+ Về phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh để phù hợp với quan điểm phát triển; rà soát để loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Bổ sung định hướng về việc tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững; đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển các mô hình, tổ hợp tác và hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên ứng dụng công nghệ chuồng trại đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường; nâng cao năng lực xử lý chất thải chăn nuôi; bổ sung định hướng phát triển các cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến và cần bảo đảm có sự liên thông giữa cơ sở giết mổ với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm.

Bổ sung định hướng đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xây dựng trạm cung cấp dịch vụ, hậu cần, sơ chế, bảo quản, trung chuyển sản phẩm thủy sản; khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; củng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vỏ tàu, máy tàu, ngư cụ, thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ nuôi trồng, chế biến và dịch vụ nghề cá.

Bổ sung các giải pháp thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với các biện pháp tổ chức tiêu thụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số gắn với phát triển thương mại điện tử; phương hướng và giải pháp phát triển không gian nông nghiệp kết hợp du lịch và nông nghiệp đặc sản, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phương hướng phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, sử dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo vào trang trại, trồng trọt và chăn nuôi.

Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp về bảo vệ và củng cố khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển.

+ Về phương án phát triển ngành công nghiệp:

Rà soát, đối chiếu, cập nhật về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 để hoàn thiện các số liệu liên quan đến sử dụng đất và chỉ tiêu phát triển công nghiệp trong quy hoạch tỉnh.

Rà soát, cần nhắc việc bố trí diện tích đất dành cho trụ sở làm việc của lực lượng công an bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại các cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Làm sâu sắc ý nghĩa, quy mô và các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển tại cảng biển nước sâu Chân Mây để làm tiền đề cho sự phát triển khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô.

+ Về phương án phát triển kinh tế biển: bổ sung nội dung “*Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng*” tại phương hướng phát triển năng lượng tái tạo; bổ sung định hướng phát triển đối với đầm Lập An; bổ sung định hướng xây dựng đầm phá kết hợp với khu công viên rừng Quốc gia Bạch Mã.

+ Về phương án phát triển du lịch:

Bổ sung định hướng liên kết phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh và liên tỉnh, các thị trường khách du lịch quốc tế và nội địa mà tỉnh Thừa Thiên Huế hướng tới; bổ sung các giải pháp về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong du lịch; bổ sung các giải pháp về công tác xúc tiến quảng bá du lịch, liên kết phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh/thành trong vùng và cả nước, thu hút đầu tư phát triển du lịch; bổ sung giải pháp cụ thể cho công tác chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Bổ sung định hướng phát triển hệ thống cơ sở ăn uống phục vụ du lịch và định hướng phát triển hệ thống các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh; cập nhật nội dung của Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ: cập nhật nội dung của Quy hoạch hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023; bổ sung định hướng phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, hệ thống trạm chiết nạp gas trên địa bàn tỉnh để có cơ sở triển khai thực hiện.

- Về phương án phát triển các ngành thuộc lĩnh vực xã hội:

+ Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo:

Bổ sung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; mục tiêu, chỉ tiêu giáo viên đạt chuẩn; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới; bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục khuyết tật, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học của tỉnh.

Rà soát, bổ sung định hướng phát triển các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các thiết chế giáo dục thường xuyên khác; đẩy mạnh việc xây dựng và nhân rộng mô hình xã học tập, huyện học tập và đến năm 2030 tỉnh được công nhận là tỉnh học tập của Việt Nam; tập trung xây dựng các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để mọi công dân được học tập thường xuyên, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số; có kế hoạch xây dựng thành phố học tập hướng tới xây dựng năng lực và phẩm chất, đặc biệt gắn với cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, xây dựng quốc gia chuyển đổi số.

Bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó xác định các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi.

+ Về phương hướng phát triển văn hóa: xem xét, chỉnh sửa nội dung về hoạt động thư viện theo ý kiến của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

+ Về phương hướng phát triển y tế: bổ sung quan điểm và phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế của tỉnh; phương hướng và mục tiêu phát triển y tế cần thể hiện rõ vai trò của y tế cơ sở, lấy y tế là nền tảng, thực hiện ưu tiên đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã trong cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trong tỉnh; xem xét lại chỉ tiêu giường bệnh/vạn dân, cần tách riêng chỉ tiêu giường bệnh tuyến trung ương và địa phương để có định hướng phát triển quy mô giường bệnh cho tuyến tỉnh; xác định nhu cầu nhân lực y tế theo từng phân kỳ để có kế hoạch và giải pháp đào tạo, tuyển dụng phù hợp.

+ Về phương hướng phát triển thông tin và truyền thông: bổ sung mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số, nguồn nhân lực số, đô thị thông minh; phương án phát triển kinh tế số, đô thị thông minh; cụ thể hóa phương án phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và hạ tầng thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh; rà soát, bổ sung phương án phát triển của những lĩnh vực còn thiếu trong nội dung về mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản, in và phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại.

+ Về phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: bổ sung nội dung xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung mục tiêu phát triển Thừa Thiên Huế "*là trung tâm của vùng và cả nước về văn hóa - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ*"; rà soát sự cần thiết việc thành lập mới các cơ sở khoa học và công nghệ; rà soát hiện trạng các cơ sở khoa học và công nghệ đề nghị đầu tư nâng cấp; rà soát sự trùng lặp về công năng của các cơ sở khoa học và công nghệ được quy hoạch; nghiên cứu phương án quy hoạch tổng thể, tập trung các cơ sở khoa học và công nghệ vào một khu chức năng tối ưu hóa nguồn lực đầu tư.

*- Về phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội*

+ Nghiên cứu các quy định hiện hành để sử dụng các thuật ngữ phù hợp với quy định của pháp luật; lược bỏ các nội dung liên quan đến vùng kinh tế trọng điểm miền Trung do pháp luật về quy hoạch hiện nay không có khái niệm “vùng kinh tế trọng điểm”; xem xét, định hướng ưu tiên phát triển một số hành lang kinh tế có điều kiện thuận lợi nhất để tạo động lực và làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác cùng phát triển

+ Loại bỏ nội dung về “các vùng kinh tế liên huyện” do pháp luật về quy hoạch không có quy định; rà soát và hoàn thiện phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

*- Về phương án tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã*

+ Về phương án phát triển hệ thống đô thị:

Rà soát việc sử dụng các thuật ngữ: vùng đô thị, hệ thống đô thị Tây - Bắc, hệ thống đô thị Đông - Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành để làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị; cập nhật nội dung Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh; chuyển các nội dung về hành lang đô thị về mục “*Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội*” để phù hợp với nội dung phương án quy hoạch hệ thống đô thị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; xem xét, bổ sung nguyên tắc phát triển thành phố Thừa Thiên Huế là xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Xem xét chỉnh sửa phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị theo hướng không tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

Nghiên cứu để có kết nối giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch đô thị Thừa Thiên Huế (với định hướng trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương); làm rõ không gian hướng biên của thành phố Thừa Thiên Huế.

Bổ sung và nêu rõ những đô thị hình thành để bảo tồn và phát huy giá trị đặc sắc cố đô và di sản văn hoá vật thể được UNESCO công nhận để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn đặc thù theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

+ Về phát triển nông thôn: xem xét bổ sung một số nội dung về phương án phát triển điểm dân cư nông thôn như: (i) Các chỉ số phát triển nông thôn; (ii) Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn; (iii) Định hướng phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn; (iv) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng liên kết hệ thống đô thị, nông thôn.

+ Về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: rà soát nội dung về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế theo nội dung Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023 của Bộ Nội vụ và Văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

*- Về phương án phát triển các khu chức năng*

+ Về phương án phát triển các khu kinh tế: rà soát, xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, lưu ý thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ; bổ sung nội dung nâng cấp cửa khẩu A Đốt - Tà Vàng thành cửa khẩu quốc tế vào giai đoạn sau 2021-2030.

+ Về phương án phát triển khu công nghiệp: thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ; rà soát khả năng thu hút đầu tư của các khu công nghiệp, dự kiến về khả năng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 và các điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về khu công nghiệp để xây dựng phương án hợp lý; rà soát phương án mở rộng các khu công nghiệp hiện hữu, phương án phát triển các khu công nghiệp mới, phương án phát triển khu kinh tế đến năm 2030 đảm bảo kế thừa các quy hoạch khu công nghiệp đã được phê duyệt và phù hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã phân bổ cho tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát phương án phát triển các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

*- Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng*

+ Về hạ tầng giao thông:

Rà soát công suất thiết kế dự kiến đối với sân bay Phú Bài theo Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Cập nhật cấp quy hoạch tuyến đường thủy nội địa Trung ương (sông Hương, Phá Tam Giang) và định hướng quy hoạch các cụm cảng hàng hóa, hành khách theo Phụ lục II, IV, V theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật 02 cảng cạn Chân Mây và Phú Lộc theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu bổ sung quy hoạch cảng khách trên sông Hương, khu vực đầm phá Tam Giang - Cầu Hai phục vụ du lịch.

Rà soát, cập nhật thông tin về các tuyến cao tốc và các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Cập nhật nội dung tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam theo văn bản số 8840/UBND-GT ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; phân chia rõ hệ thống đường tỉnh, tuyến kết nối, đường vành đai theo các nhóm; bổ sung thông tin về phương án phát triển hệ thống cầu, đặc biệt là cầu chính yếu làm nhiệm vụ kết nối liên huyện, liên tỉnh; làm rõ nhu cầu/vai trò chức năng, vị trí, quy mô và tiến trình đầu tư đối với hệ thống bến xe được quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

Bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; bổ sung quy hoạch đường sắt đô thị sau năm 2030 phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bổ sung nội dung "*Tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM hiện tại: tiếp tục duy trì, cải tạo nâng cấp để khai thác vận tải hành khách và hàng hóa có hiệu quả. Trong đó, dự kiến xây mới tuyến nhánh kết nối ga Thừa Lưu vào cảng biển Chân Mây*". Xem xét bổ sung định hướng về phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng TOD trên địa bàn.

Rà soát, cập nhật thông tin về cụm cảng Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật quy hoạch chi tiết cảng biển Thừa Thiên Huế, các khu bến Chân Mây, Thuận An, Phong Điền theo quy hoạch phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển đang được triển khai để đồng bộ và bảo đảm thống nhất giữa các quy hoạch; bổ sung phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xem xét cập nhật các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (Thuận an, huyện Phú Vang; Đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc; Phú Hải, huyện Phú Vang; Vinh Hiền, huyện Phú Lộc), Cảng cá Thuận An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 về Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Làm rõ các trục giao thông động lực trên địa bàn tỉnh theo trục phát triển đô thị; làm rõ thông tin về tuyến đường ven biển trên địa bàn tỉnh theo từng đoạn tuyến; rà soát, phân tích và đánh giá tác động của các công trình lấn biển hoặc các công trình điện gió ngoài khơi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo không xung đột trên không gian biển.

+ Về phương án phát triển mạng lưới cấp điện: rà soát, cập nhật phương án phát triển mạng lưới điện truyền tải 500kV, 220kV, nguồn điện, các dự án điện năng lượng mặt trời theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật, rà soát, chuẩn xác danh mục lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh, bổ sung phương hướng phát triển đường dây và trạm biến áp 110kV để giải tỏa các nguồn điện; phân chia cụ thể thời kỳ triển khai thực hiện phát triển các nguồn điện; cập nhật nhu cầu sử dụng đất cho các công trình năng lượng; nghiên cứu dự phòng vị trí các trạm nạp/sạc nhiên liệu cho các phương tiện giao thông sử dụng điện trên cơ sở bố trí tối ưu tại các ô quy hoạch; dự phòng phương án cấp điện cho đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và đường sắt đô thị trên địa bàn.

+ Về phương án phát triển hạ tầng viễn thông: rà soát, bổ sung các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và các công trình viễn thông của tỉnh theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; bổ sung phương án phát triển hạ tầng số của tỉnh; rà soát đối với nội dung xây dựng 01 khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung tại Khu B - Khu đô thị An Vân Dương để phù hợp với phương án phát triển khu công nghiệp; rà soát, bổ sung phương án phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình, hạ tầng truyền dẫn phát thanh truyền hình.

+ Về phương án phát triển hệ thống kho dự trữ: cập nhật nội dung của Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Về phương án phát triển hạ tầng y tế:

Đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh: rà soát, sắp xếp lại các bệnh viện chuyên khoa tỉnh hoạt động không hiệu quả, phát triển khoa lão, khoa sức khỏe tâm thần, khoa truyền nhiễm trong các bệnh viện đa khoa tỉnh; đầu tư, phát triển các bệnh viện đa khoa huyện trở thành bệnh viện thuộc tuyến chăm sóc cơ bản nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh nội trú; tăng cường đầu tư cho lĩnh vực hồi sức tích cực tại tuyến tỉnh và tuyến huyện, phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện tại địa phương; đối với địa bàn có giao thông thuận lợi, thực hiện mô hình Trung tâm 115 hoàn chỉnh kết hợp tổ chức các đơn vị cấp cứu vệ tinh theo khu vực. Xem xét, loại bỏ định hướng về phát triển **số lượng** giường bệnh đối với các cơ sở y tế ngoài công lập.

Đối với lĩnh vực y tế dự phòng: kiện toàn Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh theo hướng quy hoạch tập trung các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh vào cùng một địa điểm và tiếp tục sát nhập các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh.

Đối với mạng lưới y tế tuyến xã: tổ chức hệ thống trạm y tế phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở từng khu vực, địa bàn. Phấn đấu đến năm 2030, trạm y tế xã có đủ năng lực đảm nhận vai trò là cấp chăm sóc ban đầu, có chức năng tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tuyến người bệnh kịp thời.

+ Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo: làm rõ phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bổ sung phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc; làm rõ định hướng về địa điểm bố trí, quy mô công trình, nhu cầu diện tích sử dụng đất đối với phương án "*Giai đoạn 2021-2030, thành lập mới 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập cấp tỉnh; 01 trung tâm giáo dục khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*"; bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Về phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ: bổ sung định hướng phát triển, tổ chức không gian cho các khu chức năng khoa học công nghệ; xem xét lại định hướng về việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ 2021-2030 do tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ không phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghệ cao cho tỉnh Thừa Thiên Huế; bổ sung nội dung về chuyển đổi số và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng kết nối, hạ tầng thiết bị, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng ứng dụng.

+ Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân; rà soát phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội quốc gia; phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của tỉnh cần bảo đảm về số lượng cơ sở, quy mô phát triển, bố trí, sắp xếp không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh (bao gồm cả định hướng phát triển đối với cơ sở ngoài công lập).

+ Về phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: rà soát và thống nhất số liệu về hạ tầng phòng cháy và chữa cháy theo Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

*- Về phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện*

+ Cập nhật nội dung Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh.

+ Rà soát, chuẩn hóa chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo đúng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22, điểm b khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Rà soát phạm vi khu vực hạn chế phát triển, khu vực khuyến khích phát triển trong định hướng không gian cho sử dụng đất để bảo đảm thống nhất với phạm vi các khu vực này đã được xác định tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; rà soát phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt trong định hướng không gian cho sử dụng đất để đảm bảo thống nhất với phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt đã được xác định cụ thể tại phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

+ Thể hiện đầy đủ định hướng sử dụng đất đối với 07 hành lang kinh tế để đảm bảo tính logic và thống nhất với nội dung nêu tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; bổ sung sơ đồ về việc phát triển 05 hành lang phát triển đô thị theo các trục động lực và trục kết nối phát triển của tỉnh.

+ Rà soát chỉ tiêu các loại đất quy hoạch đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng phương án sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; bổ sung vào Bảng 172 một số chỉ tiêu đã được thể hiện tại Quyết định số 326/QĐ-TTg như đất khu công nghiệp, đất đô thị; rà soát, bổ sung nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

+ Phân tích, làm rõ việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai; việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất.

*- Về phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện:* đề nghị thể hiện rõ nét hơn tính chất đặc trưng, sự khác biệt giữa các vùng; thể hiện được tính kết nối giữa các vùng trong tỉnh và tính liên kết vùng với các vùng liên huyện, vùng huyện của các tỉnh lân cận.

- Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

+ Xem xét lồng ghép nội dung phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp, bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

+ Rà soát, thống nhất các chỉ tiêu về môi trường theo từng giai đoạn cho phù hợp với chỉ tiêu cụ thể như: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; bổ sung mục tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; bổ sung định hướng xử lý tối ưu đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế.

+ Rà soát, bổ sung thêm các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (khu dân cư tập trung; nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng).

- Về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả do nước gây ra; phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

+ Xác định vị trí, lưu lượng dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và luận chứng rõ phương pháp xác định, căn cứ tính toán, để đảm bảo dòng chảy tối thiểu không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; nghiên cứu bổ sung nội dung về điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; sức chịu tải của nguồn nước quan trọng; lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông; khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; đề xuất các giải pháp cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó lưu ý đánh giá và xây dựng các giải pháp đồng bộ, toàn diện cho khu vực dân cư và tự nhiên của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai.

+ Xem xét một số phương án để khắc phục tình trạng lũ lụt, ngập úng của tỉnh; làm rõ hơn các định hướng giải pháp và các dự án ưu tiên để ứng phó với nguy cơ biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Xem xét bổ sung đề xuất phối hợp giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị về phương án quy hoạch các hồ chứa, công, kênh, trực thuộc lưu vực sông Ô Lâu có ảnh hưởng đến cấp nước, phòng lũ, tiêu, thoát nước trên địa bàn 2 tỉnh.

+ Xác định nội dung phòng chống thiên tai cần lồng ghép vào quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở lựa chọn kịch bản phòng, chống thiên tai bảo đảm phù hợp với kịch bản phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; rà soát,

điều chỉnh tên các loại hình thiên tai cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; rà soát phân vùng thiên tai đối với các loại hình thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, ngập; bổ sung phân vùng với các loại hình thiên tai khác như sạt lở bờ sông, bờ biển,...

+ Về phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: bổ sung, xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai phù hợp với từng vùng, từng loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở; rà soát bảo đảm phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất; xác định cụ thể không gian thoát lũ của tuyến sông trên địa bàn, trong đó quy định tần suất thoát lũ đối với dòng chính sông Hương và tần suất chống lũ đối với thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 là 7%; trên cơ sở đó, đề xuất phương án, giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp công trình, phi công trình.

+ Về phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê:

Rà soát xác định lũ thiết kế của tuyến sông có đê trên địa bàn, bao gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định mực nước báo động để tổ chức hộ đê cho từng tuyến sông có đê; bổ sung các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng, chống lũ tuyến sông có đê như: xây dựng hồ chứa nước thượng lưu; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, trồng cây chắn sóng bảo vệ đê; xây dựng tu bổ đê điều; làm thông thoáng dòng chảy; tổ chức quản lý và hộ đê.

Xác định không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông, bãi sông nằm giữa 2 tuyến đê; xác định cụ thể vị trí, diện tích các khu vực công trình, nhà ở phải di dời; các khu vực bãi sông có nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới.

*- Về danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện*

+ Bổ sung, làm rõ luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh; bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

+ Không đưa vào danh mục các dự án, công trình đã được phê duyệt tại quy hoạch thời kỳ trước và không có sự thay đổi tại quy hoạch thời kỳ sau vì dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Quy hoạch.

+ Rà soát để không đưa tên nhà đầu tư vào danh mục các công trình, dự án trong các phương án phát triển nêu tại các phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

+ Chỉ đưa vào danh mục các dự án cấp tỉnh, thể hiện tính chất liên huyện, bảo đảm tính chất then chốt, đột phá, lan tỏa nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu của quy hoạch để phù hợp với phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; chỉ định hướng phát triển sân golf ở khu vực xác định trên địa bàn tỉnh (chi tiết đến cấp huyện), không liệt kê tên các sân golf gắn với địa danh cụ thể hoặc gắn với nhà đầu tư cụ thể.

+ Đối với địa điểm của các phương án phát triển và dự án xem xét chỉ đề cập tới cấp huyện để phù hợp với quy định về mức độ chi tiết của quy hoạch tỉnh tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; đối với các nội dung về quy mô, công suất của các dự án, công trình thì xem xét chỉ ghi “dự kiến” để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.

+ Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Rà soát, bổ sung các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bảo đảm đạt được các mục tiêu quy hoạch đề ra, đặc biệt đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ; các dự án về di dời, sắp xếp bảo đảm an toàn dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai bảo đảm phù hợp với các mục tiêu đề ra trong phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đê điều, hồ chứa.

*- Về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:*

+ Làm rõ các giải pháp huy động từng loại nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch; thể hiện rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

+ Bổ sung nội dung về giải pháp huy động nguồn lực; giải pháp bảo đảm mức chi ngân sách nhà nước đạt 2% cho khoa học và công nghệ; giải pháp về tiến độ triển khai các dự án đầu tư cho khoa học và công nghệ, hạ tầng khoa học và công nghệ; giải pháp nguồn nhân lực; giải pháp về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

+ Bổ sung dự kiến nhu cầu vốn, xác định chi tiết cơ cấu nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch; phân định rõ cơ cấu nguồn vốn, phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn gắn liền với khả năng đảm bảo nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

+ Xem xét đưa vào một số giải pháp có tính chất “đột phá”, khác biệt để phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Về số liệu, dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch:* rà soát, chỉnh sửa bảo đảm tính thống nhất về các chỉ tiêu, số liệu giữa các tài liệu, trích dẫn nguồn gốc số liệu theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; rà soát, chỉnh sửa lỗi chính tả trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.

- *Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch*

+ Về hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch:

Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ và Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; rà soát chính xác đường địa giới hành chính các cấp theo Nghị quyết số 834/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị Quyết 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Lưu ý các bản đồ, sơ đồ thể hiện phạm vi tổng thể của Việt Nam cần phải có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Rà soát các tiêu chuẩn kỹ thuật trình bày bản đồ (hệ tọa độ, múi chiều, tỷ lệ, nguồn dữ liệu, bản đồ phụ, chú giải phù hợp với nội dung; ranh giới, địa giới, địa danh...) phù hợp với Luật Đo đạc và Bản đồ; rà soát để bảo đảm khớp nội dung dữ liệu bên trong với ranh giới tỉnh.

+ Về cơ sở dữ liệu quy hoạch: bổ sung nội dung mô tả việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hoá, cập nhật trong các nội dung quy hoạch theo yêu cầu của Điều 41 Luật Quy hoạch, Điều 41 và Điều 47 Luật Đo đạc bản đồ; rà soát, bổ sung các lớp dữ liệu còn thiếu thông tin; rà soát, chỉnh sửa một số lỗi về hình học, lỗi của dữ liệu thuộc tính.

#### ***đ) Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)***

- Đề nghị rà soát để đảm bảo tên và nội dung các đề mục trong báo cáo ĐMC theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; bổ sung một số văn bản pháp lý, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường làm căn cứ xây dựng ĐMC.

- Xác định rõ những nội dung nào của quy hoạch có thể làm ảnh hưởng tiêu cực và tích cực đến môi trường; xác định rõ phạm vi nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Làm rõ thành phần môi trường, các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hoá xã hội có khả năng bị tác động bởi quy hoạch; bổ sung đánh giá, dự báo đầy đủ tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Rà soát, làm rõ các vấn đề môi trường chính; bổ sung tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tác động của quy hoạch đối với các các vấn đề môi trường chính; việc lựa chọn các vấn đề môi trường chính cần căn cứ trên diễn biến các thành phần môi trường trong thời gian vừa qua tại địa phương và xu hướng phát triển trong quy hoạch tỉnh; đánh giá, dự báo tác động đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp vẫn thực hiện các quy hoạch trước đây đã được phê duyệt, từ đó đưa ra khuyến nghị đối với việc hoạch định chính sách của tỉnh; nêu rõ diễn biến của các vấn đề môi trường chính; rà soát, phân tích lại các vấn đề liên quan, từ đó xây dựng phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về quy mô, công suất, công nghệ xử lý, hạ tầng xử lý chất thải... cho phù hợp.

- Bổ sung nội dung về "*Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến Phương án thực hiện Quy hoạch*"; trong phần tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu cần xét đến vấn đề gia tăng bão mạnh, nước dâng do bão; đồng thời, cần kiến nghị các giải pháp nhằm giảm tác động đối với các thành phần quan trọng và mang tính lâu bền của quy hoạch, đặc biệt là các biện pháp thích ứng đối với các khu công nghiệp, các công trình vĩnh cửu được quy hoạch trong các khu vực địa hình thấp ven biển, dễ bị ngập sâu do mưa lũ và nước biển dâng.

- Làm rõ kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch và cơ sở để đánh giá được mức độ tác động tích cực, tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

- Rà soát các giải pháp, bảo đảm bám sát theo các vấn đề môi trường chính; phân tích cụ thể, chi tiết nội dung của các giải pháp để giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu.

- Bổ sung, làm rõ các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

***e) Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050***

Rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hoàn thiện báo cáo Quy hoạch; rà soát, biên tập để đảm bảo thể hiện đầy đủ các phương án quy hoạch đã được nêu trong báo cáo quy hoạch.

### **III. KẾT LUẬN**

1. Hội đồng thẩm định đánh giá quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện (*tỷ lệ 26/26 phiếu đánh giá - đạt 100%*).

3. Hội đồng thẩm định đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch:

a) Xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình cụ thể toàn bộ ý kiến thẩm định bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, ủy viên phản biện; ý kiến tham gia của thành viên Hội đồng thẩm định tại phiên họp của Hội đồng thẩm định và nội dung Báo cáo này để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh (bao gồm cả nội dung đánh giá môi trường chiến lược) theo quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch (bao gồm Báo cáo quy hoạch, báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh, dự thảo quyết định phê duyệt, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu) trên cơ sở Báo cáo tiếp thu, giải trình. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, dữ liệu và nội dung trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh.

c) Gửi hồ sơ quy hoạch đã hoàn thiện đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP của Chính phủ để tiến hành rà soát theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

4. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm rà soát các nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã được hoàn thiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm về việc rà soát các nội dung trong quy hoạch đã được phân công tại Kế hoạch số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023; các ủy viên phản biện rà soát hồ sơ quy hoạch theo ý kiến phản biện và báo cáo thẩm định quy hoạch theo quy định. Văn bản rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định và ủy viên phản biện gửi về cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định theo đúng thời gian quy định để tổng hợp.

5. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tiếp nhận hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã được hoàn thiện do cơ quan lập quy hoạch gửi; trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký văn bản gửi thành viên Hội đồng để rà soát; tổng hợp kết quả rà soát của thành viên Hội đồng thẩm định, dự thảo văn bản rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định ban hành theo quy định tại khoản 9 Điều 34 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ.

6. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt..

Trên đây là báo cáo thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

*(Xin gửi toàn bộ văn bản tham gia ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm định và các ủy viên phản biện kèm theo Báo cáo thẩm định).*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng - Chủ tịch HBTĐ (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng thẩm định;
- Ủy viên phản biện (10 chuyên gia);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, QLQH. LiC3

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**★ THỦ TRƯỞNG  
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
Trần Quốc Phương**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3608 /BVHTTDL-KHTC  
V/v tham gia ý kiến thẩm định Quy hoạch  
tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh

Phúc đáp Công văn số 6302/HĐTĐ-CV ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc lấy ý kiến thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Về việc góp ý kiến đối với Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế:

Ngày 12 tháng 05 năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 1857/BVHTTDL-KHTC gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát hồ sơ, ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1857/BVHTTDL-KHTC cơ bản đã được cơ quan lập Quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu để bổ sung hoàn thiện Dự thảo Quy hoạch.

2. Để hoàn thiện Dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị cơ quan lập Quy hoạch tiếp tục nghiên cứu một số nội dung như sau:

2.1. Đối với các nội dung liên quan đến các lĩnh vực văn hóa:

- Tại điểm c, tiểu mục “3.3.2. Phương hướng, giải pháp phát triển văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa” (trang 492 Báo cáo tổng hợp), đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung về hoạt động thư viện như sau: “Xây dựng hệ thống thư viện theo hướng hiện đại kết hợp giữa thư viện truyền thống và thư viện điện tử/thư viện số. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống thư viện để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện. Đa dạng sản phẩm, dịch vụ thư viện; đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển thư viện tỉnh trở thành trung tâm bảo quản lưu trữ vùng. Tăng cường phát triển, đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống thư viện công cộng cấp huyện và cấp xã, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện cơ sở giáo dục đảm bảo về điều kiện thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Thư viện. Phát triển và nhân rộng các mô hình phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng. Đổi mới các hoạt động nâng cao năng lực sử dụng thông tin cho người sử dụng thư viện và người dân góp phần phát triển kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng và hình thành thói quen đọc bền vững cho người dân”.

2.2. Đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực du lịch:

- Về hiện trạng và phương án phát triển ngành du lịch:

Báo cáo Quy hoạch đã cơ bản đánh giá được hiện trạng phát triển ngành du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế; đưa ra được các mục tiêu, định hướng phát triển

ngành du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời kỳ 2021 - 2030. Tuy nhiên, Báo cáo Quy hoạch chưa đánh giá được hiện trạng công tác xúc tiến - quảng bá du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển du lịch; đồng thời, các giải pháp về công tác xúc tiến quảng bá du lịch, liên kết phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh/thành trong vùng và cả nước, thu hút đầu tư phát triển du lịch, công tác chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh du lịch vẫn còn ở mức độ khái quát, chưa đưa ra được các định hướng, giải pháp cụ thể. Báo cáo Quy hoạch cũng chưa đưa ra được các định hướng liên kết phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh và liên tỉnh, các thị trường khách du lịch quốc tế và nội địa mà tỉnh Thừa Thiên Huế hướng tới, các giải pháp về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong du lịch. Do đó, đề nghị bổ sung những nội dung này để hoàn thiện thêm.

- Về hiện trạng, phương án phát triển khu chức năng và kết cấu hạ tầng du lịch:

Báo cáo Quy hoạch đã đánh giá được hiện trạng đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở, dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (lưu trú, hạ tầng giao thông, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lữ hành và phương tiện vận chuyên khách du lịch...); hiện trạng tổ chức các không gian phát triển du lịch và thực trạng phát triển tại các địa bàn trọng điểm du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế; hiện trạng phát triển hệ thống các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh; đưa ra được mục tiêu về số lượng cơ sở lưu trú du lịch đến năm 2030, các định hướng về đầu tư phát triển hạ tầng giao thông phục vụ du lịch, hạ tầng các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (lưu trú, mua sắm, vui chơi giải trí...); phương án tổ chức các không gian phát triển du lịch.

Tuy nhiên, chưa đánh giá được hiện trạng đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ du lịch khác (ăn uống, vui chơi giải trí, mua sắm...); chưa đưa ra được các định hướng phát triển hệ thống cơ sở ăn uống phục vụ du lịch. Ngoài ra, Báo cáo Quy hoạch mới chỉ đưa ra được định hướng phát triển tại Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương; chưa hệ thống được các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như định hướng phát triển tại mỗi khu, điểm du lịch. Đề nghị nghiên cứu bổ sung.

- Tại Dự thảo Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt) xác định một số định hướng cụ thể như sau: Tỉnh Thừa Thiên Huế nằm trong khu vực động lực phát triển du lịch Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam với mục tiêu thúc đẩy phát triển du lịch khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; kết nối các di sản thế giới trong nước với quốc tế, gắn kết các sản phẩm du lịch văn hoá với du lịch đô thị và nghỉ dưỡng biển; Thành phố Huế là một trong 09 trung tâm du lịch gắn với các đô thị có tiềm năng và lợi thế trên cả nước; trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ có một khu vực nằm trong danh mục địa điểm tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia là Lăng Cô - Cảnh Dương.

Đề nghị nghiên cứu, rà soát, cập nhật các nội dung trên vào báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo phù hợp và thống nhất với các định hướng phát triển du lịch chung của cả nước trong thời kỳ 2021 - 2030.

- Luật Du lịch năm 2017 không còn các quy định về “Điểm du lịch quốc gia”; do đó, đề nghị rà soát các nội dung liên quan tại Báo cáo Quy hoạch để bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành trong lĩnh vực du lịch.

### 2.3. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC):

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của phương án phát triển văn hóa, thể thao (sân golf, hoạt động thể thao trên biển, đầm phá...) đến các thành phần môi trường chính.

- Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá, dự báo về tác động của biến đổi khí hậu đến phương án phát triển ngành văn hóa, thể thao vào tiêu mục 3.4.3 (trang 247 Báo cáo ĐMC) theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trên thực tế, quá trình đô thị hóa và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đã gây ra những tác động tiêu cực tới phạm vi khoanh vùng bảo vệ, cảnh quan, môi trường của nhiều loại hình di sản văn hóa; đồng thời, nhiều di tích lịch sử - văn hóa cũng bị xuống cấp, hư hại do tác động của thiên tai, lũ lụt... Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung nhóm giải pháp ngăn ngừa, hạn chế những tác động tiêu cực nêu trên tới hệ thống di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh tổng hợp.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Đoàn Văn Việt;
- Lưu: VT, KHTC, NTA.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Đoàn Văn Việt

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3939/BTP-PLDSKT

*Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023*

V/v tham gia ý kiến đối với Quy hoạch  
tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 -  
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
(Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh)

Trả lời Công văn số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) đề nghị tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, căn cứ vào thông tin được cung cấp và theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở đó và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Quy hoạch năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế lập hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) để tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.

2. Hồ sơ thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 mà Bộ Tư pháp nhận được gồm: (i) Tờ trình đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh; (ii) Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh, bao gồm Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh; (iii) dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; (iv) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch tỉnh; (v) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh, bao gồm các bản sao ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh; (vi) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; (vii) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch; (viii) Công văn của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh; (ix) Văn bản thống nhất trình thẩm định Quy hoạch tỉnh. Do đó, thành phần hồ sơ đã đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch và Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh.

3. Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

4. Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch tỉnh, đây là những vấn đề mang tính chuyên môn, kỹ thuật; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp thuộc phạm vi tích hợp trong Quy hoạch tỉnh. Do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế (trong đó có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược) để thẩm định, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng; phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội); tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan.

5. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Quy hoạch, “*Báo cáo thẩm định... quy hoạch tỉnh phải thể hiện rõ ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch về nội dung thẩm định quy hoạch quy định tại Điều 32 của Luật này và kết luận về việc quy hoạch đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*”

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Tư pháp đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh) tham khảo, thực hiện đúng quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, N. Trang).

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3392 /BTTTT-VCL

V/v tham gia ý kiến thẩm định đối  
với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến  
năm 2050

*Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc tham gia ý kiến thẩm định với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/03/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc Điều chỉnh Quy trình và nội dung thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Hồ sơ quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Phụ lục giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp cho Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Hệ thống bản đồ, danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ: Danh mục hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đầy đủ tính hợp lệ theo quy định tại Điều 4: Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Kết luận: thành phần hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các Điều 12, 13 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch: “Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”: phù hợp với tên quy hoạch trong nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Nội dung quy hoạch theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ

Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản số 1018/BTTTT-VCL ngày 28/03/2023 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tham gia ý kiến quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tuy nhiên, dự thảo trình thẩm định chưa tiếp thu đầy đủ và chỉnh sửa theo ý kiến tại văn bản này.

## 2.1. Tổng quan

Quy hoạch phát triển địa phương cần gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quy hoạch phát triển của vùng, đồng thời gắn kết với định hướng phát triển của ngành trong giai đoạn tới.

Ngành thông tin và truyền thông trong giai đoạn vừa qua đã ban hành nhiều Chiến lược phát triển quan trọng, trong đó có Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chiến lược phát triển quốc gia về kinh tế số, xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022; Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030... Đề nghị rà soát đảm bảo Quy hoạch đồng bộ, thống nhất với mục tiêu, nhiệm vụ, phương án, giải pháp nêu trong các Quyết định nêu trên đồng thời bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Quy hoạch cần đưa ra các yêu cầu phát triển mang tính đột phá, đổi mới đảm bảo tính chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội theo chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019.

Căn cứ các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực có liên quan (giao thông, xây dựng, năng lượng,...) trên địa bàn tỉnh, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các mục tiêu, giải pháp phát triển hạ tầng viễn thông thụ động (*ví dụ như tạo điều kiện, cho phép xây dựng, phát triển nhà trạm, cột ăng ten thu phát sóng di động; lắp đặt cáp viễn thông trong quá trình triển khai phát triển hạ tầng liên ngành (giao thông, xây dựng năng lượng,...) tại địa phương nhằm tăng cường dùng chung cơ sở hạ tầng; thúc đẩy việc ngầm hoá cáp viễn thông; ...*) nhằm tạo cơ sở cho việc xây dựng, triển khai

quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương. Hạ tầng viễn thông phải được lồng ghép vào quy hoạch tỉnh, song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng cấp thoát nước, hạ tầng công trình ngầm... để bảo đảm hiệu quả đầu tư chung của tỉnh.

## 2.2. Ý kiến đối với báo cáo tổng hợp

### a) Ý kiến tổng hợp

Đề nghị bổ sung hiện trạng mạng lưới cơ sở báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin cơ sở; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu và phương án phát triển.

Đề nghị xây dựng mục tiêu phát triển và phương án phát triển dựa trên nghiên cứu hiện trạng phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh. Dự thảo báo cáo tổng hợp chưa thể hiện đầy đủ hiện trạng của mọi lĩnh vực thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, vì vậy một số nội dung mục tiêu và phương án phát triển được xây dựng chưa phù hợp, chưa khả thi khi thực hiện.

Đề nghị phân định rõ mục tiêu phát triển và phương án phát triển, điều chuyển những nội dung mang tính phương án ở mục 3.1.2. Mục tiêu cụ thể, trang 636; những nội dung mang tính mục tiêu ở mục 3.2. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông, trang 639 sang mục phù hợp.

### b) Ý kiến cụ thể

Trang 274, mục 4.3.1. Bưu chính, đề nghị rà soát và bổ sung nội dung hiện trạng của hạ tầng bưu chính. Những nội dung thể hiện tại "*Về chính quyền số, về kinh tế số, về xã hội số*" không phải là hiện trạng phát triển hạ tầng bưu chính trên địa bàn tỉnh. Đề nghị bổ sung chỉ tiêu về bán kính phục vụ, số dân phục vụ, tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối Internet. Đề nghị bổ sung hiện trạng triển khai địa chỉ số, bản đồ số bưu chính trên địa bàn tỉnh.

Trang 276, mục 4.3.2.1. Hạ tầng và nền tảng số, đề nghị bổ sung hiện trạng phát triển nền tảng số theo đúng nội dung của mục.

Trang 279, nội dung thông tin trên biển, đề nghị điều chuyển sang mục 4.3.2.2. Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Trang 280, mục 4.3.3.4. Hệ thống trạm phát sóng thông tin di động, đề nghị rà soát và thống nhất lại nội dung "*1.302 vị trí cột ăng ten*" và "*1.515 trạm*

*BTS*” và “2.455 trạm BTS” tại trang 280 và trang 276; số liệu “*Mạng di động đã phủ sóng 1.104/1.104 thôn*” và “*Mạng di động đã phủ sóng 1.133/1.133 thôn*”; số liệu “*tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 99,8%*” và “*số thuê bao đầu cuối hỗ trợ 4G đạt 69%*” ...

Trang 281, mục 4.3.4. Hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung những nội dung sau:

- Hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp (tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến cấp 3, cấp 4), tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ.

- Hiện trạng và các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng thiết bị hiện có của trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống đường truyền (hạ tầng mạng LAN, mạng WAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng) đang được triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Hiện trạng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước, kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số.

- Nền tảng số đã được triển khai: đánh giá nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, nền tảng số của các ngành, lĩnh vực... tạo cơ sở xây dựng định hướng phát triển chính quyền số đảm bảo tính khả thi, kế thừa, tận dụng hiệu quả các hệ thống đã được đầu tư.

- Hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành, lĩnh vực trọng điểm.

- Hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, nhân lực số và đánh giá về hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

- An toàn thông tin mạng.

- Hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số: số lượng các doanh nghiệp công nghệ số (nếu có); số lượng doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, cung cấp dịch vụ phần cứng, điện tử; sản xuất, gia công, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nội dung số.

Trang 636, mục 3.1. Mục tiêu phát triển, đề nghị bổ sung mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số, nguồn nhân lực số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

Trang 636, mục 3.1.2.1. Bưu chính, đề nghị xây dựng mục tiêu cụ thể dựa trên nghiên cứu hiện trạng phát triển hạ tầng bưu chính và tham khảo Quyết định

654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Trang 641, mục 3.2.3. Phương án phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung phương án phát triển kinh tế số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

Trang 642, mục 3.2.3.3. Xã hội số, đề nghị rà soát nội dung của mục này để thể hiện đúng phương án phát triển xã hội số trên địa bàn tỉnh. Điều chuyển những nội dung không phải là xã hội số sang mục phù hợp.

Trang 643, mục 3.2.3.5. Hạ tầng phát thanh, truyền hình, đề nghị cụ thể hóa phương án phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh và hạ tầng thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Trang 643, mục 3.2.3.6. Mạng lưới cơ sở báo chí; xuất bản, in và phát hành; phát thanh, truyền hình; thông tin cơ sở; thông tin điện tử; thông tin đối ngoại, đề nghị bổ sung phương án phát triển của những lĩnh vực còn thiếu.

### 2.3. Ý kiến cụ thể đối với Dự thảo Quyết định quy hoạch

Một số nội dung tại mục 3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông chưa được đồng bộ với mục tiêu và phương án phát triển đã xây dựng tại Báo cáo tổng hợp xây dựng quy hoạch. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung của hạ tầng thông tin và truyền thông vào Quyết định quy hoạch, bao gồm các nội dung về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

### 2.4. Ý kiến cụ thể đối với bản đồ

Đề nghị nghiên cứu công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/08/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh để thể hiện hệ thống bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Bản đồ thông tin và truyền thông bao gồm những bản đồ sau:

- Bản đồ hiện trạng hạ tầng viễn thông thụ động.
- Bản đồ hiện trạng mạng lưới thông tin và truyền thông.
- Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động.
- Bản đồ phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông.

Đề nghị thể hiện riêng biệt bản đồ của ngành thông tin và truyền thông với các ngành khác.

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định, cần chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch sau khi chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (Đ/chi nhận: Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, VCL (4).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 8220 /BTNMT-KHTC

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ Quy hoạch  
tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm  
nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
(Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

Phúc đáp Công văn số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến góp ý về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch), Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

I. Ngày 06 tháng 4 năm 2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 2334/BTNMT-KHTC gửi UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tham gia ý kiến góp ý về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên nước, ...

II. Đề hoàn thiện dự thảo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung sau:

II.1. Về báo cáo tổng hợp Quy hoạch:

1. Về căn cứ lập quy hoạch, đề nghị rà soát, bổ sung:

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội Khóa XV; Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 7/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; bổ sung ngày ban hành đối với các văn bản “Nghị quyết số 39/2021/QH15”, “Quyết định 1769/QĐ-TTg”, Quyết định số 1579/QĐ-TTg”.

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/3/2019 Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

- Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Thừa Thiên Huế vào mục “6.2. Thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên”.

2. Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện (tại Chương 9 Phần II Báo cáo tổng hợp Quy hoạch):

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch quy định quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Do đó, việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023.

- Về xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đến năm 2030: Theo Dự thảo Quy hoạch, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chưa đảm bảo chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có 13 chỉ tiêu sử dụng đất xác định cao hơn cấp quốc gia phân bổ (trong đó, đất rừng phòng hộ cao hơn 2.116 ha, đất phi nông nghiệp cao hơn 7.722 ha, đất quốc phòng cao hơn 263 ha, đất khu công nghiệp cao hơn 3.759 ha, đất cơ sở thể dục thể thao cao hơn 123 ha, đất di tích lịch sử - văn hoá cao hơn 82 ha, đất chưa sử dụng cao hơn 652 ha, đất đô thị cao hơn 10.816 ha, đất khu công nghệ cao tính xác định 1.100 ha trong khi chỉ tiêu quốc gia không phân bổ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế), có 09 chỉ tiêu thấp hơn chỉ tiêu quốc gia phân bổ (trong đó, đất nông nghiệp thấp hơn 8.374 ha, đất rừng sản xuất thấp hơn 5.918 ha, đất an ninh thấp hơn 416 ha, đất giao thông thấp hơn 446 ha, đất xây dựng cơ sở văn hoá thấp hơn 73 ha, đất xây dựng cơ sở y tế thấp hơn 72 ha, đất cơ sở giáo dục và đào tạo thấp hơn 312 ha, đất công trình năng lượng thấp hơn 629 ha, đất công trình bưu chính, viễn thông thấp hơn 15 ha).

Đề nghị rà soát, chuẩn hóa chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo đúng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22, điểm b khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (hiện tỉnh Thừa Thiên Huế đang đề 05 chỉ tiêu sau thuộc chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng gồm: đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; đất cơ sở tôn giáo; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất có di tích lịch sử - văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải, nhưng theo quy định nêu trên thì 05 chỉ tiêu này là chỉ tiêu độc lập không thuộc chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng).

Về chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh, hiện nay: Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tổ chức thẩm định. Để đảm bảo tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để cập nhật diện tích đất quốc phòng, đất an ninh quy hoạch trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030.

- Thực hiện Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch

sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 đã phân bổ cho các địa phương (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường). Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 chưa được cấp có thẩm quyền điều chỉnh.

Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ đạo các cơ quan chức năng căn cứ Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội), Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội) và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hoàn thiện quy hoạch tỉnh, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật đảm bảo việc khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất theo quy hoạch, đảm bảo tính khả thi trên cơ sở nguồn lực, khả thu hút đầu tư của địa phương, tránh quy hoạch treo.

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan rà soát các nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: thông tin, số liệu, bảng biểu, chỉ tiêu sử dụng đất, bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định.

### 3. Về tài nguyên nước:

- Đối với nội dung về hiện trạng bảo vệ tài nguyên nước (tại tiểu mục 6.3.2), cần nêu rõ các nhiệm vụ đã thực hiện liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên nước, kết quả đạt được, những nội dung chưa thực hiện, những vướng mắc bất cập trong việc bảo vệ tài nguyên nước.

- Về Báo cáo tổng hợp về phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra (tại tiểu mục 6.3.3), đề nghị nêu cụ thể và đánh giá tổng quát hiệu quả, tác động các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại gây ra đã thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Đề nghị xác định vị trí, lưu lượng dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và luận chứng rõ phương pháp xác định, căn cứ tính toán, để đảm bảo dòng chảy tối thiểu không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều, đồng thời đúng theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017.

- Về các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, hoặc suy thoái, cạn kiệt để đảm bảo chức năng của nguồn nước, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung: điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; sức chịu tải của nguồn nước quan trọng; lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông; khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

### 4. Về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Về quan điểm bảo vệ môi trường: Đề nghị lồng ghép nội dung phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Về mục tiêu bảo vệ môi trường: Rà soát, thống nhất các chỉ tiêu về môi trường theo từng giai đoạn trong Quy hoạch cho phù hợp với chỉ tiêu cụ thể như: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, ... và lộ trình thực hiện để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Phụ lục I, Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ). Đồng thời, bổ sung mục tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom để thực hiện mục tiêu nêu tại Quyết định số 491/QĐ-TTg và Nghị quyết số 81/2023/QH15 nêu trên.

- Về thực trạng xử lý chất thải: Rà soát, cập nhật và bổ sung thông tin về các khu xử lý chất thải hiện hữu tại tỉnh Thừa Thiên Huế như quy mô, công suất (diện tích, công suất), đối tượng phục vụ (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường hoặc chất thải nguy hại), công nghệ áp dụng (chôn lấp hợp vệ sinh, đốt hoặc đốt thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân compost, ...). Bổ sung đánh giá công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải y tế trên toàn tỉnh và có đề xuất nêu rõ phương án thu gom, xử lý các loại chất thải này. Xem lại cách phân loại chất thải rắn trong mục 9.8.5.

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 01 lò đốt xử lý chất thải tại thị xã Hương Thủy trong đó có xử lý chất thải nguy hại và chất thải y tế của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (HEPCO), tuy nhiên chưa có báo cáo đánh giá về hiệu quả của đơn vị này và chưa nêu định hướng xử lý tối ưu 02 loại chất thải này trong thời gian tiếp theo.

- Xem xét bỏ Chương 13, do đã xây dựng riêng Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị rà soát, tiếp thu hoàn thiện đầy đủ các nội dung về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đã góp ý tại Công văn số 2334/BTNMT-KHTC của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 5. Về phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Về các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu (BĐKH) (trang 393), bổ sung thực trạng các giải pháp đã thực hiện để ứng phó với BĐKH tại tỉnh Thừa Thiên Huế; đồng thời, rà soát, đề xuất các giải pháp cụ thể về ứng phó BĐKH để thống nhất với cấu trúc và tiêu đề của mục 6.4 về “Thực trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu”; bên cạnh đó, xem xét lại thứ tự của mục này (thứ tự đúng là 6.4.2.3).

#### 6. Về địa chất, khoáng sản:

- Quá trình xây dựng quy hoạch cần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước; đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội (nộp thuế, bảo vệ môi trường), theo đó các số liệu phân tích cụ thể về hiện trạng tình hình quản lý, khai thác, sử

dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tình hình cấp phép thăm dò, khai thác so với nhu cầu hiện tại và tương lai có đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng cho các dự án trên địa bàn tỉnh... từ đó xây dựng phương án hợp lý cho từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 và làm cơ sở căn cứ cấp phép theo quy hoạch.

- Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 16 Giấy phép khai thác khoáng sản, 01 giấy phép thăm dò đang còn hiệu lực và 08 Giấy phép thăm dò khoáng sản đã phê duyệt trữ lượng nhưng chưa cấp phép khai thác. Để tránh chồng chéo giữa quy hoạch tỉnh (hệ thống giao thông, quy hoạch rừng, văn hóa, cụm công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội đảm phá Tam Giang - Cầu Hai...) với các khu vực hoạt động khoáng sản, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh yêu cầu rà soát, xử lý trước khi trình phê duyệt Quy hoạch.

#### 7. Về cơ sở dữ liệu và bản đồ:

- Bổ sung vào dự thảo Báo cáo thuyết minh tổng hợp nội dung khai thác, sử dụng dữ liệu không gian địa lý quốc gia để phục vụ nhiệm vụ lập Quy hoạch, do căn cứ theo quy định tại Điều 41, Luật Quy hoạch cũng như tại điểm b khoản 5 Điều 41 và khoản 1 Điều 47 của Luật Đo đạc và bản đồ, việc xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch cần được thực hiện trên cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

- Đến thời điểm hiện tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam chưa nhận được công văn đề nghị cung cấp dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia của tỉnh Thừa Thiên Huế, do vậy để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật đo đạc và bản đồ, đề nghị địa phương giải trình, làm rõ nguồn gốc bản đồ nền dùng để thành lập hệ thống bản đồ quy hoạch của tỉnh.

- Ngoài ra tuyến địa giới hành chính giữa thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế khu vực phía Nam đèo Hải Vân hai tỉnh chưa thống nhất đường địa giới hành chính cấp tỉnh nhưng trên hệ thống bản quy hoạch chưa thể hiện đúng nội dung này. Đề nghị sửa lại ký hiệu đường địa giới cho khu vực này thành ký hiệu đường địa giới hành chính cấp tỉnh chưa xác định, đồng thời bổ sung thêm ghi chú cho ký hiệu này. Sửa lại tên địa danh trên hệ thống bản đồ quy hoạch đối với "hòn Sơn Chà" đang đề thành "huyện Phú Lộc" là chưa phù hợp.

Đề nghị rà soát nội dung bản đồ để thể hiện phân biệt rõ giữa khu vực đã cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và diện tích chưa giấy phép hoạt động khoáng sản, khu vực quy hoạch khoáng sản cấp trung ương...

- Rà soát chính xác đường địa giới hành chính các cấp theo Nghị quyết số 834/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và Nghị Quyết 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bổ sung thêm quy định vào trong Báo cáo tổng hợp, sau khi hoàn thành phải thực hiện việc kết nối dữ liệu bản đồ quy hoạch nêu trên với Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đo đạc và bản đồ. Sản phẩm bản đồ quy hoạch phải ở định dạng GeoTiff hoặc GeoPDF để

đảm bảo việc kết nối, chia sẻ và sử dụng chung với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

8. Một số nội dung góp ý cụ thể khác:

- Đề nghị tiếp tục rà soát các nội dung liên quan, do Báo cáo tổng hợp chưa có nội dung Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện; Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch. Phụ lục I/Các căn cứ lập quy hoạch và Phụ lục II/Đánh giá về việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan kèm theo báo cáo tổng hợp chưa có nội dung, ...

- Việc xác định các tồn tại, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên; phòng chống thiên tai và ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế còn vắn tắt, chi liệt kê tên của các tồn tại hạn chế. Cần bổ sung các nội dung luận giải về các tồn tại, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đề nghị bổ sung, làm rõ nội dung này theo đúng nội dung đặt ra (Phần thứ hai, Chương II, tiểu mục 8.2.5. Trang 401).

- Nội dung ứng phó BĐKH cần lưu ý đánh giá và xây dựng các giải pháp đồng bộ, toàn diện cho khu vực dân cư và tự nhiên của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, một trong những hệ đầm phá lớn nhất và đặc trưng của cả nước.

- Bổ sung nội dung cho 02 phần phụ lục còn đang đề trống: (i) Phụ lục 1. Các căn cứ lập quy hoạch; (ii) Phụ lục 2. Đánh giá về việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan trong thời kỳ quy hoạch trước, dự báo tác động trong thời kỳ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Rà soát, chỉnh sửa một số lỗi chế bản khác, bổ sung danh mục tham khảo cho báo cáo.

9. Hiện nay các cơ quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đang trong quá trình hoàn thiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung (nếu có) các giải pháp, phương án có liên quan đến bảo vệ môi trường, không gian biển, vùng bờ trong quy hoạch tỉnh để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II.2. Về dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch:

- Xem xét lại nội dung về dự báo dân số trong Dự thảo Quyết định, do số liệu chưa thống nhất với Thuyết minh tổng hợp.

- Về phương án bảo vệ môi trường: Đề nghị bổ sung các thông tin về quản lý chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn toàn tỉnh

III. Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung:

- Phần mở đầu:

+ Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và rà soát các nội dung liên quan để bảo đảm tính thống nhất.

+ Rà soát, bỏ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại do hết hiệu lực thi hành.

+ Cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mới có hiệu lực thi hành như: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 08/2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất; QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển.

- Về phương pháp đánh giá môi trường chiến lược: Rà soát, xem xét “tham vấn các bên có liên quan” là nội dung của báo cáo ĐMC chứ không phải là phương pháp ĐMC.

- Tại mục các Chiến lược, Quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan (Mục 1.3.1): Bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 và Nghị quyết 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030.

- Về Khái quát mối quan hệ của Quy hoạch tỉnh với các chiến lược, quy hoạch có liên quan (Mục 1.3.2.): Đề nghị nêu và đánh giá các quan điểm, mục tiêu của dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với các quan điểm, mục tiêu cụ thể trong các văn bản có liên quan đã nêu tại mục 1.3.1.

- Về phạm vi không gian: Bổ sung phạm vi tác động một phần đến các tỉnh, thành phố lân cận như thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Trị và các tỉnh giáp ranh thuộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Từ đó xác định các tác động của Quy hoạch đến các phụ cận liên quốc gia có thể bị ảnh hưởng.

- Về lựa chọn vấn đề môi trường chính (Mục 3.2.2.): Báo cáo đã lựa chọn 06 vấn đề môi trường chính, gồm: (1) Gia tăng phát sinh chất thải gây suy thoái/ô nhiễm môi trường; (2) Tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt và sạt lở bờ sông, bờ biển; lũ quét và trượt lở đất ở miền núi; (3) Trữ lượng và chất lượng nước; (4) Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH; (5) Các vấn đề về xã hội (giải tỏa và đền bù, di dời, tái định cư,...); (6) Các vấn đề liên quan đến di sản, di tích.

Tuy nhiên, việc lựa chọn các vấn đề môi trường chính cần căn cứ trên diễn biến các thành phần môi trường trong thời gian vừa qua tại địa phương và xu hướng phát triển trong dự thảo Quy hoạch tỉnh, việc đặt tên vấn đề môi trường chính chưa phù hợp với thực tiễn, ví dụ việc gia tăng chất thải gây suy thoái/ô nhiễm môi trường là nội dung của quản lý môi trường, còn vấn đề môi trường chính là việc áp lực đến môi trường do gia tăng chất rắn hay gia tăng tai

biến thiên nhiên do biến đổi khí hậu hoặc suy giảm trữ lượng và chất lượng nước hoặc suy giảm đa dạng sinh học.

Mặt khác, các vấn đề về xã hội (giải tỏa và đền bù, di dời, tái định cư,...) và các vấn đề liên quan đến di sản, di tích không phải là vấn đề môi trường, mà chỉ liên quan tới môi trường.

- Về nội dung đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch: cần đánh giá, dự báo tác động đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp vẫn thực hiện các quy hoạch trước đây đã được phê duyệt, từ đó đưa ra khuyến nghị đối với việc hoạch định chính sách của tỉnh Thừa Thiên Huế.

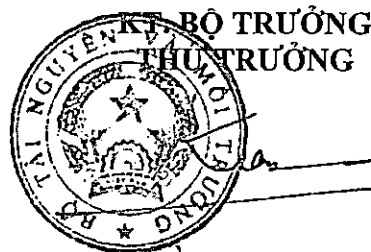
- Về nội dung đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch: cần nêu rõ diễn biến của các vấn đề môi trường chính; rà soát, phân tích lại các vấn đề liên quan, do số liệu tại bảng 3.16 Báo cáo ĐMC có nêu trường hợp thực hiện Quy hoạch thì lượng chất thải sẽ gia tăng so với trường hợp không thực hiện Quy hoạch là 03 lần. Từ đó xây dựng phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về quy mô, công suất, công nghệ xử lý, hạ tầng xử lý chất thải,... cho phù hợp.

- Những vấn đề khác cần lưu ý: Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch năm 2017: quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay nhiều quy hoạch cấp quốc gia đang được lập, chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Vì vậy, cần làm rõ các vấn đề có liên quan chưa được xác định để đề xuất định hướng xử lý nhằm đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống quy hoạch, trong đó có nội dung liên quan đến sự phù hợp của phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quan trắc môi trường trong Quy hoạch tỉnh với định hướng phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp về quan trắc môi trường trong Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (HH)



**Trần Quý Kiên**



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9423/BTC-NSNN  
V/v tham gia ý kiến thẩm định  
quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế

Hà Nội, ngày 5 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh).

Bộ Tài chính nhận được Văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đề nghị tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Tài chính có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. Thành phần hồ sơ quy hoạch:**

Đã đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 3191/ITr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được ủy quyền tại Văn bản số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch;

- Hệ thống bản đồ quy hoạch;

- Các văn bản có liên quan khác.

**II. Nhận xét chung về hồ sơ Quy hoạch:**

Nội dung của báo cáo tổng hợp quy hoạch đã bám sát quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

### III. Nhận xét cụ thể về nội dung Quy hoạch:

#### 1. Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý:

Theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch): Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các quy hoạch có thể lập đồng thời; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước; sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 thực hiện Nghị Quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023. Do đó, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, cập nhật các nội dung có liên quan đảm bảo tính thống nhất nội dung quy hoạch Quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Về các căn cứ pháp lý lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế: Đề nghị bổ sung Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 25/5/2023 về việc đẩy mạnh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

3. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt; độ tin cậy và sự đầy đủ của số liệu, dữ liệu:

- Quy hoạch tỉnh được lập trên cơ sở các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội các huyện; thị xã; thành phố; các quy hoạch phát triển ngành của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và các nội dung còn hiệu lực, còn phù hợp với giai đoạn 2021-2030; các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh, các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương đối với tỉnh Thừa Thiên Huế còn hiệu lực. Qua rà soát, hồ sơ quy hoạch bám sát, phù hợp với nội dung nhiệm vụ lập Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin, số liệu; tính khoa học và khách quan, tính đồng bộ và thống nhất của thông tin, số liệu dữ liệu đầu vào để xây dựng các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh: Quy hoạch tỉnh được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa thực tế của địa phương với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế của các chuyên gia, nhà khoa học từ các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế... kết hợp với các chuyên gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; vì vậy độ tin cậy và phương pháp lập đã sát với thực tiễn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### 4. Về nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch:

Ngày 28/7/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế là 20.342 tỷ đồng (vốn ngân sách trung ương là 7.821 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 12.521 tỷ đồng).

Theo dự thảo báo cáo tổng hợp về giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch: tỉnh Thừa Thiên Huế chưa dự kiến nhu cầu vốn đầu tư theo từng giai đoạn. Vì vậy, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến nhu cầu vốn, xác định chi tiết cơ cấu nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch, tính toán dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao và phù hợp với dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn 2026-2030, đồng thời, đề nghị phân định rõ cơ cấu nguồn vốn, phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn gắn liền với khả năng đảm bảo nguồn lực để thực hiện các dự án thuộc quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

#### 5. Về quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia:

- Quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia đến năm 2020:

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Tài chính được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-BTC ngày 10/6/2013; trong đó, tổng diện tích quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 05 ha. Tỉnh Thừa Thiên Huế đã phê duyệt quỹ đất để xây dựng kho dự trữ quốc gia đến năm 2020 tại huyện Hương Trà là 7 ha (diện tích của cả thửa đất); tuy nhiên, do vướng mắc liên quan đến quyền sử dụng đất của 13 hộ dân nên đến nay đang triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chưa có quỹ đất để xây dựng kho dự trữ quốc gia.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký hợp đồng thuê 01 điểm kho của Công ty Cổ phần Giống cây trồng - Vật nuôi Thừa Thiên Huế bảo quản hạt giống cây trồng dự trữ quốc gia.

- Đối với quy hoạch sử dụng đất xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại tỉnh Thừa Thiên Huế theo phê

duyet tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ là 08 ha (không bao gồm kho thuê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Do đó, sau khi quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt, quy hoạch chi tiết hệ thống kho dự trữ quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ thực hiện điều chỉnh tích hợp và theo quy định hiện hành.

#### IV. Kết luận và kiến nghị:

Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định. Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo góp ý tại phần III văn bản này trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh nghiên cứu, tổng hợp. /

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tổng cục DTNN;
- Cục QLCS;
- Vụ: ĐT, HCSN, I;
- Lưu: VT, NSNN (7b). ✓

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Thành Hưng**

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:4937 /BNV - CQĐP

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2023

V/v góp ý Quy hoạch tỉnh  
Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

**1. Về căn cứ lập quy hoạch**

a) Phần căn cứ dự thảo Quyết định của Thủ tướng: Đề nghị bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Mục II Phần mở đầu Báo cáo tổng hợp: Đề nghị bổ sung các văn bản: (1) Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; (2) Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030; (3) Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; và (4) Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

**2. Về phương án phát triển hệ thống đô thị**

Đề nghị chỉnh sửa phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị theo hướng không tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (trang 16 khoản 1 Mục V Điều 1 dự thảo Quyết định và trang 535 Báo cáo tổng hợp).

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan thường trực Hội đồng) tổng hợp và có ý kiến với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế để tiếp thu, hoàn thiện, báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, Vụ CQĐP.



Nguyễn Duy Thăng

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6307 /BNN-KH  
V/v ý kiến góp ý đối với Quy hoạch  
tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến 2050

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phúc đáp văn bản 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch). Trên cơ sở hồ sơ nhận được, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông có ý kiến như sau:

1. Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được xây dựng cơ bản bảo đảm các nội dung quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Báo cáo cơ bản đánh giá được những kết quả đạt được, nhận định những hạn chế của phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2020. Các quan điểm, định hướng và nội dung Quy hoạch được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, các yếu tố tác động mạnh mẽ đến phát triển của Tỉnh và dự báo tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế thời gian tới.

**2. Một số ý kiến góp ý cụ thể:**

a) Về căn cứ lập quy hoạch: Bổ sung các văn bản pháp luật, như: Các Luật: Lâm nghiệp, Thủy sản, Phòng, chống thiên tai, Đê điều, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai năm 2030, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Về nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- *Lĩnh vực chăn nuôi*: Bổ sung công tác quản lý dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cơ sở giết mổ, sơ chế, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm; thuận lợi khó khăn phát triển chăn nuôi giai đoạn vừa qua để có định hướng phát triển phù hợp (Mục 1.2.1, Chương 2); Mục 2.3.2.2, Chương 4. Rà

soát, tiếp thu theo ý kiến góp ý (lần1) văn bản số 2364/BNN-KH ngày 14/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong đó: Tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững, đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đến người chăn nuôi, nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển các mô hình, tổ hợp tác và hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên ứng dụng công nghệ chuồng trại đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi, nâng cao năng lực xử lý chất thải chăn nuôi; bổ sung quy hoạch các cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến và cần bảo đảm có sự liên thông giữa cơ sở giết mổ với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm.

- *Lĩnh vực thủy lợi*: Bổ sung đề xuất phối hợp giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị với phương án quy hoạch các hồ chứa, cống, kênh, trục thuộc lưu vực sông Ô Lâu có ảnh hưởng đến cấp nước, phòng lũ, tiêu, thoát nước trên địa bàn 2 tỉnh.

- *Lĩnh vực thủy sản*: Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng, tiềm năng, hướng phát triển; đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xây dựng trạm cung cấp dịch vụ, hậu cần, sơ chế, bảo quản, trung chuyển sản phẩm thủy sản; khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; củng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vỏ tàu, máy tàu, ngư cụ; thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ nuôi trồng, chế biến và dịch vụ nghề cá (theo Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045).

- *Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai*: Tại Chương 2. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2030 (trang 43): Bổ sung: (1) Đánh giá (hiện trạng) khả năng chống chịu trước thiên tai của từng ngành trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai (gồm hiện trạng hệ thống đê điều, hồ chứa,...), giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp...; (2) Phân tích, đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực phát triển đô thị, nông thôn, giao thông, các khu vực sản xuất, chế biến nông sản, khu công nghiệp...; (3) Chiến lược quốc gia về Phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn quy hoạch tiếp

theo, xác định nội dung phòng chống thiên tai (theo quy định tại Điều 16, Luật Phòng, chống thiên tai) cần lồng ghép vào quy hoạch phát triển riêng của từng ngành, quy hoạch Tỉnh nói chung (theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép, phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội), qua đó có cơ sở lựa chọn kịch bản Phòng, chống thiên tai bảo đảm phù hợp với kịch bản phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

+ Về phương án Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (trang 852): Rà soát, điều chỉnh tên loại hình thiên tai cho phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; rà soát phân vùng thiên tai đối với các loại hình thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, ngập; bổ sung phân vùng với các loại hình thiên tai khác như sạt lở bờ sông, bờ biển,...

+ Mục 4.3 (trang 856). Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: Bổ sung, xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai phù hợp với từng vùng, từng loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở, ...; rà soát bảo đảm phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất; xác định cụ thể không gian thoát lũ của tuyến sông trên địa bàn đảm bảo phù hợp với Quy hoạch, trong đó quy định tần suất thoát lũ đối với dòng chính sông Hương và tần suất chống lũ đối với thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 là 7%. Trên cơ sở đó, đề xuất phương án, giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp công trình, phi công trình.

+ Về xây dựng phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh (trang 861): Rà soát xác định lũ thiết kế của tuyến sông có đê trên địa bàn, bao gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định mực nước báo động để tổ chức hộ đê cho từng tuyến sông có đê; bổ sung các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng, chống lũ tuyến sông có đê như: Xây dựng hồ chứa nước thượng lưu; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, chông cây chắn sóng bảo vệ đê; xây dựng tu bổ đê điều; làm thông thoáng dòng chảy; tổ chức quản lý và hộ đê.

+ Phương án phát triển hệ thống đê điều (trang 862): Rà soát, bổ sung các nội dung sau: Xác định nhiệm vụ, vị trí, các thông số kỹ thuật của từng tuyến đê: (1) Đê biển phải bảo đảm chống bão, nước biển dâng theo tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đê biển, tương ứng với cấp của tuyến đê và phải bao gồm cả diện tích trồng cây chắn sóng, rà soát xác định; (2) Đối với đê sông, đê cửa sông và đê bao phải bảo đảm an toàn ứng với mực nước lũ thiết kế và có giải pháp bảo đảm an toàn đê khi xảy ra lũ lịch sử; không ảnh hưởng đến quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê và cả hệ thống sông.

+ Đối với nội dung quản lý, sử dụng bãi sông trong phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê. Rà soát bổ sung: Xác định không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông, bãi sông nằm giữa 2 tuyến đê; xác định cụ thể vị trí, diện tích các khu vực công trình, nhà ở phải di dời; các khu vực bãi sông có nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới; bổ sung bản đồ hiện trạng hệ thống đê điều; bản đồ các phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và nội dung liên quan đến phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong các bản đồ khác có liên quan của hồ sơ quy hoạch.

c) Về danh mục dự án ưu tiên

Rà soát, bổ sung các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bảo đảm đạt được các mục tiêu quy hoạch đề ra, đặc biệt đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ; các dự án về di dời, sắp xếp bảo đảm an toàn dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai bảo đảm phù hợp với các mục tiêu đề ra trong phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đê điều, hồ chứa; cần cập nhật các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (*Thuận An, huyện Phú Vang; Đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc; Phú Hải, huyện Phú Vang; Vinh Hiền, huyện Phú Lộc*), Cảng cá Thuận An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại “Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Đề Hội đồng quy hoạch tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nghiên cứu, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Hiệp**



**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4302 /BNG-THKT

V/v ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch  
tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.  
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ Ngoại giao đã nhận được văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định tỉnh đề nghị có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Ngoại giao có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. Thành phần hồ sơ Quy hoạch:**

Hồ sơ Quy hoạch bao gồm:

- Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Báo cáo Quy hoạch tỉnh (Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt);
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh;
- Bản sao ý kiến góp ý của các bộ, chuyên gia và địa phương;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công văn số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về thống nhất trình thẩm định Quy hoạch tỉnh;
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về Quy hoạch.

Như vậy, Hồ sơ Quy hoạch đầy đủ theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định). Hồ sơ Quy hoạch đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

**II. Một số nhận xét về nội dung Quy hoạch:**

1. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đã đầy đủ theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Luật Quy hoạch. Nội dung Quy hoạch được xây dựng phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và Quyết định số 502/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các ý kiến góp ý của Bộ Ngoại giao tại công văn số 1330/BNG-THKT ngày 29/03/2023 đã được Cơ quan lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và có giải trình.

2. Để hồ sơ Quy hoạch được hoàn thiện hơn, Bộ Ngoại giao có một số ý kiến sau:

**2.1. Về dự thảo Báo cáo tổng hợp:**

- Về căn cứ pháp lý, đề nghị tiếp tục rà soát và bổ sung các văn bản có liên quan như: Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 7/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Đề nghị rà soát và lược bỏ các văn bản trùng lặp giữa các tiêu mục tại phần Căn cứ lập quy hoạch và giữa phần Căn cứ lập quy hoạch (trang 4 - 8) với Phụ lục 1; sắp xếp và đưa các văn bản về đúng nhóm cơ quan ban hành. Để dễ rà soát và tránh bị trùng lặp, đề nghị cân nhắc gộp các văn bản tại Mục II, Phần 1 (Căn cứ lập quy hoạch) với Phụ lục 1, phân loại văn bản theo các nhóm cơ quan ban hành và sắp xếp theo trình tự thời gian ban hành như: Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Các Bộ; Địa phương. Các văn bản cần được thể hiện đầy đủ tên, số, ngày ban hành, cơ quan ban hành và nội dung.

- Về phạm vi lập quy hoạch vùng không gian biển ven bờ (Mục 3.1.2, trang 9), đề nghị cân nhắc chỉnh sửa theo hướng: "Vùng không gian biển ven bờ bao gồm vùng bờ biển hoặc đất ven biển và vùng biển, hải đảo được xác định theo Luật biển Việt Nam 2012, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố đường ranh giới ngoài của

vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền”. Ngoài ra, đề nghị chỉnh sửa lại tiêu đề của Mục 3.1.2 “*Vị trí, phạm vi, ranh giới lập quy hoạch*” thành “*Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch*” theo đúng quy định.

- Tại Mục 1.3.4 (trang 26), đề nghị cân nhắc chỉnh sửa tiêu đề “*Tài nguyên thủy sản*” thành “*Tài nguyên biển*” do biển Thừa Thiên Huế không chỉ có tài nguyên thủy sản phục vụ ngư nghiệp mà còn có nhiều loại tài nguyên khác như: tài nguyên sinh vật với san hô, cỏ biển, rong biển...; có thể mạnh và giàu tiềm năng về khai thác du lịch, bảo tồn sinh thái và tài nguyên thủy sinh.

- Về các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế - xã hội tỉnh (Mục IV, Phần 2, trang 40), đề nghị cân nhắc bổ sung đánh giá tác động của vấn đề nước biển dâng đối với các mặt kinh tế - xã hội của tỉnh do đây là một hệ quả nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và Việt Nam được dự báo là một trong những quốc gia có khả năng bị chịu tác động nặng nề nhất của hiện tượng này (Mục 1.2.3 - trang 19 có đề cập nước biển dâng là một trong các hiện tượng khí hậu cực đoan đáng chú ý).

- Về phương hướng phát triển đối với năng lượng tái tạo (Mục 2.4.2.4, trang 475), đề nghị bổ sung: “*Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng*”.

- Về kết cấu hạ tầng (Mục 2.3.4.2, trang 802), đề nghị bổ sung việc nâng cấp “*cửa khẩu A Đốt - Tà Vàng*” thành cửa khẩu quốc tế vào giai đoạn sau 2021 - 2030.

- Ngoài ra, tại Phần 1 “*Mở đầu*”, đề nghị sắp xếp và chỉnh sửa lại tiêu đề các mục lục theo quy định như: I. Sự cần thiết lập quy hoạch; II. Mục tiêu, nguyên tắc và quan điểm lập quy hoạch; III. Các căn cứ lập quy hoạch; IV. Phạm vi, ranh giới và thời kỳ lập quy hoạch; V. Các phương pháp lập quy hoạch.

## **2.2. Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:**

- Về căn cứ, đề nghị bổ sung: Nghị quyết 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch

- Về phạm vi, ranh giới quy hoạch, đề nghị cân nhắc bổ sung đầy đủ tên các đơn vị hành chính của tỉnh, và chỉnh sửa lại nội dung cho súc tích hơn.

- Tại Mục II, Điều 1, đề nghị chỉnh sửa các tiêu mục như sau: 1. Quan điểm phát triển; 2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030 (trong đó, 2.1. Mục tiêu tổng quát, 2.2. Chỉ tiêu cụ thể); 3. Tầm nhìn đến năm 2050; 4. Các khâu đột phá.

- Đề nghị gộp Điều 2 và Điều 3 thành một điều và chỉnh sửa lại nội dung, nhất là quy định trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp hơn.

- Về danh mục dự án ưu tiên (Phụ lục XXI), đề nghị cân nhắc sắp xếp và xác định giai đoạn thực hiện các dự án trên cơ sở nguồn lực và đảm bảo tính khả thi.

**2.3. Về bản đồ:** Đề nghị rà soát, chỉnh sửa và thể hiện rõ hơn tọa độ tại một số bản đồ để thuận lợi cho việc tra cứu.

**2.4. Ý kiến khác:**

- Đề giúp các chuyên gia, thành viên Hội đồng thẩm định dễ dàng hơn trong việc rà soát các nội dung đã được tiếp thu, chỉnh sửa, đề nghị Cơ quan tư vấn và Cơ quan lập Quy hoạch ghi rõ các nội dung góp ý đã được tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm/mục nào, trang số bao nhiêu.

- Trong toàn bộ các tài liệu, văn bản của hồ sơ, đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “*cửa khẩu chính*” thay cho “*cửa khẩu quốc gia*” đối với cửa khẩu A Đốt - Tà Vàng; rà soát và chỉnh sửa lại tên gọi của cặp cửa khẩu “*Hồng Vân - Kou Tai*”, “*Hồng Vân - Cu Tai*” thành “*Hồng Vân - Cỏ Tà*” và sửa loại hình của cặp cửa khẩu này thành “*cửa khẩu chính*” để đảm bảo phù hợp với các thỏa thuận đã ký kết giữa Việt Nam và Lào, cũng như pháp luật trong nước (Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào năm 2016; Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 và Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16/6/2023).

- Đề nghị rà soát, đảm bảo các nội dung được sửa đổi, bổ sung đồng nhất tại tất cả các tài liệu của Hồ sơ.

**III. Kết luận và kiến nghị:**

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

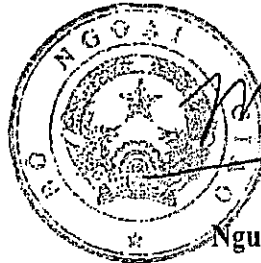
2. Nhất trí thông qua Quy hoạch sau khi Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu, bổ sung và giải trình các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Ngoại giao đối với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét, tổng hợp theo quy định./A

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đơn vị: UBBG, UNESCO, TCQT;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ

Số: **3328/LĐT BXH-KHTC**

Hà Nội, ngày **18** tháng **8** năm 2023

V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với  
Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời  
kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh  
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) nhận được văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐHĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ LĐTBXH có ý kiến với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

### **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Hồ sơ Quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/8/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh.

- Báo cáo số 3208/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo số 3207/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế tổng hợp ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh.

- Văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường góp ý về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về Quy hoạch tỉnh. Danh mục và tỷ lệ bản đồ Quy hoạch tỉnh theo quy định tại mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Công văn số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên

Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Hội đồng thẩm định theo quy định tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

## II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ LĐTĐ đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ đảm bảo hợp lệ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch và khoản 1 Điều 4 Quyết định số 360/QĐ - HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.

2. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

### 1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung Quy hoạch

#### 1.1 Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt

a) Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: bảo đảm theo đúng Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và nội dung quy hoạch:

- Về cơ bản Báo cáo tổng hợp đáp ứng được yêu cầu xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg nêu trên. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được lập bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, quan điểm và định hướng phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ của tỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước; hướng đến việc bảo đảm yêu cầu về tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và các nội dung liên quan khác. Nội dung quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã nêu rõ quan điểm, định hướng phát triển và mục tiêu của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch có sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để phát triển tỉnh.

- Về căn cứ lập quy hoạch (từ trang 2-9): *Đề nghị bổ sung Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm*

**2045; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.**

c) Các nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch:

Ngày 07/0/2023, Bộ LĐTBXH đã có Công văn số 1232/LĐTBXH-KHTC về việc tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. **Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã tích hợp phương án phát triển các cơ sở thuộc quy hoạch ngành quốc gia do Bộ LĐTBXH chủ trì thực hiện** theo quy định của pháp luật về quy hoạch **nhưng chưa đầy đủ** (chưa tích hợp phương án phát triển các cơ sở Dịch vụ việc làm thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ. **Đề nghị rà soát, bổ sung.**

d) Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch: Đảm bảo theo đúng quy định tại Nhiệm vụ lập quy hoạch.

### **1.2 Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh**

Tại Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế gửi Hội đồng thẩm định đã nêu rõ về quá trình lập quy hoạch, bảo đảm việc lập quy hoạch tuân thủ đúng trình tự các bước lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch, được thể hiện ở 5 bước chính, gồm: (1) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (2) Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch để trình thẩm định quy hoạch.

### **1.3. Về đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh**

- Về cơ bản, nội dung đánh giá môi trường chiến lược tỉnh Bình Định đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Luật Môi trường. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Hội đồng thẩm định tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về môi trường để cung cấp đủ thông tin cho phiên họp hội đồng thẩm định.

- Rà soát đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch phù hợp với mục tiêu bảo vệ môi trường.

- Đề nghị đánh giá kỹ hơn về tác động của Biến đổi khí hậu, nước biển dâng gây ra bão lũ, sạt lở đất ảnh hưởng đến việc làm, sinh kế của người dân; ảnh hưởng đến các vấn đề an sinh xã hội và giải pháp để thích ứng.

**2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 4736/KH-HĐTĐ ngày 20/6/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.**

Báo cáo tổng hợp quy hoạch đã đề cập đến phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp (từ trang 709-710) và mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội (từ trang 719-720).

- Đối với mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đề nghị **bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục phổ thông, giáo dục đại học).**

- Đối với mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội (bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy): Theo hồ sơ Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình Thủ tướng Chính phủ, **tỉnh Thừa Thiên Huế có 07 cơ sở trợ giúp xã hội công lập**, gồm: 01 cơ sở chăm sóc người cao tuổi; 01 cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí; 02 cơ sở chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; 01 cơ sở chăm sóc người khuyết tật; 01 cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp; 01 cơ sở cai nghiện ma túy và một số cơ sở thuộc các loại hình sở hữu ngoài công lập. Do đó, đề nghị Cơ quan lập quy hoạch liên hệ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp của Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch ngành quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch. Phương án phát triển đảm bảo về số lượng cơ sở, quy mô phát triển (quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở trợ giúp xã hội; quy mô tiếp nhận, điều trị đối tượng cai nghiện ma túy,...); bố trí, sắp xếp không gian phát triển (vị trí, địa điểm...); nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch (bao gồm cả định hướng phát triển đối với cơ sở ngoài công lập).

### 3. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch

Với các nội dung thẩm định nêu trên, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo quy định.

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch với điều kiện phải bổ sung, chỉnh sửa.

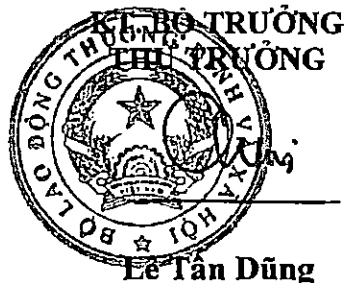
3. Về cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử ông Nguyễn Hoàng Vĩnh Thanh, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính (điện thoại di động: 0913.282.836, email: [thanhnhv@molisa.gov.vn](mailto:thanhnhv@molisa.gov.vn)) đại diện tham gia Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.



**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

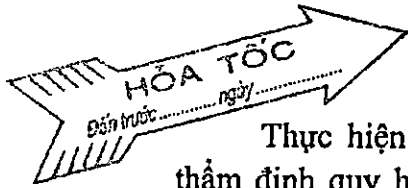
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7675~~ /BKHĐT-QLQH

Hà Nội, ngày ~~18~~ tháng 9 năm 2023

V/v: Tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050



Thực hiện Văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế); căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Điều chỉnh Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**A. THÀNH PHẦN HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế gồm các tài liệu sau:

1. Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
2. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
3. Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt);
4. Báo cáo số 3208/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
5. Báo cáo số 3207/BC-SKHĐT ngày 31/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế tổng hợp các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan;

6. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

7. Văn bản số 2334/BTNMT-KHTC ngày 06/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó có nội dung về đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

8. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch;

9. Văn bản số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Hội đồng thẩm định.

## **B. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Quy hoạch - Điều kiện để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá về hồ sơ.

## **C. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

**I. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các điều 12, 13, 14 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.**

**1. Sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế với Nhiệm vụ lập quy hoạch**

Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

a) Về tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới quy hoạch

- Về tên, thời kỳ quy hoạch: phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

- Về phạm vi ranh giới quy hoạch: hiện nay, có sự khác nhau về tổng diện tích tự nhiên của tỉnh tại báo cáo quy hoạch và tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; do vậy, đề nghị chuẩn xác lại diện tích của tỉnh để bảo đảm tính thống nhất và phù hợp với thực tiễn.

b) Về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và nội dung quy hoạch

- Về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch: phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

- Về nội dung quy hoạch: nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tuy nhiên, đề nghị bổ sung và làm rõ thêm một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; nội dung đề nghị bổ sung và làm rõ được nêu cụ thể tại mục 3 phần I của Văn bản này.

c) Về sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ không quy định về việc thực hiện các nội dung đề xuất để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; do vậy, không đủ cơ sở để đánh giá về sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.

d) Thành phần, số lượng hồ sơ quy hoạch: đã cơ bản đáp ứng các yêu cầu quy định theo Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

**2. Sự tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và quy định tại Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ**

Tại Tờ trình thẩm định số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã thể hiện quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh, tuy nhiên, ngoài các nội dung đã được đề cập, đề nghị bổ sung một số nội dung trong quy trình lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18 và Điều 19 Luật Quy hoạch như sau: (i) Việc triển khai, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch; (ii) Việc xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện; (iii) Việc tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**3. Sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế với nội dung quy hoạch tỉnh được quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP**

a) Sự đầy đủ các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- Về cơ bản nội dung của báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã bám sát quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

- Cấu trúc báo cáo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đã thể hiện được đầy đủ nội dung cần có trong một bản quy hoạch tỉnh; tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ cục và thứ tự các đề mục của báo cáo quy hoạch đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Bổ sung các nội dung còn thiếu so với quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ, bao gồm: (i) Đánh giá về thực trạng lao động, việc làm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; (ii) Đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

b) Sự phù hợp, tính cập nhật, khoa học và độ tin cậy của thông tin, số liệu

- Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong báo cáo quy hoạch tỉnh tương đối đầy đủ; tuy nhiên, đề nghị rà soát các số liệu trong báo cáo quy hoạch để đảm bảo các số liệu được trích dẫn từ nguồn chính thống và Niên giám thống kê đã được Tổng cục Thống kê công bố.

- Số liệu thống kê được sử dụng trong báo cáo quy hoạch để đánh giá hiện trạng hiện không thống nhất về mốc thời gian; do vậy, đề nghị sử dụng thống nhất một mốc thời gian nghiên cứu để đảm bảo độ tin cậy, tính xác của các nội dung phân tích hiện trạng.

- Về căn cứ lập quy hoạch: căn cứ lập quy hoạch tỉnh trong báo cáo quy hoạch về cơ bản đầy đủ; tuy nhiên đề nghị rà soát, bổ sung một số văn bản quan trọng làm căn cứ lập quy hoạch tỉnh như: Luật Bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính

sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch ngành quốc gia; Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050...

c) Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội và bối cảnh phát triển đặc thù của tỉnh Thừa Thiên Huế

- Về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên:

+ Nội dung trong báo cáo quy hoạch hiện nay chủ yếu liệt kê và mô tả hiện trạng, do vậy đề nghị xác định rõ lợi thế, các yếu tố mang tính đặc thù của tỉnh; tác động thúc đẩy/cản trở của các yếu tố, điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Về thủy văn: cần làm rõ đặc điểm thủy văn của tỉnh làm ảnh hưởng đến lũ lụt, ngập úng ở Thừa Thiên Huế để từ đó đề xuất phương án, giải pháp đảm bảo an toàn về lũ cho tỉnh như: hệ thống sông ngòi phân bố tương đối đồng đều nhưng phần lớn là ngắn, lưu vực hẹp; các con sông đều đổ vào hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trước khi chảy ra biển Đông chính (trừ sông Bù Lu chảy trực tiếp ra biển Đông, sông A Sáp chảy sang Lào); tổng diện tích lưu vực các con sông lớn, chiếm khoảng 85% diện tích tự nhiên của tỉnh; địa hình thay đổi đột ngột, độ dốc lòng sông đoạn thượng lưu rất lớn nhưng lại quá thoải ở đồng bằng duyên hải làm cho nước ở trên đôn xuống nhanh nhưng thoát chậm.

+ Về tài nguyên nước: nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên nước trong báo cáo quy hoạch còn rất hạn chế; do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên nước của tỉnh, nhất là tài nguyên nước mặt của hệ thống sông Hương và một số hệ thống sông khác như sông Ô Lâu, sông Nông, sông Truôi, sông Cầu Hai, Sông Bù Lu, sông A Sáp là những sông nhỏ nội vùng; làm rõ tính độc đáo của hệ thống thủy văn Thừa Thiên Huế (là nơi hội tụ của hầu hết các con sông trước khi ra biển, là hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á).

+ Về tài nguyên khoáng sản: đề nghị bổ sung nội dung phân tích về hiện trạng thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng phương án khoáng định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác trong thời kỳ quy hoạch.

- Về môi trường: các nội dung đánh giá về môi trường hiện nay chủ yếu mang tính định tính, thiếu các số liệu chứng minh; do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung để tăng tính thuyết phục cho các nhận định, đánh giá.

- Về các yếu tố và điều kiện xã hội:

+ Về dân số và đặc điểm dân số: đề nghị xem xét và làm rõ thêm nhận định "*Phân bố dân số giữa khu vực nông thôn và thành thị tương đối đồng đều, chủ yếu là do quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh trên địa bàn tỉnh... Khu vực thành thị tăng bình quân 1,75 nghìn người/năm, tốc độ tăng 0,33%/năm, trong khi đó khu vực nông thôn lại giảm khá nhanh...*" tại trang 31 của báo cáo quy hoạch để đảm bảo tính logic và thống nhất.

+ Về dân tộc và tôn giáo: đề nghị xem xét nêu hiện trạng các dân tộc và loại hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh theo cơ cấu (%), không nên đưa giá trị tuyệt đối (người) để đảm bảo tính chính xác và cập nhật; mặt khác, số liệu về dân tộc và tôn giáo trong báo cáo quy hoạch hiện không thể hiện năm thống kê, do vậy, đề nghị bổ sung.

+ Về yếu tố lịch sử - văn hóa: báo cáo quy hoạch đã chỉ ra được tỉnh Thừa Thiên Huế có lợi thế đặc biệt về tài nguyên văn hoá, lịch sử so với các địa phương khác; tuy nhiên, đề nghị xem xét, làm rõ những lợi thế đặc biệt của Huế cũng là nguyên nhân dẫn tới các hạn chế trong việc phát triển du lịch Huế, như: mật độ di sản văn hoá, bản sắc văn hóa truyền thống, cảnh quan thiên nhiên đẹp, hài hoà và hệ sinh thái môi trường - kiến trúc - đô thị làm cho tỉnh Thừa Thiên Huế bắt buộc phải thận trọng cân nhắc trong từng phương án quy hoạch, từng dự án đầu tư, từng công trình xây dựng... đặc điểm này làm cho tiến trình đầu tư hạ tầng du lịch bị chậm lại; các sản phẩm du lịch "sẵn có" như: lăng tẩm, chùa chiền, các điểm di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên đẹp... quá nhiều cũng làm giảm tính sáng tạo, năng động trong việc xây dựng các sản phẩm du lịch.

- Về các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế - xã hội tỉnh: ngoài các số liệu, nội dung mô tả về tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề nghị bổ sung các nội dung sau: (i) Số liệu về tình hình thiệt hại của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn trong thời kỳ trước để từ đó đánh giá những thuận lợi, khó khăn và tồn tại của tỉnh trong việc ứng phó với tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; (ii) Các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh (bão lũ, ngập úng, sạt lở, hạn hán...); (ii) Phân tích về hiện trạng các phương án phòng, chống thiên tai hướng mà tỉnh

Thừa Thiên Huế đang triển khai để hướng đến cuộc sống an toàn, tạo sinh kế bền vững cho người dân như: xây dựng tuyến kè biển cho các địa phương có sạt lở nghiêm trọng; nạo vét, kè gia cố bảo vệ bờ sông trên tuyến sông Hương và các nhánh sông; cải thiện hạ tầng cơ sở, hạ tầng sản xuất để tăng tính ứng phó của các công trình...

- Về bối cảnh quy hoạch:

+ Về vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng và cả nước: một số nội dung đánh giá về vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng và cả nước đang là nội dung định hướng phát triển cho giai đoạn 2021-2030 được xác định tại Quy hoạch tổng thể quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 81/2023/QH15; trong khi theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đây là nội dung đánh giá về hiện trạng để thể hiện vai trò của tỉnh đối với cả nước, do vậy, đề nghị rà soát, điều chỉnh nội dung cho phù hợp.

+ Về các yếu tố và điều kiện của vùng, quốc gia và quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh:

(i) Đề nghị điều chỉnh tên tiêu đề mục 3.2.1 từ “*Bối cảnh quốc gia*” thành “*Bối cảnh quốc tế*” để phù hợp với nội dung được đề cập; đồng thời bổ sung các nội dung về bối cảnh quốc gia tác động đến việc xây dựng Quy hoạch tỉnh.

(ii) Về bối cảnh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: đề nghị bổ sung nội dung về tính “cát cứ”, “cục bộ” của các địa phương trong vùng dẫn đến tính liên kết trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong vùng, trong đó có tỉnh Thừa Thiên Huế còn hạn chế; do vậy, đòi hỏi trong phương án quy hoạch và giải pháp thực hiện Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế phải tính đến hạn chế nêu trên.

- Về thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

+ Tại Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương đã xác định tổ chức không gian phát triển vùng theo 06 vùng kinh tế - xã hội hiện nay và không đề cập đến các vùng kinh tế trọng điểm; do vậy, đề nghị cân nhắc việc so sánh về hiện trạng phát triển kinh tế của tỉnh Thừa Thiên Huế so với mức bình quân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

+ Phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của tỉnh thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân của cả nước, đặc biệt là năng suất lao động của ngành dịch vụ (trong khi cơ cấu của ngành dịch vụ trong GRDP của tỉnh chiếm tỷ trọng cao nhất).

+ Đề nghị bổ sung nội dung phân tích về “công nghiệp ven biển” để phù hợp với các ngành kinh tế biển được xác định tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Đề nghị đánh giá bổ sung hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn; kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong đầu tư, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp trong thời gian qua; khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; rà soát các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch để xem xét đưa ra khỏi quy hoạch hoặc giảm diện tích những khu công nghiệp không có khả năng thu hút đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Về thực trạng phát triển các lĩnh vực xã hội:

+ Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo: bổ sung thông tin, số liệu để dẫn chứng cho thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh.

+ Về thực trạng phát triển y tế: bổ sung nội dung đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của các cơ sở y tế; thực trạng phát triển hệ thống y tế tư nhân, các dịch vụ y tế.

+ Về thực trạng phát triển khoa học, công nghệ: bổ sung đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

- Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: đề nghị xác định rõ những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật dẫn tới chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

d) Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

- Về các đô thị trung tâm:

+ Pháp luật hiện hành không có khái niệm về “đô thị vùng”, do vậy, đề nghị nghiên cứu các quy định hiện hành để sử dụng các thuật ngữ phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đề nghị lược bỏ nội dung “là cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung” tại đoạn đầu tiên và đoạn thứ ba của tiêu mục 3.1.1. Ba trung tâm đô thị (trang 516 của báo cáo quy hoạch), với lý do theo quy định của pháp luật về quy hoạch hiện nay không có khái niệm “vùng kinh tế trọng điểm”; đồng thời Quy hoạch tổng thể quốc gia xác định thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng của vùng động lực miền Trung.

- Về các hành lang kinh tế: hiện nay, báo cáo quy hoạch định hướng trong thời kỳ quy hoạch phát triển 07 hành lang kinh tế (trong đó có 03 hành lang kinh tế Bắc - Nam; 03 hành lang kinh tế Đông - Tây và 01 hành lang kinh tế đô thị hướng biển); trong điều kiện nguồn lực hữu hạn và thời gian thực hiện quy hoạch không còn nhiều, đề nghị xem xét để định hướng ưu tiên phát triển, tập trung đầu tư cho một số hành lang kinh tế có điều kiện thuận lợi nhất để tạo động lực và làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác cùng phát triển.

- Về các vùng kinh tế liên huyện: pháp luật về quy hoạch không có quy định về “vùng kinh tế liên huyện”; mặt khác phạm vi các vùng kinh tế liên huyện (gồm vùng trung tâm - khu vực lõi; vùng liên huyện A Lưới - Phong Điền - Quảng Điền; vùng liên huyện Nam Đông - Phú Lộc - Phú Vang) đề cập trong báo cáo quy hoạch và phạm vi các vùng liên huyện trong phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (gồm vùng liên huyện trung tâm; vùng liên huyện Tây - Bắc, vùng liên huyện Đông - Nam) là giống nhau. Do vậy, đề nghị loại bỏ nội dung về “các vùng kinh tế liên huyện” trong “Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội”; đồng thời rà soát và hoàn thiện phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.

- Về khu vực hạn chế phát triển và khu vực khuyến khích phát triển: hiện nay, “vùng đồng bằng” đang được xác định ở cả khu vực hạn chế phát triển và khu vực khuyến khích phát triển; do vậy, đề nghị xác định cụ thể phạm vi khu vực nào thuộc vùng đồng bằng là thuộc khu vực hạn chế phát triển, phạm vi khu vực nào thuộc vùng đồng bằng là thuộc khu vực khuyến khích phát triển để đảm bảo tính logic.

đ) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã:

- Về phương án phát triển hệ thống đô thị:

+ Rà soát việc sử dụng các thuật ngữ: vùng đô thị, hệ thống đô thị Tây - Bắc, hệ thống đô thị Đông - Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành để làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

+ Cập nhật nội dung Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào Quy hoạch tỉnh.

+ Đề nghị chuyển các nội dung về hành lang đô thị về mục “*Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội*” để phù hợp với nội dung phương án quy hoạch hệ thống đô thị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch.

+ Xem xét, bổ sung nguyên tắc phát triển thành phố Thừa Thiên Huế là xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và làm cơ sở để xây dựng Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về phát triển nông thôn: xem xét bổ sung một số nội dung về phương án phát triển điểm dân cư nông thôn như: (i) Các chỉ số phát triển nông thôn; (ii) Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn; (iii) Định hướng phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn.

- Rà soát, bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng liên kết hệ thống đô thị, nông thôn.

- Đề nghị rà soát nội dung về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế theo nội dung Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công điện số 616/CĐ-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023 của Bộ Nội vụ và Văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

e) Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

- Về phương án phát triển mạng lưới giao thông:

+ Rà soát, cập nhật thông tin về các tuyến cao tốc và các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ví dụ, quy mô đoạn tuyến cao tốc Cam Lộ (Quảng Trị) - La Sơn (Thừa Thiên Huế) và La Sơn (Thừa Thiên Huế) - Hòa Liên (Đà Nẵng) tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg là 06 làn xe nhưng trong báo cáo quy hoạch hiện là 4-6 làn xe; cấp kỹ thuật/làn xe của các quốc lộ 49D, 49E, 49F tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg là III-IV, 2-4 làn xe nhưng trong báo cáo quy hoạch hiện là IV, 2-4 làn xe.

+ Đề phát triển thành phố Thừa Thiên Huế bền vững, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung định hướng về phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng (TOD trên địa bàn).

+ Rà soát, cập nhật thông tin về cụm cảng Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Công suất thiết kế dự kiến đối với sân bay Phú Bài trong báo cáo quy hoạch hiện nay (giai đoạn 2021-2030 là 9 triệu khách/năm, đến năm 2030 là 20 triệu khách/năm) chưa phù hợp với Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (giai đoạn 2021-2030 là 7 triệu khách/năm, đến năm 2030 là 12 triệu khách/năm); do vậy, đề nghị rà soát, điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất.

- Đề nghị bổ sung một mục về phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên cơ sở nội dung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 và cập nhật nội dung Quy hoạch cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh.

- Về phương án phát triển mạng lưới cấp điện: rà soát, cập nhật phương án phát triển mạng lưới điện truyền tải 500kV, 220kV và nguồn điện theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ nêu “*Các dự án điện mặt trời đã có quy hoạch trong giai đoạn 2021 - 2030 nhưng chưa giao chủ đầu tư thì chưa được phép triển khai mà xem xét sau năm 2030, trừ trường hợp triển khai theo hình thức tự sản, tự tiêu trên cơ sở không hợp thức hóa nếu có vi phạm về quy hoạch, đất đai và các quy định khác của pháp luật*”; do vậy, đề nghị rà soát lại các dự án điện năng lượng mặt trời để phù hợp với Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hạ tầng viễn thông:

+ Rà soát, bổ sung các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và các công trình viễn thông của tỉnh theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; bổ sung phương án phát triển hạ tầng số của tỉnh (hiện trong báo cáo quy hoạch mới chủ yếu đề cập đến các mục tiêu của hạ tầng số).

+ Tại nội dung về công nghệ thông tin - công nghệ số nêu “*Xây dựng được 01 khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung tại Khu B - Khu đô thị An Vân Dương...*” (trang 643 của báo cáo quy hoạch), tuy nhiên, tại phương án phát triển khu công nghiệp không đề cập đến việc phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung; do vậy, rà soát để đảm bảo tính thống nhất giữa các nội dung trong báo cáo quy hoạch.

+ Về mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở: đề nghị rà soát, bổ sung phương án phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình, hạ tầng truyền dẫn phát thanh truyền hình.

g) Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội

- Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế: việc phát triển số lượng giường bệnh đối với các cơ sở y tế ngoài công lập phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường và nhà đầu tư, do vậy, đề nghị xem xét, loại bỏ về định hướng phát triển số lượng giường bệnh đối với các cơ sở y tế ngoài công lập.

- Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ:

+ Báo cáo quy hoạch xác định trong thời kỳ quy hoạch “*Xây dựng và phát triển các khu chức năng khoa học công nghệ, gồm: khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công việc khoa học*” (trang 719 của báo cáo quy hoạch), tuy nhiên, không có định hướng phát triển, tổ chức không gian cho các khu chức năng này; do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

+ Tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ không phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghệ cao cho tỉnh Thừa Thiên Huế; do vậy, đề nghị xem xét lại định hướng về việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ 2021-2030.

h) Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

- Về định hướng không gian cho sử dụng đất:

+ Đề nghị rà soát phạm vi khu vực hạn chế phát triển, khu vực khuyến khích phát triển trong định hướng không gian cho sử dụng đất để đảm bảo thống nhất với phạm vi các khu vực này đã được xác định tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (trang 515 - 516 của báo cáo quy hoạch); rà soát phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt trong định hướng không gian cho sử dụng đất để đảm bảo thống nhất với phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt đã được xác định cụ thể tại phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (trang 796-801 của báo cáo quy hoạch).

+ Tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (trang 515 - 516 của báo cáo quy hoạch) xác định có 07 hành lang kinh tế, gồm 03 hành lang kinh tế Bắc - Nam, 03 hành lang kinh tế Đông - Tây, 01 hành lang kinh tế đô thị hướng biển; tuy nhiên, trong định hướng sử dụng đất theo các trục hành lang phát triển kinh tế chưa thể hiện đầy đủ 07 hành lang kinh tế, do vậy, đề nghị rà soát để đảm bảo tính logic và thống nhất.

+ Tại trang 726 của báo cáo tổng hợp nêu “*Có tổng cộng 05 hành lang phát triển đô thị theo các trục động lực và trục kết nối phát triển của tỉnh, tất cả được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:*”, tuy nhiên, trong báo cáo quy hoạch hiện không có sơ đồ thể hiện kèm theo; do vậy, đề nghị rà soát, bổ sung.

- Về chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh (Bảng 172 của báo cáo quy hoạch): một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất do quốc gia phân bổ trong báo cáo quy hoạch hiện nay chưa phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, như đất nông nghiệp, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng

cấp quốc gia.... Do vậy, đề nghị rà soát chỉ tiêu các loại đất quy hoạch đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng phương án sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; bổ sung vào Bảng 172 một số chỉ tiêu đã được thể hiện tại Quyết định số 326/QĐ-TTg như đất khu công nghiệp, đất đô thị; rà soát, bổ sung nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Phân tích, làm rõ việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai, trong đó lưu ý không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vụ/chuyên trồng lúa trong quỹ đất phải quản lý nghiêm ngặt tại địa phương. Việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất.

i) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Nghiên cứu, xem xét một số phương án để khắc phục tình trạng lũ lụt, ngập úng của tỉnh như: xem xét thay thế các đoạn đường bộ, đường sắt cản trở thoát lũ ở vùng đồng bằng bằng các công trình cầu cạn, mở rộng thêm cửa thoát lũ; nạo vét/mở rộng những đoạn co hẹp ở hai nhánh chảy trực tiếp vào Phá Tam Giang của sông Bồ nhằm giảm áp lực lũ về phía sông Hương; xem xét dỡ bỏ một số đập ngăn mặn trên các dòng nhánh sông Hương.

k) Về hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh

Đề nghị rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

l) Các nội dung khác

- Đề nghị không lạm dụng việc viết tắt trong báo cáo quy hoạch, chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong báo cáo quy hoạch; không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong báo cáo quy hoạch (Hiện nay, trong báo cáo quy hoạch có nhiều cụm từ được viết tắt nhưng không được chú thích dẫn đến khó theo dõi, ví dụ: cụm từ “các loài động TVBC”, “Trung tâm bảo tồn TNTN Việt Nam” tại trang 24, “dự án BCC” tại trang 25 của báo cáo quy hoạch).

- Báo cáo quy hoạch hiện sử dụng rất nhiều thuật ngữ không đồng nhất dẫn đến rất khó theo dõi (ví dụ: hành lang phát triển đô thị, hành lang kinh tế đô thị hướng biển, hành lang kinh tế, trục động lực, trục kết nối...); do vậy, đề nghị rà soát trong toàn bộ báo cáo quy hoạch để đảm bảo sử dụng thống nhất.

#### **4. Thẩm định nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế**

- Cấu trúc của báo cáo ĐMC của quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đã đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tuy nhiên, đề nghị rà soát để đảm bảo tên và nội dung các đề mục trong báo cáo ĐMC theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Về mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan: đề nghị làm rõ sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các chiến lược cấp quốc gia như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

- Về thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch: đề nghị làm rõ hơn các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hóa - xã hội có bị tác động bởi quy hoạch hay không, nếu có thì tác động như thế nào; rà soát, đánh giá đầy đủ các thành phần môi trường chính bị tác động bởi quy hoạch.

- Đề nghị bổ sung đầy đủ nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch; bổ sung đánh giá, dự báo đầy đủ tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Phân tích cụ thể, chi tiết nội dung của các giải pháp để giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu.

- Bổ sung, làm rõ các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

II. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

### 1. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển

- Về quan điểm phát triển: đề nghị xem xét bổ sung quan điểm về việc tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị.

- Về các chỉ tiêu phát triển:

+ Đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu như: chỉ tiêu phát triển liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị (để phù hợp với quan điểm phát triển); tốc độ tăng trưởng dân số bình quân; chỉ số HDI; tuổi thọ bình quân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; về văn hóa, thể dục thể thao; tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị.

+ Các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng: đề nghị rà soát mục tiêu "Phát triển hệ thống cảng biển Thừa Thiên Huế là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I, tạo tiền đề để khu bến Chân Mây phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; có bến cảng tổng hợp, container, bến cảng khách quốc tế" tại trang 433 của báo cáo quy hoạch để phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: đề nghị bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người.

- Về nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá:

+ Về các nhiệm vụ trọng tâm: 02 nhiệm vụ trọng tâm đang được xác định trong báo cáo quy hoạch hiện nay gồm: (i) Xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương và (ii) Đẩy mạnh công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch, không phải là các nhiệm vụ trọng tâm đặt ra trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; do vậy, đề nghị biên tập lại để thể hiện rõ nét là các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

+ Nội dung về huy động nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực hiện nay vừa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa là các khâu đột phá phát triển; do vậy, đề nghị xác định rõ để làm cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch.

+ Đề nghị xem xét lại khâu đột phá thứ năm “*Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản lịch sử - văn hóa, thiên nhiên. Bồi đắp, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa Huế và con người Huế*” vì đây là mục tiêu phát triển, không phải là khâu đột phá trong thời kỳ 2021-2030.

## 2. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh

- Hiện nay có sự không thống nhất về việc xác định các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh giữa nội dung nêu tại “Quan điểm phát triển”, “Tiêu chí lựa chọn các ngành quan trọng” và “Xác định các ngành quan trọng”; do vậy, đề nghị nghiên cứu, rà soát để đảm bảo tính thống nhất giữa các nội dung trong báo cáo quy hoạch, cụ thể:

+ Tại nội dung về quan điểm phát triển xác định: “*Phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế nhanh, toàn diện và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trong đó du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng*”.

+ Tại nội dung về tiêu chí lựa chọn các ngành quan trọng xác định: “*Kết quả tổng hợp cho thấy, có 06 ngành kinh tế đáp ứng các tiêu chí phát triển của Tỉnh trong thời gian tới, gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo (may mặc, đồ uống, vật liệu xây dựng, thuốc hóa dược); công nghiệp văn hóa; Dịch vụ lưu trú và ăn uống (Du lịch); Y tế, giáo dục đào tạo; Công nghệ thông tin; dịch vụ hậu cần (Logistics) và vận tải*”.

+ Tại nội dung về xác định các ngành quan trọng xác định 04 ngành quan trọng gồm: (1) Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; năng lượng; công nghệ thông tin; (2) Phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao; (3) Phát triển nông, lâm và thủy sản và (4) Phát triển kinh tế biển.

- Tại nội dung về quan điểm phát triển xác định “*Phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế nhanh, toàn diện và bền vững.....; theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và chuyển đổi số, kinh tế đô thị, kinh tế biển, kinh tế ban đêm, công nghiệp văn hoá...*”; tuy nhiên, các nội dung về phát triển kinh tế ban đêm, công nghiệp văn hoá trong báo cáo quy hoạch còn mờ nhạt, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

- Về phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản:

+ Bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh để phù hợp với quan điểm phát triển; rà soát để loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.

+ Xem xét nghiên cứu, bổ sung: (i) Các giải pháp thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với các biện pháp tổ chức tiêu thụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số gắn với phát triển thương mại điện tử; (ii) Phương hướng và giải pháp phát triển không gian nông nghiệp kết hợp du lịch và nông nghiệp đặc sản, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (iii) Phương hướng phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, sử dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo vào trang trại, trồng trọt và chăn nuôi.

+ Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp về bảo vệ và củng cố khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển theo Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021.

### **3. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh**

- Về phương án phát triển khu công nghiệp:

+ Đề nghị thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.

+ Trong quá trình xây dựng phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, để đảm bảo tính khả thi của việc triển khai các khu công nghiệp được đề xuất, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát khả năng thu hút đầu tư của các khu công nghiệp, dự kiến về khả năng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 và các điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp (trong đó có các điều kiện về tỷ lệ lấp đầy, chuyển mục đích sử dụng đất) theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về khu công nghiệp để xây dựng phương án hợp lý.

+ Rà soát phương án mở rộng các khu công nghiệp hiện hữu, phương án phát triển các khu công nghiệp mới, phương án phát triển khu kinh tế đến năm 2030 đảm bảo kế thừa các quy hoạch khu công nghiệp đã được phê duyệt và phù hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ cho tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đề nghị rà soát phương án phát triển các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

- Về phương án phát triển các khu kinh tế: đề nghị rà soát, xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, lưu ý thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.

#### 4. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện

- Đề nghị bổ sung, làm rõ về luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh.

- Việc phát triển các sân golf được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf; do vậy, đề nghị chỉ định hướng phát triển sân golf ở khu vực xác định trên địa bàn tỉnh (chi tiết đến cấp huyện), không liệt kê tên các sân golf gắn với địa danh cụ thể hoặc gắn với nhà đầu tư cụ thể.

- Đề nghị rà soát các danh mục dự án đảm bảo thống nhất với nội dung về phương án phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và đảm bảo có sự thống nhất nội dung giữa dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh và báo cáo quy hoạch tỉnh.

- Đề nghị rà soát để không đưa vào Danh mục các dự án, công trình đã được phê duyệt tại quy hoạch thời kỳ trước và không có sự thay đổi tại quy hoạch thời kỳ sau vì dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Rà soát để đảm bảo không đưa tên nhà đầu tư vào danh mục các công trình, dự án trong các phương án phát triển nêu tại các phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư để đảm bảo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

- Chỉ đưa vào danh mục các dự án cấp tỉnh, thể hiện tính chất liên huyện, bảo đảm tính chất then chốt, đột phá, lan tỏa nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu của quy hoạch để phù hợp với phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch.

- Đối với địa điểm của các phương án phát triển và dự án xem xét chỉ đề cập tới cấp huyện để phù hợp với quy định về mức độ chi tiết của quy hoạch tỉnh tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; đối với các nội dung về quy mô, công suất của các dự án, công trình thì xem xét ghi “dự kiến” để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.

- Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### 5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Đề nghị làm rõ các giải pháp huy động từng loại nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch.

- Giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch chưa thể hiện rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra; do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

#### D. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị xem xét bổ sung, hoàn thiện các nội dung trên cơ sở ý kiến tham gia cụ thể tại Phần C của Văn bản này.

2. Rà soát quy cách, hình thức thể hiện nội dung trong hồ sơ quy hoạch; rà soát về tính thống nhất của số liệu trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.

3. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

4. Nhất trí thông qua Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét, tổng hợp. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở KHĐT tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đơn vị: TCTK; QLKKT; KTNN;
- Lưu: VT, QLQH. L103

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

Số: 2996/BKHCN-ĐTĐ  
V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với  
quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

Bộ Khoa học và Công nghệ nhận được Văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (kèm theo hồ sơ) về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch);

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 (Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ) của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh ban hành Quy trình, nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thẩm định số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. Thành phần hồ sơ quy hoạch:**

1. Hồ sơ quy hoạch gồm:

- Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo Quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC);
- Công văn số 2334/BTNMT-TCMT ngày 06/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về góp ý hồ sơ Quy hoạch, trong đó có nội dung góp ý đối với Báo cáo ĐMC;
- Công văn số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất nội dung và giao nhiệm vụ trình Quy hoạch.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu (file điện tử - bản đồ số);

2. Các tài liệu có liên quan: không có.

## **II. Nhận xét chung về hồ sơ quy hoạch**

1. Về thành phần hồ sơ: thành phần hồ sơ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 (sau đây gọi tắt là Quy trình) và điểm 1 mục VI Điều 1 Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/5/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch (Quyết định 646).

2. Về Hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu Quy hoạch: đề nghị rà soát hệ thống bản đồ phù hợp với quy định tại mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật về bản đồ.

3. Kết luận: Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## **III. Nhận xét cụ thể về nội dung quy hoạch**

1. Về thực trạng khoa học và công nghệ (KH&CN) và thực trạng hạ tầng KH&CN (trang 153, 180 và 332): theo hồ sơ, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn nhân lực chất lượng cao cho KH&CN khá dồi dào, các hoạt động KH&CN đã đóng góp đáng kể vào việc phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020. Thực trạng hạ tầng KH&CN của tỉnh cũng khá đa dạng với 41 cơ sở tổ chức KH&CN công lập, 16 chi nhánh VPĐD của tổ chức KH&CN của Trung ương và địa phương khác. Tuy nhiên, việc đầu tư cho KH&CN của tỉnh còn thấp, tỷ trọng chi cho KH&CN trong tổng chi NSNN của tỉnh đạt 0.59%, chưa đạt mức 2%. Đồng thời, theo Hồ sơ, các cơ sở tổ chức KH&CN của tỉnh còn phân tán, nhỏ lẻ, chưa tương xứng với tiềm năng nghiên cứu, phát triển KH&CN của tỉnh. Do đó, Bộ KH&CN đề nghị Cơ quan chủ trì lập quy hoạch bổ sung nội dung đánh giá về nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, tồn tại trong lĩnh vực KH&CN để từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, phát triển trong thời kỳ Quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị đánh giá bổ sung thực trạng hạ tầng KH&CN theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 54 và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW trong việc xây dựng Thừa

Thiên Huế là trung tâm KH&CN lớn của cả nước trong việc xây dựng Trung tâm KH&CN, thành lập Khu Công nghệ cao quốc gia.

2. Về phương hướng phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN&ĐMST) và hạ tầng KH&CN (trang 496, 717, 760):

2.1. Đề nghị nghiên cứu bổ sung mục tiêu phát triển Thừa Thiên Huế “là trung tâm của vùng và cả nước về văn hóa - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ” theo tinh thần Nghị quyết số 54.

2.2. Theo hồ sơ, tỉnh Thừa Thiên Huế quy hoạch phát triển khá nhiều trung tâm như: hình thành Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo, đầu tư Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh sớm thành Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia,... và phát triển các khu chức năng KH&CN như Khu Công nghệ cao, Khu Công viên khoa học, Khu CNTT tập trung. Việc quy hoạch chi tiết các cơ sở hạ tầng KH&CN sẽ giúp việc triển khai Quy hoạch trọng tâm, trọng điểm. Tuy nhiên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Cơ quan chủ trì quy hoạch nghiên cứu các nội dung sau: rà soát sự cần thiết việc thành lập mới các cơ sở KH&CN; rà soát hiện trạng các cơ sở KH&CN đề nghị đầu tư nâng cấp; rà soát sự trùng lặp về công năng của các cơ sở KH&CN được quy hoạch; nghiên cứu phương án quy hoạch tổng thể, tập trung các cơ sở KH&CN vào một khu chức năng (ví dụ thành lập Trung tâm KH&CN&ĐMST bao gồm các chức năng ươm tạo, nghiên cứu, phát triển công nghệ, hạ tầng phục vụ đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung, triển lãm, trình diễn công nghệ, sản phẩm công nghệ,...) nhằm tối ưu hóa nguồn lực đầu tư (vốn, nguồn nhân lực, quỹ đất,...), phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cho KH&CN (trang 760).

2.3. Đề nghị nghiên cứu nội dung 2.2 nêu trên và bổ sung nội dung này vào Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu Quy hoạch. Trong đó, bổ sung làm rõ các cơ sở được quy hoạch trong thời kỳ đến năm 2030; các khu vực quy hoạch đất có chức năng KH&CN.

3. Về giải pháp về KH&CN (trang 886): các giải pháp thực hiện nội dung quy hoạch về KH&CN&ĐMST chưa thể hiện tính khả thi, thiếu thực tiễn và không có lộ trình cụ thể để thực hiện. Do đó, Bộ KH&CN đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung về: giải pháp huy động nguồn lực; giải pháp bảo đảm mức chi NSNN đạt 2% cho KH&CN; giải pháp về tiến độ triển khai các dự án đầu tư cho KH&CN, hạ tầng KH&CN; giải pháp nguồn nhân lực; giải pháp về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và phương hướng phát triển đã nêu ở trên.

5. Về Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: theo hồ sơ, các dự án đầu tư cho KH&CN đã được tỉnh Thừa Thiên Huế ưu tiên, chú trọng đầu tư trong thời kỳ Quy hoạch, phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 54. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu nội dung 2.2 nêu trên để đưa vào danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung các dự án về phát triển, đào tạo nguồn nhân lực cho KH&CN trên cơ sở nguồn lực sẵn có của địa phương.


6. Về cơ sở dữ liệu và Bản đồ có liên quan: đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung 2.3

#### IV. Kết luận và kiến nghị

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

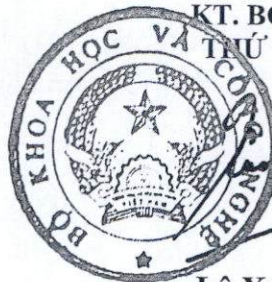
2. Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí thông qua quy hoạch sau khi đã chỉnh sửa, hoàn thiện bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và các ý kiến góp ý của các bộ, ban, ngành có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét.

Trân trọng./. 

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở KH&CN tỉnh Thừa Thiên Huế (để biết);
- Lưu: VT, Vụ ĐP, Vụ ĐTG(CĐA).



KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

  
Lê Xuân Định

Số: 10059 /BGTVT-KHĐT

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Quy hoạch tỉnh  
Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030,  
tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) nhận được văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (kèm theo hồ sơ liên quan) đề nghị tham gia ý kiến thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ GTVT có ý như sau:

## **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

1. Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: (i) Tờ trình thẩm định quy hoạch tỉnh; (ii) Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh; (iii) Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh; (iv) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh; (v) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về quy hoạch tỉnh; (vi) Báo cáo tổng hợp đánh giá môi trường chiến lược; (viii) Tổng hợp bản đồ quy hoạch tỉnh. Bộ GTVT có ý kiến như sau:

1.1. Danh mục hồ sơ cơ bản đầy đủ các tài liệu theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm g, Điều 4 Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023.

1.2. Nhận xét, đánh giá chung:

- Bổ sung căn cứ pháp lý về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị bổ sung đánh giá hệ thống trung tâm logistics, hệ thống cảng cạn; trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua.

- Bổ sung số liệu dự báo nhu cầu vận tải được phân chia cho từng phương thức vận tải, từng tuyến, luồng trên địa bàn làm cơ sở tính toán, đề xuất quy mô

quy hoạch, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án.

- Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2030: đề nghị bổ sung thông tin và đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, bảo đảm phù hợp với thực tiễn cân đối nguồn lực đầu tư trên địa bàn từ trước đến nay; bổ sung danh mục các đoạn tuyến đường tỉnh được quy hoạch nâng lên thành quốc lộ theo quy định tại khoản 4 Mục III Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021<sup>1</sup>.

1.3. Kết luận: sau khi bổ sung, chỉnh sửa các nội dung trên, hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## II. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

### 1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch

1.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: (i) Cơ bản đảm bảo phù hợp với Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Đề nghị bổ sung số liệu dự báo nhu cầu vận tải theo phương thức vận tải làm cơ sở hoạch định quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

1.2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh

- Hồ sơ đã thực hiện việc tích hợp một số nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và mục 6, phụ lục 2 văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung cần tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhưng cần rà soát bổ sung một số nội dung còn thiếu như điểm đầu nối vào quốc lộ, cao tốc, bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh...

- Trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh, Bộ GTVT đã có văn bản số 4261/BGTVT-KHĐT ngày 25/4/2023 tham gia ý kiến dự thảo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu các nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện các nội dung đã nêu tại mục 1.2; đánh giá về nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn qua để làm rõ các bất cập, tồn tại và định hướng giải quyết trong phương án phát triển mạng lưới giao thông.

### 1.3. Nội dung quy hoạch tỉnh

- Cơ bản đầy đủ các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.

- Đã thực hiện việc phân tích, đánh giá tổng thể về hiện trạng và nghiên cứu,

<sup>1</sup> Các tuyến đường địa phương được quy hoạch thành Quốc lộ trong quyết định này chỉ nâng lên quốc lộ sau khi được đầu tư bảo đảm quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy hoạch và không thấp hơn quy mô đường cấp IV, 2 Làn xe.

đề xuất quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển.

#### 1.4. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

Danh mục đã tổng hợp nhu cầu đầu tư, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường bộ, đường thủy để ưu tiên thực hiện. Do danh mục đầu tư chưa xác định phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư dự kiến nên đề nghị bổ sung thông tin và đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, bảo đảm phù hợp với thực tiễn cân đối nguồn lực đầu tư trên địa bàn từ trước đến nay.

2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định với chức năng quản lý nhà nước của Bộ GTVT.

2.1. Các căn cứ lập quy hoạch: đề nghị cập nhật các quy hoạch đã nêu tại mục 1.1

#### 2.2. Về hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông

- Đề nghị bổ sung quy mô hiện trạng các tuyến đường tỉnh lộ; bổ sung đánh giá hiện trạng bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ; đánh giá tình trạng hoạt động các cảng bên hành khách, hàng hóa và khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách các năm trước đây; cập nhật hiện trạng hạ tầng cảng biển Thừa Thiên Huế đang khai thác, lượng hàng thông qua cảng biển Thừa Thiên Huế năm 2021, 2022; đề nghị thống nhất tên gọi "tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh", chiều dài đoạn tuyến đường sắt qua địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khoảng 112,5km từ Km655+000 đến Km767+500 (theo hồ sơ đang là 101,2km) và số lượng ga là 10 ga đường sắt (không bao gồm ga Hải Vân theo hồ sơ); thống nhất chung tên gọi "Cảng hàng không quốc tế Phú Bài" theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

- Rà soát bảng tổng hợp kết quả đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch giao thông do Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Bộ GTVT đầu tư với quy mô 4 làn xe (một số đoạn do ảnh hưởng của dân cư hai bên tuyến nên giữ nguyên và đầu tư tuyến tránh có quy mô 2 làn xe) là phù hợp với quy hoạch, tuy nhiên hồ sơ đánh giá chưa đảm bảo phù hợp với quy hoạch.

#### 2.3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đề nghị:

- Cập nhật cấp quy hoạch tuyến đường thủy nội địa Trung ương (sông Hương, Phá Tam Giang) và định hướng quy hoạch các cụm cảng hàng hóa, hành khách theo Phụ lục II, IV, V theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghiên cứu bổ sung quy hoạch cảng khách trên sông Hương, khu vực đầm phá Tam Giang – Cầu Hai phục vụ du lịch.

- Cập nhật nội dung quy hoạch cảng biển Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật quy hoạch chi tiết cảng biển Thừa Thiên Huế, các khu bến Chân Mây, Thuận An, Phong Điền theo quy hoạch phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển đang được Cục Hàng hải Việt Nam triển khai để đồng bộ với quy hoạch chuyên ngành và đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch.

- Bổ sung định hướng phát triển tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh hiện có như sau: *"Tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM hiện tại: tiếp tục duy trì, cải tạo nâng cấp để khai thác vận tải hành khách và hàng hóa có hiệu quả. Trong đó, dự kiến xây mới tuyến nhánh kết nối ga Thừa Lưu vào cảng biển Chân Mây"*.

- Đối với tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đề nghị cập nhật theo văn bản số 8840/UBND-GT ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã thống nhất với Bộ GTVT, trong đó cần nêu rõ: *"Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, hướng tuyến đi về phía Đông thành phố Huế, chiều dài qua địa phận tỉnh Thừa Thiên - Huế khoảng 94,35km; bao gồm 02 ga (ga Huế thuộc địa phận xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang và ga Chân Mây là ga tiềm năng, hoạch định tại xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc) và các trạm bảo dưỡng hạ tầng dọc tuyến"*.

- Bổ sung quy hoạch đường sắt đô thị trên địa bàn Thừa Thiên Huế sau năm 2030 phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang xây dựng.

- Phạm vi quy hoạch tỉnh không quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia, để phù hợp với luật quy hoạch, đề nghị cập nhật cảng hàng không Phú Bài theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: quy hoạch cấp sân bay 4E, công suất thiết kế đạt 7,0 triệu hành khách/năm giai đoạn đến năm 2030 và 12,0 triệu hành khách/năm tầm nhìn đến năm 2050.

Tương tự, ngày/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 979/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy hoạch 02 cảng cạn: Chân Mây và Phú Lộc, vì vậy, đề nghị cập nhật trong hồ sơ để đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch.

### 3.3. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có)

- Tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia nêu trên và cập nhật, chỉnh sửa nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.

- Để bảo đảm tính mở của quy hoạch, đề nghị bổ sung nội dung trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch, đối với phương án phát triển mạng lưới giao thông (trang 19): (i) Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị, khu vực đèo dốc nguy hiểm, vị trí không thể mở rộng; (ii) Quy mô các tuyến đường địa phương là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường; đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án. (iii) Các tuyến quốc lộ qua đô thị, trường hợp cần thiết sẽ xây dựng hệ thống đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương (theo khoản 3 mục III Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày

01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ). (iv) Các tuyến đường, công trình giao thông của địa phương không có trong danh mục dự án ưu tiên thời kỳ 2021-2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Thừa Thiên Huế huy động được nguồn lực, bảo đảm hiệu quả đầu tư được chủ động thực hiện đầu tư.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định. Nhất trí thông qua quy hoạch sau khi đã chỉnh sửa, bổ sung.

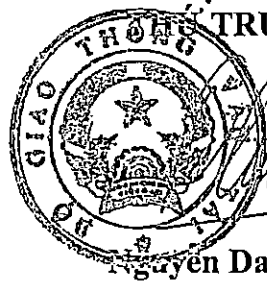
Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở GTVT Thừa Thiên Huế;
- Lưu VT, KHĐT (3). *tuavva*

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**TRƯỞNG**



**Nguyễn Danh Huy**

Số 4882/BGDĐT-KHTC

V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy  
hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-  
2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được Công văn số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế), Bộ Giáo dục và Đào tạo có ý kiến như sau:

**1. Về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch**

Thành phần hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ bản đầy đủ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch.

**2. Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt**

Đối chiếu với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, về cơ bản Hồ sơ đã phù hợp Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

**3. Về việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch và tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện**

Về cơ bản việc lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuân thủ đúng quy trình pháp lý lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Quy hoạch.

**4. Về sự phù hợp của nội dung quy hoạch**

**4.1. Nhận xét chung:**

Kết cấu và nội dung của Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế nhìn chung bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch; Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 04/5/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 1951/BGDĐT-KHTC về việc góp ý đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát, nhiều nội dung góp ý tại công văn nêu trên của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung.

#### 4.2. Nhận xét cụ thể:

4.2.1. Đối với Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

a) Về căn cứ lập quy hoạch (Mục II trang 4):

Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào phần căn cứ lập quy hoạch.

b) Về thực trạng mạng lưới, hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 5.2 trang 324):

- Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật.

- Đề nghị rà soát, không đưa nội dung liên quan đến các trung tâm GDNN-GDCTX vào đánh giá thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thay vào đó, đưa các nội dung này vào đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới, hạ tầng giáo dục thường xuyên để đảm bảo đúng quy định của Luật Giáo dục.

- Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá kết quả thực hiện định hướng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo nêu tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đối với, cụ thể: “*Trung tâm giáo dục - đào tạo: Diện tích khoảng 250 ha, bao gồm: Trung tâm giáo dục đa ngành đào tạo cấp vùng, quốc gia: Xây dựng làng đại học Huế tại các phường An Tây, An Cựu với diện tích khoảng 143 ha; phát triển mới một số cơ sở giáo dục ở khu đô thị mới An Vân Dương với diện tích khoảng 50 ha; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, đào tạo nghề và các cơ sở giáo dục khác được bố trí phân tán tại các vùng đô thị hiện có*”.

c) Về chỉ tiêu phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Mục IV trang 432):

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số chỉ tiêu cụ thể để làm căn cứ thực hiện, đánh giá đối với mục tiêu: “*Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao*” đã đề ra tại quy hoạch và tại Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

d) Về các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá trong quy hoạch tỉnh (Mục V trang 433):

Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo và lộ trình để thực hiện thành công nhiệm vụ, giải pháp: “*Xây dựng trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao trên cơ sở phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, phấn đấu nằm trong top*

300 các trường đại học hàng đầu Châu Á. Xây dựng Trường trung học phổ thông Quốc học Huế trở thành điểm sáng về chất lượng giáo dục trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam” đã đề ra tại Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và “Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia” đã đề ra tại Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 3.2 trang 483):

- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1951/BGDĐT-KHTC, theo đó nghiên cứu bổ sung các nội dung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh.

- Về chỉ tiêu phát triển (Mục 3.2.1.3 trang 484): Đề nghị bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; mục tiêu, chỉ tiêu giáo viên đạt chuẩn; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới (*như tỷ lệ giáo viên/lớp, số phòng học/lớp, số phòng học kiên cố, tỷ lệ số học sinh học 2 buổi/ngày,...*); bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục khuyết tật, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học của tỉnh đảm bảo bám sát các quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo đề ra tại Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Về định hướng phát triển giáo dục thường xuyên: Đề nghị rà soát, bổ sung định hướng phát triển các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các thiết chế giáo dục thường xuyên khác, đặc biệt là mô hình trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn để triển khai có hiệu quả Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; đẩy mạnh việc xây dựng và nhân rộng mô hình xã học tập, huyện học tập và đến năm 2030 tỉnh được công nhận là tỉnh học tập của Việt Nam; tập trung, xây dựng các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để mọi công dân được học tập thường xuyên, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số; có kế hoạch xây dựng thành phố học tập hướng tới xây dựng năng lực và phẩm chất, đặc biệt gắn với cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, xây dựng quốc gia chuyển đổi số.

- Đề nghị bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo đề ra, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Theo đó, có các chương trình hành động, lộ trình cụ thể thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi.

e) Về phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Mục 3.4 trang 496):

Đề nghị bổ sung nội dung xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học đến năm 2025 và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương tại Thông báo kết luận số 269/TB-VPCP ngày 18/10/2021.

g) Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục II trang 705):

- Đề nghị bổ sung làm rõ thêm phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng giáo dục và đào tạo tại các khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp,...

- Đề nghị bổ sung phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc (*trường PTDTNT, PTDTBT*).

- Đề nghị bổ sung làm rõ định hướng địa điểm bố trí, quy mô công trình, nhu cầu diện tích sử dụng đất đối với phương án: "*Giai đoạn 2021-2030, thành lập mới 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập cấp tỉnh; 01 trung tâm giáo dục khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*".

- Đề nghị bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

h) Về định hướng phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện (Mục II trang 727):

Đối với phương án phân bổ đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (Mục 2.2 trang 732): Đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung làm rõ chỉ tiêu sử dụng đất đối với đất cơ sở giáo dục - đào tạo năm 2030 theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh có 1.027 ha, xác định thấp hơn chỉ tiêu cấp quốc gia 312 ha tại Mục 2.2.2 và Bảng 172 (trang 734). Đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 1.339 ha theo đúng Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia năm 2021-2025.

Ngoài ra, đề nghị rà soát phương án, chỉ tiêu phân bổ đất phù hợp định hướng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo nêu tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đối với, cụ thể:

“Trung tâm giáo dục - đào tạo: Diện tích khoảng 250 ha, bao gồm: Trung tâm giáo dục đa ngành đào tạo cấp vùng, quốc gia: Xây dựng làng đại học Huế tại các phường An Tây, An Cựu với diện tích khoảng 143 ha; phát triển mới một số cơ sở giáo dục ở khu đô thị mới An Vân Dương với diện tích khoảng 50 ha; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, đào tạo nghề và các cơ sở giáo dục khác được bố trí phân tán tại các vùng đô thị hiện có”.

4.2.2. Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Đề nghị cơ quan lập quy hoạch trên cơ sở Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 4.2.1 nêu trên: (1) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các nội dung liên quan tại dự thảo Quyết định; (2) Rà soát, biên tập nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm b khoản 2 Mục III dự thảo Quyết định để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; (3) Bổ sung nội dung phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo tại Mục V; (4) Rà soát nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại khoản 2 Mục VII và Phụ lục XIV-a và Phụ lục XIV-b dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung đầy đủ nội dung phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (trường TH, THCS, THPT), giáo dục thường xuyên đến năm 2030 (loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí); phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.

## 5. Kết luận và kiến nghị

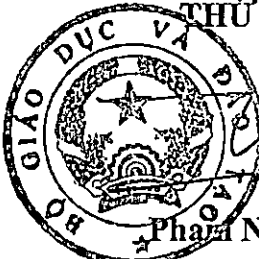
Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung theo góp ý nêu trên trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Trên đây là ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kính gửi Quý Cơ quan để nghiên cứu, tổng hợp. *tt*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



*Phạm Ngọc Thương*

Phạm Ngọc Thương

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6621 /BCT-KHTC  
V/v tham gia ý kiến thẩm định đối với  
quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2023

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  
(Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Bộ Công Thương đã nhận được Văn bản số 6302/CV-HĐTD ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (kèm theo hồ sơ) đề nghị có ý kiến nhận xét đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTD ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Công Thương có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Tờ trình phê duyệt quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- Báo cáo tóm tắt quy hoạch;
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
- Bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

**II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ Công Thương đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đầy đủ các tài liệu theo quy hoạch tại Điều 31 Luật Quy hoạch.

2. Kết luận Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá

### III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH II

#### 1. Ý kiến chung

Bộ Công Thương đã có Công văn số 3692/CTC-KHHC ngày 11/01/2023 gửi UBND tỉnh Thừa Thiên Huế góp ý đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, hồ sơ Quy hoạch trình thẩm định về cơ bản đã tiếp thu, giải trình các ý kiến của Bộ Công Thương tại Văn bản nêu trên

#### 2. Các góp ý cụ thể đối với báo cáo Quy hoạch

### CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

#### \* Về thực trạng mạng lưới cấp điện:

- Đề nghị bổ sung các sơ đồ 1 sợi, bản đồ hiện trạng chi tiết kèm theo tọa độ chính xác về nguồn điện khu vực kết nối vào hệ thống điện quốc gia, số hiệu thống kê và dự báo phụ tải theo các loại hình (công nghiệp, dân dụng, thương mại, giao thông vận tải, chiếu sáng công cộng...).

- Đề nghị bổ sung bảng cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải, phân tích làm rõ sự cần thiết quy hoạch xây dựng mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV;

- Đề nghị bổ sung hiện trạng phát triển của hệ thống điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vào hiện trạng phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh, qua đó có đánh giá tổng thể về tính đồng bộ của việc phát triển nguồn - lưới điện trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị rà soát, bổ sung tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến giai đoạn hết năm 2022.

#### \* Về thực trạng Thương mại trong nước

Đề nghị cập nhật số liệu chợ, siêu thị, trung tâm thương mại năm 2020, bổ sung số liệu 2021, 2022; Nghiên cứu bổ sung nội dung về thực trạng hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

### CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ QUAN TRỌNG

#### \* Đối với phương án phát triển Công nghiệp:

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023, đề nghị tỉnh Thừa Thiên Huế rà soát, đối chiếu, cập nhật về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ nằm trong Quy hoạch ngành quốc gia để hoàn thiện các số liệu liên quan đến vấn đề sử dụng đất và chỉ tiêu

phát triển công nghiệp tại Quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo về công tác quản lý giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch ngành quốc gia;

- Đề nghị nghiên cứu, rà soát, cân nhắc việc bố trí diện tích đất dành cho Trụ sở làm việc của lực lượng Công an bảo đảm ANTT, PCCC và CNCH tại các CCN, đảm bảo đúng quy định về quản lý, phát triển CCN và các quy định khác liên quan.

- Tại danh mục các CCN dự kiến phát triển đến năm 2030 (Phụ lục III) tại dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch: Đề nghị thể hiện rõ các nội dung gồm: tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư theo Quy định của Nghị định 66/2020/NĐ-CP.

*\* Đối với phương án phát triển thương mại:*

- Đề nghị đơn vị soạn thảo cần lưu ý việc tích hợp các quy hoạch về hạ tầng thương mại vào quy hoạch tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ.

- Đối với hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt, ngày 18/7/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 861/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, cập nhật, đảm bảo thống nhất.

- Đối với hạ tầng cung ứng xăng dầu, khí đốt, trên cơ sở đánh giá hiện trạng, đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu về cung ứng đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, UBND tỉnh cần đề xuất định hướng phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, hệ thống trạm chiết nạp gas trên địa bàn, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh để có cơ sở triển khai thực hiện trong giai đoạn Quy hoạch.

#### **PHẦN 5: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

*\* Đối với phương án phát triển nguồn điện và phương án phát triển lưới điện truyền tải:*

- Đề nghị đơn vị soạn thảo cập nhật, rà soát, chuẩn xác danh mục lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất bổ sung phương hướng phát triển đường dây và trạm biến áp 110 kV để giải tỏa các nguồn điện trên địa bàn, đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy làm cơ sở cho hoạt động đầu tư lưới điện trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị phân chia cụ thể thời kỳ triển khai thực hiện phát triển các nguồn điện, làm cơ sở để các nhà đầu tư triển khai thực hiện đầu tư, bổ sung nguồn cấp điện cho tỉnh, xây dựng kế hoạch sử dụng đất phù hợp.

- Trên cơ sở rà soát danh mục công trình điện lực trên địa bàn tỉnh, xem xét cập nhật nhu cầu đất cho các công trình năng lượng để quy hoạch cho phù hợp.

- Ngày 15/5/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch điện VIII), do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật danh mục các công trình điện Quốc gia trên địa

bản tỉnh (bao gồm nguồn và lưới điện truyền tải 500kV, 220kV...) đảm bảo sự phù hợp giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch điện VIII.

- Tại dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh có một số dự án nguồn điện (điện mặt trời, điện khí, điện gió...) hiện không có trong Quy hoạch điện 8 và chưa có cơ sở đưa các danh mục nguồn điện xác định trong giai đoạn 2031-2050 trong quy hoạch tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đảm bảo thống nhất với Quy hoạch điện 8.

- Nghiên cứu dự phòng vị trí các trạm nạp/sạc nhiên liệu cho các phương tiện giao thông sử dụng điện trên cơ sở bố trí tối ưu tại các ô quy hoạch; Dự phòng phương án cấp điện cho đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và đường sắt đô thị trên địa bàn.

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình, hoàn thiện đối với các ý kiến thẩm định của Bộ Công Thương trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thông qua tại phiên họp thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Bộ Công Thương đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh nghiên cứu, tổng hợp. /MT

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Cục: ĐL, ĐTĐL, CN, HC, ATMT, CTDP;
- Các Vụ: TTTN, DKT;
- Viện CLCS;
- Lưu: VT, KHTC (PhuNN).



**Phan Thị Thắng**

alot

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3264/BCA-ANKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2023

V/v tham gia ý kiến Quy hoạch tỉnh  
Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050

<b>BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>	
ĐẾN	Số: 46295
	Ngày: 18.9.2023
Chuyên:	.....
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Công an tham gia ý kiến đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Công an có ý kiến như sau:

1. Đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Bộ Công an đã có Công văn số 468/BCA-ANKT, ngày 27/2/2023 và Công văn số 972/BCA-ANKT, ngày 31/3/2023 tham gia ý kiến. Về cơ bản các ý kiến tham gia của Bộ Công an đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình.

2. Một số ý kiến tham gia cụ thể:

2.1. Liên quan quy hoạch hạ tầng phòng cháy, chữa cháy:

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã có các nội dung phân tích, đánh giá về thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, đã có "Phương án phát triển hệ thống phòng cháy chữa cháy", trong đó đã xác định chi tiêu sử dụng đất cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh, xác định nhu cầu, kế hoạch sử dụng đất để phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

Ngày 07/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 819/QĐ- TTg phê duyệt Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch ngành quốc gia). Bộ Công an đề nghị Cơ quan lập quy hoạch đối chiếu, rà soát và thống nhất số liệu về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt quy hoạch.

- Về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã có nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; Bộ Công an thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định trình phê duyệt.

**2.2. Liên quan quy hoạch đất an ninh:** Bộ Công an cung cấp thông tin, đề nghị đơn vị chủ trì lập quy hoạch nghiên cứu, bổ sung nội dung phản ánh số liệu đất an ninh tại Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, gồm:

+ Số liệu tổng thể về hiện trạng đất an ninh do Bộ Công an quản lý (tính đến tháng 8/2023) là 2.226,37 ha, gồm 1.739,84ha đất an ninh và 486,53 ha đất khác.

+ Quy hoạch đất an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là: 2.377, 51 ha, trong đó Bộ Công an đang đề xuất đất an ninh đến năm 2025 là 2.357 ha (Bộ Công an đã có văn bản số 2997/BCA-H02 ngày 25/8/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh). Số liệu chi tiết quy hoạch đất an ninh đến năm 2030 trên địa bàn cấp huyện, cụ thể: <sup>(01)</sup> Huyện A Lưới: 9,68ha; <sup>(02)</sup> Huyện Nam Đông: 7,68ha; <sup>(03)</sup> Huyện Phong Điền: 15,60ha; <sup>(04)</sup> Huyện Phú Lộc: 26,07ha; <sup>(05)</sup> Huyện Phú Vang: 14,99ha; <sup>(06)</sup> Huyện Quang Điền: 9,01ha; <sup>(07)</sup> Thành phố Huế: 333,06ha; <sup>(08)</sup> Thị xã Hương Thủy: 18,52ha; <sup>(09)</sup> Thị xã Hương Trà: 1,937,79ha.

**2.3. Theo quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn phát triển quy hoạch của Thừa Thiên Huế,** định hướng phát triển Thừa Thiên Huế thành một trong những địa phương phát triển có thương hiệu mạnh về Công nghiệp - Đô thị và Du lịch. Các trụ cột phát triển mà tỉnh đề xuất đều có nguy cơ phát sinh khí thải, nước thải, chất thải lớn, vì vậy đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư lưu ý đối với tỉnh Thừa Thiên Huế về nội dung trong thuyết minh quy hoạch tỉnh cần quan tâm bổ sung thêm các vấn đề như: hoạch định cụ thể phương hướng phát triển cho từng ngành, lĩnh vực; quan tâm đến xử lý khí thải, nước thải, chất thải đảm bảo môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội trong đó cần lưu ý làm rõ các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế của các dự án có tác động đến môi trường, cụ thể:

+ Trên cơ sở các biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền xác nhận, chủ dự án có trách nhiệm bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng. Cùng với đó là việc tổ chức kiểm tra, giám sát các nhà thầu tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình. Đình chỉ thi công và yêu cầu khắc phục khi phát hiện nhà thầu vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng; Yêu cầu nhà thầu có phương án chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố môi trường; Kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan có thẩm

quyền để giải quyết ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và các vấn đề phát sinh. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng dự án phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định, đặc biệt là bụi, chất thải nguy hại, chất thải xây dựng, bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo, vét...chất thải sinh hoạt phát sinh từ việc giải phóng mặt bằng.

+ Nguồn gốc, xuất xứ các loại vật liệu xây dựng phải đảm bảo tính hợp pháp, tránh lợi dụng thi công dự án để khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện dự án.

Bộ Công an trao đổi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, phối hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng Tô Lâm (để báo cáo);
- Văn phòng BCA (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(TCĐT).Phuong(05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng Lương Tam Quang**

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5397 /BYT-KH-TC

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2023

V/v tham gia ý kiến thẩm định với Quy  
hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến 2050- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Y tế nhận được Công văn số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050- Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến thẩm định với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Y tế có ý kiến như sau:

1. Ngày 24/3/2023 Bộ Y tế đã có Công văn số 1619/BYT-KHTC gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tham gia ý kiến dự thảo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch, Hệ thống bản đồ và các tài liệu kèm theo được xây dựng công phu với nhiều số liệu phong phú về tình hình kinh tế- xã hội và định hướng phát triển của tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới. Về cơ bản hồ sơ đáp ứng các yêu cầu trong nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; các quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

**3. Một số ý kiến**

3.1 Với vai trò là Trung tâm văn hóa, y tế... vùng Bắc trung bộ và Duyên hải Trung bộ theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; với mục tiêu gắn kết chặt chẽ và phát huy thế mạnh 3 trụ cột chính là Bệnh viện Trung ương Huế, Trường Đại học Y Dược Huế và hệ thống y tế địa phương; xây dựng thành phố Huế thành Trung tâm y tế chuyên sâu; phát triển Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế thuộc Trường Đại học Y - Dược Huế, Đại học Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế; đề nghị bổ sung một số nội dung sau:

- Bổ sung phân tích về khả năng tiếp cận của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận đối với các dịch vụ y tế cơ bản và chuyên sâu theo không gian và thời gian. Đồng thời, Thừa Thiên Huế hiện là tỉnh duy nhất không có bệnh viện đa khoa tỉnh, do vậy báo cáo cần phân tích rõ hơn về tính kết nối giữa tuyến TW và địa phương trong cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người dân trong tỉnh và các tỉnh trong vùng để có định hướng quy hoạch theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đề nghị bổ sung phân tích dự báo về quy mô giường bệnh, nhu cầu về số lượng nhân lực y tế (bác sỹ, điều dưỡng, dược sỹ) để có thể xác định được định hướng và phương án quy hoạch cho từng phân kỳ cụ thể. Nội dung này đã được góp ý tại Công văn số 1619/ BYT-KH-TC ngày 24/3/2023 của Bộ Y tế nhưng mới bổ sung về dự báo mô hình bệnh tật, chưa bổ sung phân tích dự báo về số giường bệnh và nhu cầu nhân lực theo quy mô dân số.

3.2. Tại Mục 3.1 - Phần III (Trang 477) - Phương hướng phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe:

- Đề nghị rà soát lại các nội dung góp ý tại Công văn số 1619/BYT-KH-TC ngày 24/3/2023 của Bộ Y tế và bổ sung Quan điểm và phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương hướng và mục tiêu phát triển y tế tỉnh Thừa Thiên Huế chưa thể hiện rõ vai trò của y tế cơ sở, lấy y tế cơ sở là nền tảng, thực hiện ưu tiên đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm y tế huyện và Trạm y tế xã trong cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trong tỉnh, tập trung cung ứng các dịch vụ phòng bệnh (như tầm soát phát hiện bệnh sớm, kiểm soát các yếu tố nguy cơ, quản lý bệnh), điều trị và quản lý bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường tại trạm y tế xã, tăng cường kết hợp quân dân y trong chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các xã miền núi và đầm phá.

- Đề nghị xem lại chỉ tiêu giường bệnh/vạn dân của Thừa Thiên Huế (giường bệnh/vạn dân tính bao gồm giường của cơ sở y tế trung ương và địa phương là 128-130 giường, trong khi đó số giường bệnh/vạn dân năm 2020 bao gồm cả cơ sở y tế trung ương là 61,8 giường bệnh và tính riêng của tỉnh hiện rất thấp chỉ còn 15,4 giường bệnh/vạn dân). Thừa Thiên Huế là tỉnh đặc thù có Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế trên địa bàn với quy mô giường bệnh lớn (4.183 giường bệnh), do vậy cần tách riêng chỉ tiêu giường bệnh tuyến trung ương và địa phương để có định hướng phát triển quy mô giường bệnh cụ thể cho tuyến tỉnh. Bên cạnh đó, theo số liệu của Bộ Y tế năm 2019, tỷ lệ điều dưỡng/bác sỹ của Thừa Thiên Huế mới đạt 1,4 (bao gồm cả tuyến trung

ương), tỷ lệ này của Bệnh viện Trung ương Huế là 1,2. Chỉ số trung bình chung của cả nước là 1,5, trong khi đó theo khuyến cáo chỉ số này phải đạt 2,5-3,0 điều dưỡng/1 bác sĩ. Như vậy, cần xác định nhu cầu nhân lực y tế theo từng phân kỳ quy hoạch để có kế hoạch và giải pháp cụ thể trong đào tạo, tuyển dụng bác sĩ và điều dưỡng phù hợp với quy mô phát triển đáp ứng mục tiêu là trung tâm y tế chuyên sâu của vùng Bắc trung bộ và Duyên hải Trung bộ.

- Bổ sung thực trạng và định hướng phát triển y tế ngoài công lập.

- Đối với mạng lưới cơ sở y tế cấp địa phương: Đề nghị rà soát mạng lưới cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và y tế cơ sở nhằm đảm bảo đồng bộ với định hướng phát triển Quy hoạch ngành quốc gia đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 28/7/2023, cụ thể như sau:

(1) Đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh: Rà soát, sắp xếp lại các bệnh viện chuyên khoa tỉnh hoạt động không hiệu quả, phát triển khoa lão, khoa sức khỏe tâm thần, khoa truyền nhiễm trong các bệnh viện đa khoa tỉnh tiến tới kiện toàn bệnh viện đa khoa tỉnh hoàn chỉnh. Đầu tư, phát triển các bệnh viện đa khoa huyện trở thành bệnh viện thuộc tuyến chăm sóc cơ bản nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh nội trú của người dân ngay trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực hồi sức tích cực tại tuyến tỉnh và tuyến huyện, phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện tại địa phương, đảm bảo người dân được tiếp cận kịp thời với các dịch vụ cấp cứu trước khi đến bệnh viện; đối với tỉnh/thành phố có địa bàn giao thông thuận lợi, thực hiện mô hình Trung tâm 115 hoàn chỉnh kết hợp tổ chức các đơn vị cấp cứu vệ tinh theo khu vực.

(2) Đối với lĩnh vực y tế dự phòng: Kiện toàn Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh theo hướng quy hoạch tập trung các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh vào cùng một địa điểm và tiếp tục sáp nhập các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh.

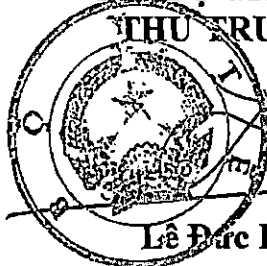
(3) Đối với mạng lưới y tế tuyến xã: Tổ chức hệ thống trạm y tế phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở từng khu vực, địa bàn. Phấn đấu đến năm 2030 trạm y tế xã có đủ năng lực đảm nhận vai trò là cấp chăm sóc ban đầu, có chức năng tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tuyến người bệnh kịp thời.

(4) Mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tư nhân. Phát triển các bệnh viện tư nhân có chất lượng cao trên nguyên tắc cơ sở y tế phải ở vị trí thuận tiện để người dân có thể dễ dàng tiếp cận. Các bệnh viện tư phải đáp ứng được tiêu chí về chất lượng theo quy định của Bộ Y tế.

Trên đây là một số ý kiến tham định đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp theo quy định./

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo/cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, KH-TC2.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG *Kaob*  
  
*Luân*  
Lê Đức Luận



hit

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan Thường trực HĐTĐ quy hoạch tỉnh  
**Thừa Thiên Huế** thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ quy hoạch tỉnh **Thừa Thiên Huế** thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thành viên HĐTĐ của Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Ngày 08/02/2022, Bộ Quốc phòng đã có Công văn số 303/BQP-TM tham gia ý kiến và thông nhất đối với Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quá trình hoàn thiện Quy hoạch, Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch Tỉnh đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch; tích hợp cơ bản đầy đủ các nội dung, trong đó đã chủ động phối hợp với Quân khu 4 thực hiện cơ bản việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào Quy hoạch Tỉnh. Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cơ bản phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch; các giải pháp, cũng như nguồn lực tổ chức thực hiện có tính khả thi. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi tiếp thu, giải trình cơ bản đáp ứng điều kiện để trình Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định.

2. Quá trình hoàn thiện quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 4 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh và Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trân trọng đề nghị Cơ quan Thường trực HĐTĐ tổng hợp./.

THÀNH VIÊN HĐTĐ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH và ĐT tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại tá Nguyễn Đức Hòa

**TS. LÊ THỊ MINH PHƯƠNG**  
**ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...2023.*

V/v ý kiến phản biện đối với Quy  
hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế

Trả lời công văn số 6303/CV-HĐTĐ ngày 07/08/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đề nghị có ý kiến phản biện đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 09 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch, Chuyên gia có ý kiến phản biện đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

### **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

1. Hồ sơ Quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 3191/TTr – SKHĐT ngày 28/07/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đề nghị thẩm định quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Báo cáo tổng hợp Quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Báo cáo tóm tắt Quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Báo cáo kết quả đánh giá chiến lược môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch Tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Bản sao góp ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan
- Hệ thống sơ đồ bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch, danh mục và tỉ lệ bản đồ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Báo cáo tổng hợp tiếp thu giải trình ý kiến tham gia đóng góp đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2031 -2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Công văn số 7321/UBND - QHXT ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm:

## II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; qua xem xét Chuyên gia đánh giá về hồ sơ như sau:

1. Danh mục hồ sơ: Hồ sơ hợp lệ với yêu cầu hồ sơ quy hoạch (theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17 tháng 09 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định
2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ Quy hoạch (nếu có).

Các phần và nội dung có trong hồ sơ quy hoạch là đủ, thể hiện được nội dung quy hoạch của Tỉnh

3. Kết luận: đủ điều kiện hay để nhận xét, đánh giá.

## III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch:

a) Hệ thống bản đồ, sơ đồ

Hệ thống bản đồ số quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập công phu, dễ đoán đọc, hiểu được nội dung của quy hoạch. Tỉ lệ bản đồ được lựa chọn trong hệ thống bản đồ giấy và bản đồ in là: 1: 50.000 phù hợp với quy mô diện tích, kích thước và hình dáng của Tỉnh.

Toàn bộ các đối tượng trong nội dung bản đồ đã được sử dụng chung một bộ cơ sở toán học theo quy định. Các yếu tố kỹ thuật cũng đảm bảo bám sát được yêu cầu, các ký hiệu trên bản đồ mô tả được nội dung chức năng của khu đất, nêu được

ý tưởng quy hoạch. Tên bản đồ được đặt theo đúng quy định, trong đó nội dung thể hiện trên bản đồ bám sát, đồng bộ với hệ thống tên. Phân bố không gian của các đối tượng trong ngành lĩnh vực cũng đã được thể hiện trên đa phần các tờ bản đồ. Nhận xét chung hệ thống bản đồ số đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của các cơ quan chức năng. Để hoàn thiện hơn nữa cơ quan lập quy hoạch cần xem xét các yếu tố sau.

- Một số bản đồ có nội dung dữ liệu bên trong chưa khớp với ranh giới tỉnh (VD ở bản đồ Hiện trạng phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản, dữ liệu rừng có khoảng hở so với ranh giới tỉnh)
- Rà soát và hạn chế bảng biểu trên bản đồ, đối với hệ thống bản đồ được thành lập từ bộ cơ sở dữ liệu thì việc nhìn bản đồ để thấy mức độ phân bố không gian, mối tương quan giữa các đối tượng thì có thể tìm thông tin trong cơ sở dữ liệu
- Sắp xếp bố cục lại vị trí các bảng biểu khung tên, chú giải .. cho phù hợp và tiếp cận được với quy định ( tham khảo thông tư 04 của Bộ kế hoạch và đầu tư).
- Nội dung thông tin trong các bảng biểu cần ngắn gọn và có liên kết với cơ sở dữ liệu
- Xem xét lại tỉ lệ bản đồ, bản đồ khi in ra trên giấy A3 không còn giống tỉ lệ trong bộ cơ sở dữ liệu cũng như không đúng với quy định trên thực địa. Đối với các tờ bản đồ A3 ko thể nhìn rõ đối tượng do khi in không thiết kế đưa bản đồ về khổ A3 nên gần như không đọc được các đối tượng
- Rà soát lại tên bản đồ đặt cho phù hợp với quy định (tên bản đồ cần đưa thêm thời gian, giai đoạn của quy hoạch)
- Rà soát lại thông tin trên chú giải, ví dụ tại Bản đồ hiện trạng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Thừa thiên Huế thì có 3 ký hiệu khác nhau đều thể hiện chung 1 đối tượng là đất khu, cụm công nghiệp)
- Rà soát lại bản đồ các dự án ưu tiên và đưa vào bộ cơ sở dữ liệu
- Rà soát lại sự phù hợp, thống nhất giữa báo cáo tích hợp với nội dung thể hiện bản đồ

### c) Hệ thống cơ sở dữ liệu

- Bộ cơ sở dữ liệu có tính đồng bộ, thống nhất của cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh so với yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch. Các Feature Dataset đã đặt đúng tên 14 nhóm dữ liệu, đã khai báo đúng VN2000. Để hoàn thiện theo yêu cầu cơ quan lập quy hoạch xem xét các vấn đề sau:

- File Geodatabase kiểm tra lại tên đặt theo quy định

Featute Class Các lớp này đã đặt tên lớp dữ liệu đúng theo quy định, tuy nhiên có nhiều lớp dữ liệu chưa được bổ sung tên đại diện (alias)

- Số lượng lớp dữ liệu tương đối đầy đủ theo quy định, tuy nhiên mức độ đầy đủ nội dung dữ liệu thì vẫn còn có một số lớp dữ liệu rỗng, chưa có đối tượng bên trong, đặc biệt là các lớp dữ liệu tham chiếu cho quy hoạch như quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, lớp dự án đang triển khai không có thông tin không gian và thuộc tính, hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, hiện trạng kinh tế xã hội rỗng, hiện trạng nguồn năng lượng tái tạo, hiện trạng thăm dò khai thác chế biến và sử dụng quặng phóng xạ, hiện trạng hệ thống cảng cá và phát triển các khu neo đậu, quy hoạch nhà máy nước liên huyện, mạng lưới liên huyện....

Dữ liệu lĩnh vực kinh tế xã hội rỗng, không có thông tin.

Dữ liệu lớp xây dựng nhiều lớp rỗng, có những lớp không có trong quy định nhưng lại thiếu lớp có trong quy định như lớp quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, dự án đang triển khai, khu vực có vai trò động lực, khu vực đặc biệt khó khăn, khu vực phát triển nghiên cứu đào tạo, phát triển thể dục thể thao, quy hoạch nhà máy nước, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật...

Lĩnh vực công nghiệp có các lớp đối tượng thiếu dữ liệu không gian và thuộc tính như lớp dự án đang triển khai, hiện trạng cụm công nghiệp, hiện trạng khu công nghiệp (lấn sang dữ liệu của lĩnh vực khác), hiện trạng nguồn năng lượng tái tạo, hiện trạng thăm dò khai thác chế biến quặng, quy hoạch nguồn năng lượng tái tạo, quy hoạch cấp điện... rỗng không có thông tin không gian thuộc tính

Lĩnh vực nông nghiệp: hiện trạng công trình phòng chống thiên tai trường thuộc tính vị trí còn thiếu nhiều thông tin, hiện trạng chăn nuôi tập trung thiếu trường vị

trí đối tượng, hiện trạng hệ thống đê kè trường thông tin tên còn thiếu nhiều, hiện trạng nuôi trồng thủy sản thiếu trường thuộc tính tên, hiện trạng phát triển trồng trọt không có thông tin không gian và thuộc tính, hiện trạng mạng lưới cấp nước liên huyện không có thông tin lớp rỗng,

Lớp dữ liệu tài nguyên và môi trường: nhiều lớp dữ liệu rỗng, nhiều lớp dữ liệu không thuộc lĩnh vực này. Lớp thông tin đặc điểm khí hậu biến đổi khí hậu, chất lượng đất là lớp rỗng, không có thông tin không gian thuộc tính. Hiện trạng hệ thống nghĩa trang thiếu trường thuộc tính thông tin, hiện trạng khoáng sản trường thông tin chưa rõ ràng; nhiều lớp sử dụng đất cấp huyện không có thông tin, rỗng; hiện trạng TNMT biển và hải đảo rỗng không có thông tin; hiện trạng trạm xử lý nước thải rỗng, lặ; quy hoạch trạm xử lý nước thải, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn rỗng.... Còn nhiều lớp dữ liệu rỗng, sắp xếp chưa đúng theo yêu cầu, lộn xộn, cần phải xây dựng lại cấu trúc dữ liệu cho lớp thông tin này.

Lĩnh vực văn hóa thể dục thể thao: dự án ưu tiên rỗng; hiện trạng quy hoạch du lịch không thấy phân loại tuyến vùng du lịch;

Lĩnh vực giao thông: dự án đang triển khai không có thông tin; hiện trạng hệ thống trung tâm logistic, quy hoạch hệ thống cảng biển

Lĩnh vực thông tin truyền thông: dự án đang triển khai không có thông tin; quy hoạch cơ sở báo chí phát thanh truyền hình rỗng;

Đối với các trường thuộc tính: nhiều lớp dữ liệu chưa tạo , tên đại diện (alias) cho các trường thuộc tính; Một số lớp dữ liệu đang bị lỗi ZM ví dụ như HienTrangNhaMayCapNuocDoThi\_P

- Kiểm tra dữ liệu dạng vùng cho thấy Hiện trạng sử dụng đất và Quy hoạch sử dụng đất còn rất nhiều lỗi topology

- Kiểm tra dữ liệu dạng đường cho thấy Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ và Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ: vẫn còn lỗi các lỗi topology

- Kiểm tra dữ liệu dạng vùng cho thấy Hiện trạng sử dụng đất và Quy hoạch sử dụng đất vẫn còn lỗi hình học

- Kiểm tra dữ liệu dạng đường Hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ và Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ vẫn còn lỗi hình học

Kiểm tra chồng lán cho thấy 3 cụm công nghiệp quy hoạch bị chồng lán với rừng phòng hộ

Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ vẫn còn lỗi hình học

Kiểm tra chồng lấn cho thấy 3 cụm công nghiệp quy hoạch bị chồng lấn với rừng phòng hộ

2. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch (nếu có).

#### IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ Điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí hay không nhất trí thông qua quy hoạch: Nhất trí sau khi rà soát chỉnh sửa

3. Một số kiến nghị khác (nếu có).

Trên đây là ý kiến phản biện đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu.

**CHUYÊN GIA**

  
**TS. Lê Thị Minh Phương**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kính gửi: Hội đồng Thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tôi đã nhận được Văn bản số 6305/CV-HĐTĐ ký ngày 07 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng thẩm định về việc tham gia ý kiến phản biện đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Sau khi nghiên cứu báo cáo của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*hồ sơ quy hoạch bản mềm kèm theo*), tôi có một số ý kiến như sau:

**I. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ**

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tôi đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

**Danh mục hồ sơ**

1. Danh mục hồ sơ nhận được phù hợp với quy định tại Điều 31, Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ quy hoạch.

Các phần và nội dung các phần trong hồ sơ quy hoạch là tương đối đầy đủ, đảm bảo đủ dung lượng và chất lượng của hồ sơ.

3. Kết luận

Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

**II. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH**

1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại Điều 32, Luật Quy hoạch, cụ thể:

*a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt*

Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh cơ bản phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15 tháng 05 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên còn một số nội dung và bố cục trình bày nên được xem xét, bổ sung. Cụ thể là:

- Về bố cục:

+ Mục 3.2.5. Cách tiếp cận lập quy hoạch (trang 11) nên chuyển lên trước mục 3.2.4. Phương pháp lập quy hoạch.

+ Tại mục IV, trang 40 bổ sung *Các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế xã hội tỉnh đến phát triển kinh tế biển* cho phù hợp với các nội dung trong Chương II, mục 1.2.2.

+ Mục 1.1.4. *Huy động và sử dụng vốn đầu tư* (trang 56) có sự trùng lặp với mục 1.4.1. *Nguồn vốn đầu tư* trong mục 1.4. Khả năng huy động nguồn lực (trang 172).

- Về nội dung

+ Về phạm vi ranh giới lập quy hoạch tại mục 3.1.1 trang 8 của Báo cáo tổng hợp cần xem lại diện tích *Phần không gian biển ven bờ với tổng diện tích khoảng 1,453.44km<sup>2</sup>*.

+ Còn thiếu nội dung liên quan đến Bối cảnh quốc tế (đã có trong đề mục 3.2, trang 36).

**b) Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch**

Căn cứ hồ sơ, tài liệu trình thẩm định về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy trình lập quy hoạch phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm về tính chính xác trong hồ sơ trình thẩm định.

**c) Sự phù hợp của các nội dung quy hoạch**

Về cơ bản nội dung quy hoạch trong báo cáo phù hợp với nội dung được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Tuy nhiên, cần làm rõ hơn một số vấn đề sau:**

**\* Phần I: Mở đầu.**

- Mục II, trang 4 nên bổ thêm các căn cứ có tính chất quốc tế như: các Công ước quốc tế, Nghị định thư, Hiệp định, Hiệp ước... Bổ sung căn cứ Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh; Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022.

- Mục 2.4 Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế, kỹ thuật có liên quan (trang 8) cần ghi cụ thể tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức ... để đảm bảo đúng quy định và sự phù hợp với thực tiễn.

- Xem lại phạm vi ranh giới lập quy hoạch tại trang 9 với Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế. Xác định chính xác ranh giới hành chính của tỉnh (Giữa báo cáo và tờ trình chưa thống nhất).

- Phương pháp tiếp cận từ đánh giá tiềm năng đã có ở mục 3.2.5 vì vậy ở mục 3.2.4. Phương pháp lập quy hoạch nên bỏ. Cần rà soát và chuẩn hoá tên gọi của các phương pháp lập quy hoạch trong mục 3.2.4. (ví dụ Phương pháp làm việc tại bàn). Bổ sung thêm một số phương pháp quan trọng trong lập quy hoạch mà nội dung báo cáo có đề cập đến đó là *phương pháp dự báo; phương pháp phân tích SWOT* ...

- Xem xét bổ sung cách tiếp cận để đảm bảo thực hiện phát triển bền vững ví dụ cách tiếp cận hệ sinh thái.

**\* Phần II.**

**- Chương I:**

+ Cần kiểm tra và thống nhất diện tích tự nhiên của tỉnh trong toàn báo cáo; các số liệu thống kê cần chỉ rõ trong giai đoạn nào? Số liệu hiện trạng cần thống nhất đến thời điểm nào (năm 2020 hay 2021)? Các chỉ số xếp hạng (thứ 9, thứ 10) cần ghi rõ trên tổng số bao nhiêu? Bổ sung đầy đủ đơn vị tính vào các bảng số liệu, các hình.

+ Mục III. Bối cảnh quy hoạch (trang 34) bổ sung nội dung liên quan đến bối cảnh quốc tế.

+ Mục IV. Các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế xã hội nên rà soát thống nhất với các ngành kinh tế nêu tại mục 1.2, Chương 2, trang 58 (ví dụ như nên bổ sung nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế biển). Có thể bổ sung Các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến phát triển đô thị.

### **- Chương 2**

+ Rà soát mục 1.1.4. Huy động và sử dụng vốn đầu tư (trang 56) và mục 1.4.1. Nguồn vốn đầu tư (trang 172) để tránh sự trùng lặp.

+ Mục II. Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất (trang 188) cần bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển đô thị. Đây là nội dung rất quan trọng trong tiến trình phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Chưa thể hiện rõ được thực trạng và tiềm năng phát triển của các yếu tố đặc thù của tỉnh, ví dụ như trong nông nghiệp chưa thể hiện được sự phát triển các cây dược liệu (tỉnh Thừa Thiên - Huế có hơn 1.600 loài, chiếm hơn 30% tổng số loài cây thuốc của cả nước), hay văn hoá ẩm thực gắn với du lịch, dịch vụ cũng là một lợi thế để phát triển nông nghiệp dựa trên tiếp cận đánh giá tiềm năng.

+ Mục 2.3. Đánh giá về kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 (trang 198) mới thể hiện được kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 72/2018/NQ-CP mà chưa đánh giá được cả giai đoạn 2011-2020. Chưa phân tích được những ưu điểm, tồn tại và các nguyên nhân của các tồn tại trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước để rút kinh nghiệm cho kỳ quy hoạch tiếp theo.

+ Chương 2 (mục VII, trang 393) nên có bức tranh chung (có thể là tóm tắt) về việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan đã được phê duyệt trong thời kỳ quy hoạch trước. (Hiện báo cáo đang để ở phụ lục).

+ Mục VIII. Đánh giá chung (trang 394) mới thể hiện được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của tỉnh một cách rời rạc mà chưa xác định được các chiến lược phát triển (hay chiến lược phòng thủ) khi có sự tương tác, kết hợp của các yếu tố này với nhau.

### **- Chương 3**

+ Mục III. Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển (chương 3, trang 406). Ngoài các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển dân số, lao động và đô thị; kinh tế; tổ chức không gian lãnh thổ như đã trình bày báo cáo cần phải bổ sung kịch bản và lựa chọn phương án thích ứng với biến đổi khí hậu. Bởi vì theo quyết định 438/QĐ-TTg ngày

25 tháng 3 năm 2021 phê duyệt đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 trong đó đối với Thừa Thiên Huế có Thành phố Huế, Hương Trà, Hương Thủy nằm trong danh sách triển khai thực hiện đề án- vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH (trang 538 của báo cáo). Mục 8.2.5 (trang 401) của báo cáo cũng xác định phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu là một vấn đề của tỉnh cần phải giải quyết. Đồng thời trong chiến lược phát triển (trang 405) cũng có nêu quan điểm phát triển và mục tiêu phát triển của tỉnh (trang 406) là “thích ứng và bền vững”.

+ Hình 112. Bản đồ đánh giá tổng hợp tiềm năng đất và lựa chọn khu vực ưu tiên phát triển (trang 426) tên bản đồ và nội dung bản đồ không thống nhất.

+ Mục 5.2. Các khâu đột phá (trang 434) chưa thể hiện được rõ những “đột phá” của phương án quy hoạch tỉnh lần này so với trước đây, những “đột phá” so với các địa phương khác trong vùng. Các ngành, lĩnh vực, các vấn đề trọng tâm nào là “mũi nhọn” để thực hiện các “đột phá” cần được xem xét, phân tích và thể hiện rõ nét hơn.

#### **- Chương 4**

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng chưa thể hiện được tính đặc thù của tỉnh, đặc thù của giai đoạn phát triển và đặc thù của ngành. Do vậy chưa thể hiện được “sự quan trọng” của ngành đó như tiêu đề chương đặt ra.

+ Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của các ngành quan trọng cần thể hiện được sự khác biệt so với giai đoạn trước và sự khác biệt so với các tỉnh trong vùng.

+ Ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) có vai trò quan trọng và ý nghĩa đặc biệt trong quá trình phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. Do vậy cần định hướng phát triển một nền nông nghiệp đặc sắc, tinh hoa gắn với văn hoá ẩm thực để tạo nên nét đặc trưng vốn có của Huế. Đồng thời cần phát huy thế mạnh liên ngành khi gắn kết nông nghiệp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch lịch sử và du lịch cộng đồng.

+ Các tiêu đề mục 3.5.1 và 3.5.2 (trang 501, 502) xem xét sửa lại cho phù hợp với tên mục 3.5 và tiêu đề chương 4.

#### **- Chương 5**

+ Mục I. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh nên bổ sung các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh. Như vậy mới có cơ sở để xây dựng phương án phân bổ nguồn lực cho các hoạt động như trong mục 3.3.2 (trang 526).

+ Mục 1.1.1. Mạng lưới giao thông (trang 506) cần thể hiện rõ nét hơn sự kết nối quốc tế của giao thông đường bộ (với các cửa khẩu với Lào); giao thông đường thủy và đường hàng không.

+ Mục 2.1. Hạ tầng giao thông (trang 507) có nhiều thông tin trùng lặp với mục 1.1.1. Mạng lưới giao thông (trang 506).

#### **- Chương 6**

+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và hệ thống nông thôn chưa thể hiện được đặc trưng của tỉnh, chưa phát huy được lợi thế so sánh của tỉnh và chưa có những điểm nhấn quan trọng tạo nên sự khác biệt, bước đột phá.

+ Mục IV. Phương án phát triển các khu chức năng (trang 556) chưa thể hiện được đặc thù và thế mạnh của các khu chức năng này so với các khu vực khác trong tỉnh cũng như các khu chức năng khác của các tỉnh trong vùng. Ví dụ Phương án phát triển các khu kinh tế biển của tỉnh Thừa Thiên Huế có đặc trưng gì so với khu kinh tế biển của tỉnh Hà Tĩnh, thành phố Đà Nẵng?... Phương án phát triển khu Đại học Quốc gia Huế có gì khác biệt với Đại học Vinh tại Nghệ An hay Đại học Đà Nẵng? Những ngành nghề gì sẽ được ưu tiên đào tạo ở đây để phát huy lợi thế của đô thị di sản (mà khu vực khác không thể có được) cũng như tạo ra điểm nhấn, tính chất đặc trưng của khu chức năng này.

+ Trong phương án phát triển các khu du lịch: Mục 2. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch (trang 581), chưa thể hiện được các sản phẩm đặc trưng của một thành phố di sản; chưa tạo ra được điểm nhấn. Mục 3. Định hướng tổ chức không gian (trang 581) chưa thể hiện được tính liên kết vùng giữa các khu du lịch trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận. Mục 4. Định hướng phát triển các tuyến du lịch (trang 582): Tuyến du lịch quốc tế chưa thấy đề cập đến mặc dù mục tiêu tỉnh đặt ra là đến năm 2030 “Trở thành điểm đến mang tầm cỡ quốc tế”; có lợi thế giáp biên giới với Lào, có giao thông đường biển thuận lợi, có định hướng phát triển sân bay quốc tế và có lợi thế là đô thị di sản được UNESCO công nhận.

+ Hình 136. Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng (trang 600) chưa thể hiện được đầy đủ các nội dung của quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng như trình bày trong chương 6.

#### **- Chương 7 và Chương 8**

+ Phần này có nhiều nội dung nhỏ trong các mục trùng lặp với phần hiện trạng. Ví dụ mục 1.3. Các định hướng phát triển mạng lưới giao thông (trang 603) có nhiều thông tin trùng với Mục 2.1. Hạ tầng giao thông (trang 507) và mục 1.1.1. Mạng lưới giao thông (trang 506). Phần giải pháp cũng bị trùng lặp với mục II, chương 12 (trang 878)... Do vậy cần nghiên cứu cách trình bày cho khoa học và tránh trùng lặp.

+ Các phương án phát triển và các giải pháp đề xuất trong chương 7, chương 8 mang tính liệt kê là chính, chưa thể hiện được tính liên kết giữa các ngành, các lĩnh vực; tính liên kết giữa các khu vực và tính vĩ mô của quy hoạch tỉnh. Đặc biệt là chưa thể hiện được tính liên kết vùng với các địa phương khác và tính hệ thống trong chính thể quy hoạch quốc gia.

#### **- Chương 9**

+ Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch chưa thể hiện được sự liên kết chặt chẽ với kết quả giá tiềm năng đất đai (trang 188) và cách tiếp cận quy hoạch từ đánh giá tiềm năng (trang 11, 12).

+ Các định hướng sử dụng đất chủ yếu được tổng hợp một cách cơ học từ các Quyết định đã được phê duyệt của Chính phủ mà chưa có sự liên kết với các phân tích, đánh giá trong các nội dung của báo cáo quy hoạch tỉnh đã trình bày ở các phần trên; không có sự lý giải vì sao lại xây dựng định hướng sử dụng đất như vậy. Các định hướng sử dụng đất này cũng chưa thể hiện được sự “đột phá”, tính đặc thù của mỗi khu vực chức năng.

+ Các định hướng chưa thể hiện được rõ tính liên kết các khu chức năng trong tỉnh cũng như tính liên kết với các khu chức năng đó của các tỉnh khác trong vùng.

+ Bảng 171. (trang 730) cần ghi rõ nguồn số liệu được lấy từ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phần nhận xét sau bảng không phù hợp với nội dung bảng 171 vì số liệu trong cột *Diện tích cấp quốc gia phân bổ* đã được phê duyệt. Trong bảng 171, cột hiện trạng cần ghi rõ năm nào

+ Cần chỉ rõ tại sao diện tích cấp tỉnh xác định, bổ sung thấp hơn diện tích cấp quốc gia phân bổ đến năm 2030 là 8.374, trong khi đó, cấp tỉnh đã bổ sung tới 25.509 ha đất trồng cây lâu năm vào hạng mục này (bảng 172), tức là giảm 18.213 ha so với năm 2020. Phần giải thích trong trang 733 về vấn đề này chưa phù hợp.

+ Về đất định hướng sử dụng đất quốc phòng, an ninh cần tham khảo thêm dự thảo phương án quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và sẽ bổ sung sau khi phương án dự thảo này được phê duyệt.

#### **- Chương 10**

+ Phương án xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện cần thể hiện rõ nét hơn tính chất đặc trưng, sự khác biệt giữa các vùng. Đồng thời thể hiện được tính kết nối giữa các vùng trong tỉnh và tính liên kết vùng với các vùng liên huyện, vùng huyện của các tỉnh lân cận.

+ Các bảng số liệu trong chương 10 cần nghiên cứu thiết lập cho khoa học (có thể gộp bảng) và nên bổ sung tên bảng.

#### **- Chương 11**

##### **1. Phân vùng môi trường (Mục 1.2, Chương 11, Báo cáo Tổng hợp)**

- Phương án Phân vùng môi trường đã cơ bản tuân theo quy định, hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Tuy nhiên ở phần đầu cần chia rõ các mục để làm rõ: Quan điểm; Mục tiêu; và Tiêu chí phân vùng môi trường. Tại trang 779 mới trình bày rõ nội dung về Quan điểm và Mục tiêu của phân vùng môi trường, chưa trình bày rõ “Tiêu chí phân vùng môi trường” → Đề nghị bổ sung.

- Vùng hạn chế phát thải: Cần rà soát, bổ sung thêm các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường, cụ thể: khu dân cư tập trung; nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng;...

- Đề nghị Bổ sung thêm Bản đồ phân vùng môi trường (Đây là nội dung bắt buộc phải có trong Phương án Quy hoạch Bảo vệ môi trường theo Quy định của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

## 2. Nội dung về Bảo tồn Đa dạng sinh học (Mục 1.3, Chương 11, BC tổng hợp)

Theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (phương án bảo tồn) thuộc quy hoạch tỉnh bao gồm các nội dung cơ bản: (i) Đối tượng của phương án bảo tồn gồm khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng và cảnh quan sinh thái quan trọng; (ii) Nội dung phương án bảo tồn gồm mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh; Xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích của các đối tượng quy hoạch; Xác định mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các đối tượng quy hoạch

- Hiện nay trong báo cáo mới đề cập tới các đối tượng gồm: Khu bảo tồn thiên nhiên; hành lang đa dạng sinh học; khu vực đa dạng sinh học cao → Đề nghị rà soát bổ sung thêm các đối tượng còn thiếu như: Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng; và cảnh quan sinh thái quan trọng.

- Nội dung: Cần trình bày các nội dung bám sát vào hướng dẫn tại điểm (ii) cho từng đối tượng cụ thể. Hiện nay báo cáo đang viết chung cho tất cả các đối tượng.

- Bổ sung Bản đồ về bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh.

- Bổ sung nội dung về Bảo vệ đa dạng sinh học Biển

- Tại bảng 219 (Trang 805 đến 808) Đề nghị rà soát các chỉ tiêu đề ra cho khớp với các mục tiêu về Bảo vệ môi trường của quốc gia quy định trong “Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 và Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018, yêu cầu tại Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; vv...

+ Các chỉ tiêu cần rà soát kỹ: Chỉ tiêu (d): Không nên viết là “đối với các đô thị loại III trở lên” vì sẽ hiểu là đề cập đến đô thị loại III, II và loại I trong khi đó đối tượng đề cập ở đây là các đô thị từ loại III trở xuống (loại III, loại IV). Chỉ tiêu (v) – Huế không có đô thị Đặc biệt, chỉ có đô thị loại I nên đề mục tiêu chất lượng không khí AQI tương đương với đô thị đặc biệt (75 - 80%) là thấp do áp lực đối với môi trường không khí của Đô thị loại I thấp hơn so với đô thị đặc biệt → Yêu cầu tăng thêm tỷ lệ đối với chỉ tiêu này (Đặc biệt Huế là thành phố Du Lịch). Chỉ tiêu (w) xem lại mục tiêu đến năm 2050 tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp là “>10%” hay “<10%”. Theo định hướng chung của cả nước là giảm tỷ lệ CTRSH xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp, trong báo cáo mục tiêu đề ra tới năm 2030 tỷ lệ này của tỉnh là 10% và đến năm 2050 là > 10% như vậy có vẻ hơi ngược tỷ lệ đến năm 2050 phải là “<10%” mới hợp lý;

+ Nghiên cứu Bổ sung thêm các chỉ tiêu: tỷ lệ nước thải được thu gom, tái sử dụng, xử lý; tỷ lệ chất thải rắn được phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý; tỷ lệ quản lý

rác thải khu vực nông thôn;...để phù hợp với Chiến lược Quốc gia về Quản lý chất thải rắn và Chiến lược BVMT quốc gia như đã đề cập ở trên.

### **3. Nội dung về Phương án Quan trắc môi trường (Mục 1.5, Chương 11, Báo cáo Tổng hợp)**

- Nội dung này hiện nay trình bày chưa khoa học nên rối và khó nhận diện. Đề nghị tổ soạn thảo nên lập bảng hoặc chia theo từng thành phần môi trường cụ thể để xây dựng trong đó cần chỉ rõ: Hiện trạng; bổ sung giai đoạn 2030; và 2050.

- Bổ sung Bản đồ quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh

- Bổ sung thêm nội dung về quan trắc môi trường tự động: Chỉ rõ hiện nay đã có các điểm quan trắc tự động nào; đến năm 2030 và đến 2050 sẽ bổ sung, xây dựng thêm bao nhiêu trạm quan trắc tự động...

#### **\* Phương án khai thác và bảo vệ tài nguyên**

Theo quy định tại khoản 10 điều 28, Nghị định số 37/2019-Hướng dẫn Luật Quy Hoạch việc lập Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên cần làm rõ 2 vấn đề:

- Phân vùng khai thác, sử dụng tài nguyên (theo điểm a): Nội dung này trong báo cáo hiện trình bày còn sơ sài, mới đưa ra nguyên tắc phân vùng, chưa thực hiện tiến hành phân vùng cụ thể đề nghị xem xét bổ sung thêm.

- Xem xét làm rõ dự báo tác động môi trường và phương án bảo vệ môi trường từ các hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế, khi mà tỉnh được xác định là khu du lịch mang tầm cỡ quốc tế.

#### **- Chương 12**

+ Xem xét bổ sung giải pháp quản lý thực hiện quy hoạch tỉnh và giải pháp liên quan đến nâng cao ý thức và sự tham gia của cộng đồng trong thực hiện quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Mục 2.2. Các nguồn lực thực hiện quy hoạch (trang 890) cần thể hiện được rõ hơn nguồn nội lực của tỉnh và sự hỗ trợ từ bên ngoài.

+ Cũng cần xem xét đưa vào một số giải pháp có tính chất “đột phá”, khác biệt cho phù hợp với thời đại mới mà giai đoạn trước có thể chưa đưa vào được. Đồng thời các giải pháp phải cụ thể và rất đặc thù đối với tỉnh Thừa Thiên Huế và xác định các giải pháp ưu tiên để có thể thực hiện và có kết quả ngay.

#### **- Chương 13**

+ Phần dự báo các tác động ngoài việc xác định mức độ và thời gian của tác động như đã trình bày trong báo cáo, cần xem xét tính chất tích lũy của tác động (tác động tích lũy). Như vậy mới đưa ra được các giải pháp giải quyết phù hợp.

+ Xem xét khía cạnh văn hoá của các tác động. Vì đây là một đô thị di sản có tính chất văn hoá rất đặc thù của Việt Nam.

#### **\* Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế**

Hệ thống bản đồ, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đảm bảo yêu cầu theo quy định.

### III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bám sát Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế (Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), chủng loại sản phẩm đầy đủ.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch

3. Một số kiến nghị khác

+ Cần đẩy nhanh tiến độ. Thời gian hoàn thành quy hoạch chậm so với hạn định (Theo 646/QĐ-TTg đến ngày 15/5/2022 là hết hạn).

+ Bổ sung các từ viết tắt còn thiếu như LQH, TTH, XNK, MICE, DTTS, HLKT... và bổ sung nghĩa đầy đủ của các từ viết tắt tiếng Anh, ví dụ PCI, PPP, IMF, VAT ...

+ Rà soát số liệu thống nhất trong toàn báo cáo, dấu thập phân, phần phân tích bảng và số liệu trong bảng; bổ sung đơn vị tính đầy đủ trong bảng số liệu và hình; một số bảng cần trình bày lại cho khoa học, dễ hiểu.

+ Kiểm tra lại một số nhận xét, câu văn cho đảm bảo văn phong sáng sủa, logic, khoa học và đảm bảo tính pháp lý. Ví dụ như “*tỉnh Thừa Thiên Huế nằm giữa Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh*” (trang 1); “*cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại*” (trang 2),... Báo cáo còn có nhiều lỗi kỹ thuật đánh máy.

Trên đây là ý kiến của Ủy viên phản biện đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét nghiệm thu và cho phép cơ quan lập quy hoạch lập hồ sơ trình duyệt sau khi tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định./.

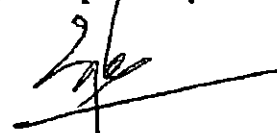
Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2023

Ủy viên phản biện



GS.TS. Nguyễn Thị Lan  
Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam

**Ý kiến phản biện “Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”**

**GS.TS.KTS. Hoàng Đạo Kính**

**1. Cần tiếp cận sát và sâu hơn nhằm nhận biết và đánh giá những mặt hạn chế để xây dựng Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế đảm bảo tính khả thi:**

- Những xuất phát điểm thấp: Quy mô kinh tế khoảng 2,47 tỉ USD, xếp thứ 45; GRDP/người khoảng 2.083 USD, xếp thứ 42; thu nhập bình quân đầu người 1654 USD so với cả nước 2197 USD. Tốc độ tăng trưởng trung bình 6,2% năm, xếp thứ 41 cả nước (số liệu năm 2020).

Xếp thứ 45, 42 và 41.

- Thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước yếu. Có rất ít đầu tư từ 2 nguồn trên, thậm chí đầu tư rồi bỏ cuộc. Nguồn đầu tư tại chỗ đa phần quy mô nhỏ.

- Đầu tư về bất động sản đặc biệt yếu. Nguồn đầu tư từ Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, từ nước ngoài rất hạn chế. Điều đó chứng tỏ sức hút về kinh doanh sinh lời của Thừa Thiên – Huế kém. Trong những năm qua nhiều nhà đầu tư bất động sản đã rút đi.

- Hai thế mạnh của tỉnh là di sản văn hóa và tài nguyên cảnh quan thiên nhiên khai thác hạn chế.

Nguồn thu nhập nhờ tham quan – du lịch là bán vé vào cửa. Khách đến Huế chỉ để tham quan, lưu lại ngắn, chi tiêu ít. Khách nội địa chưa coi du lịch Huế là ưu tiên, dành ưu tiên cho Đà Nẵng và Hội An.

- Các vùng đất đặc sắc về phong cảnh và nghỉ dưỡng như đầm phá Tam Giang, cửa Thuận An, vịnh Lăng Cô, Bạch Mã v.v... được khai thác ít, thậm chí không được đầu tư. Hầu hết ở dạng tiềm năng. Thử so Bạch Mã với Bà Nà. Rõ ràng Bạch Mã có lợi thế hơn hẳn, ấy thế mà Bà Nà lâu nay đã có sức hút ghê gớm đối với du khách trong cả nước.

- Thế mạnh tiềm tàng của Huế ở y tế chuyên sâu, đào tạo cùng khoa học và công nghệ. 3 mặt này có bước phát triển đáng kể, song chưa nổi trội.

- Có một hiện tượng mang tính hội chứng dai dẳng: người Huế thành đạt và người Huế nói chung, khi có điều kiện, là đi khỏi Huế, tìm nơi khác để làm ăn và thành đạt. Người thành đạt tại chỗ ít dần. Người từ vùng ven cũng ít tìm về thành phố. Khác với nhiều tỉnh thành, Huế tăng dân số chậm. Có vấn đề về sức hút. Chính đó là cơ sở hệ trọng cho những bài tính chiến lược.

- Thành phố Huế cải tạo và mở mang đô thị tương đối nhanh, song đang tạo ra những thách thức và nguy cơ tan vỡ của cơ ngơi **đô thị - di sản** duy nhất ở nước ta, một nguồn nội lực cho tính toán phát triển.

Những công trình kiến trúc cao và to quá cỡ, những đại lộ quá khổ và xa lạ...rời công viên nước bỏ hoang, v.v... nói lên sự thiếu cân nhắc nào đó đối với chốn đô thị này.

- Có lẽ cần có sự nghiên cứu, thấu hiểu thật sâu và thật chuyên biệt xứ Huế, văn hóa thị thành chốn kinh đô, người Huế với lối nghĩ – lối sống – lối hành động khá khác biệt, để tìm kiếm ra động lực và chất xúc tác cho biến đổi và phát triển. Chỉ chiếm ngót 1/6 dân cư toàn tỉnh, song Huế đang và sẽ là lợi thế và sức mạnh nội tâm cho cả tỉnh.

- Trong mấy chục năm qua, chúng ta có vẻ như chưa làm cho một vùng đất, một huyện nào đó của Thừa Thiên – Huế nổi trội lên, nổi danh và tỏa sáng lên, để cùng với Huế tạo nên cơ sở tính đến việc mở rộng nó ra cả tỉnh. Diện tích lãnh thổ tỉnh đa phần vẫn nằm trong địa hạt vùng sâu vùng xa, xóa đói giảm nghèo.

- Đã có những năm, ngoài bia Huda, người ta đã nói tới công nghiệp chế biến hải sản và dệt may, ... Công nghiệp và kinh tế nói chung, có vị trí nào bên cạnh kinh tế du lịch – dịch vụ? Người viết bài này không hẳn tin vào việc du lịch – dịch vụ sẽ đóng vai trò chủ chốt trong sự phát triển toàn diện của Thừa Thiên Huế.

## **2. Cần căn cứ hóa một số vấn đề trong “Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế...”**

- Nhóm tác giả “Quy hoạch...” dựa vào và nền tảng hóa Nghị quyết số 54 – NQ/TW ngày 10/12/2019 là một việc cần thiết. Tuy vậy, trong việc thực hiện một công trình đồ sộ và cơ bản như “Quy hoạch phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, nên và cần đưa ra những nghiên cứu và những đề xuất mới, bổ sung cho văn kiện ban hành cách nay vài năm mang tính định hướng, chứ chưa hẳn là Quy hoạch do cả một tập thể các cơ quan chuyên môn và các chuyên gia soạn thảo. Các đơn vị lập Quy hoạch đã dẫn văn kiện này hàng chục lần, trong nhiều trường hợp, mà thiếu sự phân tích, chia nhỏ từng phần. Xây dựng Quy hoạch – chiến lược phát triển dài hạn hay là sự minh họa một văn bản mang tính định hướng?

- Việc xây dựng một Quy hoạch mang tính chiến lược, vĩ mô, tới năm 2025 hoặc 2030, liệu có mang tính khả thi không? Từ khi Trung ương ra Nghị quyết, đã 4 năm trôi qua. Hai năm nữa thôi, liệu có kịp làm gì cho thời hạn 2 năm hoặc 7 năm? Chiến lược phát triển và những chỉ tiêu tham vọng ít khả thi đối với những giới hạn ngắn ngủi này. Phù hợp hơn cho giai đoạn 2050.

- Nên cân nhắc hơn nữa mốc thời gian **2025** để Thừa Thiên – Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Diện tích gần 5000km<sup>2</sup>, dân số ngót 1,5 triệu người, 9 đơn vị hành chính cấp huyện. Các cơ sở tính toán: văn hóa, du lịch, y tế chuyên sâu, trung tâm lớn về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa

ngành, đa lĩnh vực, thành phố festival, - hướng tới một trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á... có lẽ chưa hẳn chưa đủ sức thuyết phục.

Ít thấy nhắc tới yếu tố kinh tế - công nghiệp tạo ra động lực quyết định cho sự phát triển một vùng đất, một địa phương.

- Đã có sự kiểm đếm, phân tích, đánh giá về mọi phương diện những thành tố được coi là cơ sở cho bài toán chiến lược phát triển, như văn hóa – du lịch, y tế, đào tạo, khoa học công nghệ cao v.v...? Có lẽ đưa những yếu tố này vào bài toán kinh tế hoàn toàn không dễ.

- Quy hoạch đặt ra 5 vấn đề cần giải quyết trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, song không đặt ra nhiệm vụ quan trọng hơn nhiều, - **Hoạch định chiến lược phát triển** cho thời gian ấn định.

- Cần thận trọng khi đề cập tới vấn đề **làm kinh tế bằng di sản văn hóa**. Đối với mọi di sản văn hóa, mục đích đặt ra là Bảo tồn - Phát huy giá trị - Thu nhập từ di tích. Không thể và không nên do thực dụng thuần túy mà đặt ra vấn đề làm kinh tế bằng di tích. Di tích của cha ông để lại cần giữ lấy, chứ không phải để vắt chanh, vắt sữa. Thu nhập từ phát huy di tích trước tiên dành cho việc duy trì nó, sau đó mới là đóng góp cho ngân sách địa phương. Di sản văn hóa vật thể của Huế trước tiên là di sản văn hóa cung đình, còn lại hầu như duy nhất ở nước ta, cần được phát huy một cách cẩn trọng và phù hợp. Có lẽ phục vụ mục đích tham quan – nghiên cứu là chính. Thu nhập chủ yếu là vé ra vào. Các thành tố khác góp phần cấu thành **đô thị - di sản Huế** như nền văn hóa thị thành chôn kinh đô cùng xứ Huế, tài nguyên kiến trúc đô thị và cảnh quan là những yếu tố cấu thành tài nguyên – sản phẩm du lịch của thành phố.

- Ở Thừa Thiên Huế không có hệ thống đô thị di sản, mà chỉ có **một đô thị di sản (heritage city) là Huế** mà thôi. Không thể sử dụng khái niệm “đô thị di sản tương lai”. Đã là di sản, phải thuộc quá khứ. Tương lai quyết định cái gì hôm nay tạo ra là Di sản.

- Cần xem xét kỹ lưỡng những hướng phát triển và khai thác các tài nguyên danh lam thắng cảnh, thành tố thứ hai sau di sản văn hóa lịch sử. Nguồn đầu tư nào? Lý do gì trước nay không có hoặc ít có? Quan trọng hơn, khác biệt gì so với Đà Nẵng?

- Làm thế nào khắc phục tình trạng **Huế tham quan** trở thành **Huế - địa chỉ nghỉ dưỡng và khám phá**.

- Cần làm rõ những cơ sở nào cho phép biến Huế thành thành phố Festival. Tổ chức các hoạt động thường xuyên từ văn hóa Huế, vốn đậm – đặc – sâu – khép – tinh túy, là việc không dễ. Làm sao tạo ra sức thu hút?

- Cần hết sức cẩn trọng khi vận dụng cụm từ “công nghiệp văn hóa” với Huế.

**3. Tôi băn khoăn sâu sắc về chủ trương đưa tỉnh Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương:**

- Nhằm tăng vị trí hành chính?
- Nhằm thu hút đầu tư từ trung ương?
- Có tiền mẫu nào không để thành lập một thành phố rộng ngót 5000km<sup>2</sup>, với dân số chưa đến 1,5 triệu người, từ một thành phố Huế hạt nhân rộng vài trăm km<sup>2</sup> (theo quyết định mới đây) đang vẫn thiếu động lực phát triển? Làm sao mà có thể trong vài ba chục năm đạt được độ đô thị hóa 70%, khi chỉ quy hoạch được thêm 2 thị xã, khi động lực phát triển chưa xác định rõ? Đô thị hóa cao độ và không tương như vậy, vì mục đích gì? Có phải chỉ đô thị hóa mới là phát triển? 30% lãnh thổ còn lại là ruộng đồng và rừng?
- Quy hoạch Thừa Thiên Huế phải góp phần làm được việc **hoạch định con đường phát triển và thịnh vượng duy nhất phù hợp cho nó**. Đây là cách mở đường cho nó phát triển trong cạnh tranh.
- E rằng, tới đây sẽ xuất hiện thành phố từ tỉnh Bắc Ninh, thành phố Lâm Đồng, thành phố Khánh Hòa...vv...
- E ngại khác, có thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc TW, ta sẽ **xóa đi cái tên “Huế”** trong bộ nhớ, trong tình thương và quyền luyện của các thế hệ người Việt Nam, xóa bỏ đi một **đô thị thương hiệu** mà mọi đô thị thềm mong có ./.

*Tháng 9 năm 2023*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

*Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Chuyên gia phản biện đã nhận được Hồ sơ thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh (Số: 6305/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023).

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh/thành phố trực thuộc TW về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh/thành phố trực thuộc TW thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch, tôi xin có một số ý kiến phản biện đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế như sau:

**I. HỒ SƠ QUY HOẠCH**

(1) Tờ trình số 3191 TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế về việc đề nghị Thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(2) Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(3) Báo cáo Tóm tắt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(4) Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(5) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(6) Bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan.

(7) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về Quy hoạch.

(8) Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(9) Hệ thống sơ đồ, bản đồ & Cơ sở dữ liệu (USB) về quy hoạch tỉnh Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(10) Công văn số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế về việc thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH**

**1. Danh mục hồ sơ:** Bộ hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đáp ứng quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

**2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ Quy hoạch.**

- Hình thức các báo cáo quy hoạch (đầy đủ và tóm tắt) và các báo cáo/tài liệu đi kèm được trình bày đẹp, dễ theo dõi và đúng quy định hướng dẫn;

- Bộ hồ sơ quy hoạch có nội dung phù hợp với quy định hiện hành, các thông tin trong các báo cáo được chọn lọc và đủ độ tin cậy;

- Các vấn đề được mô tả ngắn gọn, có phân tích, đánh giá bám sát vào yêu cầu của quy hoạch;

- Báo cáo quy hoạch tỉnh cơ bản đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cần phải có trong một bản quy hoạch. Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong Báo cáo Quy hoạch tỉnh tương đối đầy đủ; các tài liệu, số liệu dẫn chứng về vùng, từ nguồn thống kê, đáng tin cậy... làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng phát triển và các giải pháp thực hiện trong thời kỳ quy hoạch.

- Đã được đánh giá môi trường chiến lược.

**3. Kết luận:** đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## **III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH**

**1. Về phân tích đánh giá các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh**

Báo cáo đã nêu khá chi tiết các yếu tố tự nhiên, kinh tế, văn hóa, dân cư, xã hội của tỉnh; phân tích rõ các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của tỉnh và các mặt tồn tại, hạn chế (điểm nghẽn) cần giải quyết. Mục này trình bày khá tốt và bài bản.

**2. Về phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế- xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn**

Những phân tích kinh tế vĩ mô, các ngành kinh tế chủ yếu, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, dân cư, dân tộc, sử dụng đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển đô thị và nông thôn, hạ tầng kỹ thuật... được phân tích đầy đủ nội dung, các bảng biểu số liệu rõ ràng, có hệ thống và được đánh giá tổng hợp súc tích; phản ánh rõ tình hình phát triển mọi mặt của tỉnh hiện nay.

### **3. Về các quan điểm phát triển**

Báo cáo nêu 5 quan điểm về các mặt theo đúng hướng dẫn về lập quy hoạch, nội dung sát hợp với thực tế. Tuy vậy, phần giải thích tại sao lại xác định nội dung các quan điểm chưa thực sự sâu sắc.

### **4. Về mục tiêu tổng quát đến 2030 và tầm nhìn đến 2050**

Mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể được xác định khá rõ và có tính đột phá: Thừa Thiên – Huế là thành phố trực thuộc trung ương và là đô thị di sản đặc trưng của Việt Nam. Chúng tôi đồng tình với mục tiêu phấn đấu này.

**5. Các chỉ tiêu phát triển:** đầy đủ các nội dung và có phân tích các lý do cho kịch bản chọn với mức tăng trưởng GRDP 9-10%/năm cho cả giai đoạn 2021-2030; GRDP/người đến năm 2030 đạt 6.000 - 7.000 USD. Về cơ bản, chúng tôi đồng ý với các lập luận mà báo cáo đã phân tích.

### **7. Về các đột phá**

Báo cáo nêu 5 đột phá, mỗi đột phá lại nêu nhiều nội dung. Với một tỉnh có lẽ như vậy là dàn trải. Các đột phá nêu ra chưa có luận chứng kỹ tại sao lại lựa chọn như vậy?

### **8. Về phương án phát triển các ngành, lĩnh vực và mô hình phát triển**

Đã đầy đủ nội dung theo hướng dẫn của Luật Quy hoạch & Nghị định 37.

### **9. Phương án tổ chức không gian hoạt động kinh tế- xã hội**

Cơ bản đáp ứng yêu cầu được xác định trong Luật Quy hoạch & Nghị định 37.

### **10. Về danh mục dự án và thứ tự ưu tiên**

Đã phân tích đầy đủ các nguyên tắc xác định dự án ưu tiên đầu tư và có danh sách kèm theo. Đạt yêu cầu.

### **11. Các giải pháp để thực hiện thực hiện quy hoạch**

Báo cáo nêu 6 giải pháp:

(1) Giải pháp về huy động vốn đầu tư: trong phân tích, nên phân tích rõ hơn ý về nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

(2) Giải pháp về phát triển nguồn lực đất đai.

(3) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

(4) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

(5) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

(6) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Trong phần này có nêu nội dung về giải pháp môi trường, KHCN. Có lẽ nên nêu thành mục riêng.

Về cơ bản các giải pháp đúng theo mẫu quy định, nội dung phân tích tốt, phản ánh sát nhu cầu thực tiễn.

## **12. Về Dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Cơ bản đồng ý như dự thảo.

### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có nội dung khá tốt, đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch.

Trên đây là ý kiến phản biện đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên – Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

**Người góp ý phản biện**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*



**PGS TS Bùi Tất Thắng**

Số: 1544 /UBND-KHTC

*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

V/v ý kiến thẩm định đối với quy  
hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ  
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
(Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh)

Ủy ban Dân tộc đã nhận văn bản số 6302/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đề nghị có ý kiến nhận xét đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về ban hành Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban Dân tộc có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

### **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

1. Hồ sơ quy hoạch, bao gồm: Tờ trình về thẩm định Quy hoạch; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch; Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch và các tài liệu liên quan

2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm: Báo cáo tiếp thu, giải trình chỉnh sửa ý kiến góp ý Quy hoạch và các tài liệu khác có liên quan.

### **II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Sau khi nhận được hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, Ủy ban Dân tộc đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:

1. Danh mục hồ sơ: đã bảo đảm đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ quy hoạch (nếu có): Nội dung hồ sơ quy hoạch trình thẩm định của tỉnh Thừa Thiên Huế đã cơ bản đầy đủ, đáp ứng theo đúng quy định tại Điều 27 Luật Quy

hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

3. Kết luận: Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

### III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung Quy hoạch theo quy định tại các Điều 12,13 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định:

- Hồ sơ quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã cơ bản phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 10/7/2020.

- Việc lập quy hoạch đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh đã được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Quy hoạch.

- Việc đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 6289/KH-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định theo chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc:

- Tại Mục II, Phần I: mở đầu Báo cáo tổng hợp, “Căn cứ lập quy hoạch” (tr4): đề nghị bổ sung Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 ngày 18/11/2019 và Nghị quyết số 10/NQ-CP của Chính phủ về Ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ngày 28/01/2022.

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xây dựng phương án phát triển vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn và xác định rõ khu vực có vai trò động lực theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017. Tuy nhiên, tại Khoản 4.9, Mục IV, Chương 6, Phần II, “Phương án phát triển khu vực đặc biệt khó khăn” (tr598): thiếu những mục tiêu theo từng giai đoạn (đặc biệt là mục tiêu xóa đói giảm nghèo) đề nghị đổi tên thành “Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn” theo tinh thần Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và bổ sung mục tiêu phát triển cụ thể từng giai đoạn theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 10/NQ-CP

ngày 28/1/2022 của Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tại Mục I, Chương 12, Phần II, “Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện” (tr 864): đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.

- Đề nghị bổ sung “Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn” vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch.

### 3. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có):

Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 10/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí thông qua quy hoạch sau khi đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc đối với quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (02).

**TL. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH TÀI - CHÍNH**



*ual*  
Nguyễn Mạnh Huân

**GS. Trần Thục**  
**CHUYÊN GIA**  
**PHẢN BIỆN ĐỘC LẬP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v ý kiến phản biện đối với đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

*Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Chuyên gia phản biện, đã nhận văn bản số 6304/CV-HĐTĐ ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh) đề nghị có ý kiến phản biện đối với đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về bảo vệ môi trường và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế, (Chuyên gia/ Đơn vị phản biện) có ý kiến phản biện đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế như sau:

## **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

### **1. Hồ sơ Quy hoạch, bao gồm:**

- Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên - Huế về việc đề nghị thẩm định quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Báo cáo Tóm tắt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Dự thảo Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan.
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công văn số 7321/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế về việc thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm: Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu (USB) về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH**

Sau khi nhận được hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế; qua xem xét, Chuyên gia đánh giá về hồ sơ như sau:

**1. Danh mục hồ sơ:** Nhận xét về tính hợp lệ của hồ sơ quy hoạch (*theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định*).

- Hồ sơ trình thẩm định là đầy đủ và hợp lệ.

**2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch.**

- Về hình thức: Báo cáo trình bày tương đối sạch đẹp, rõ ràng.

- Trong hồ sơ có cả Báo cáo tóm tắt của báo cáo ĐMC. Đây là điểm đáng được ghi nhận.

- Về nội dung: Báo cáo đã thể hiện tương đối đầy đủ các nội dung của một báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược được quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**3. Kết luận:** Đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.

## **III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC**

1. Nhận xét về nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch quy hoạch theo quy định tại Điều 15 Mục II, Chương II Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360 /QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Các nội dung chính của Báo cáo bao gồm:

1) Đánh giá sự phù hợp giữa quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường.

2) Các vấn đề môi trường chính.

3) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch.

4) Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch.

5) Mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo.

6) Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

Báo cáo cũng đã đưa ra ý kiến tham vấn của các bên liên quan và đề xuất Chương trình quản lý, giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Nội dung của Báo cáo đáp ứng các yêu cầu của một báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh.

## **2. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có)**

### **Về hình thức:**

- Nên xem lại trang bìa cho thống nhất với các báo cáo ĐMC khác: Cơ quan lập quy hoạch thường được đặt ở bên trái và Đơn vị tư vấn lập quy hoạch được đặt ở bên phải:

- Cần rà soát và trích dẫn nguồn tài liệu cho đầy đủ hơn.

- Sửa chữa các lỗi chính tả và in ấn.

### **Phần mở đầu:**

- Đã có sự nhầm lẫn giữa Cơ sở pháp lý và Cơ sở pháp luật của nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch. Vì thế trong mục Cơ sở pháp lý đã trình bày "*Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh*" và trong mục Cơ sở pháp luật đã trình bày "*Các văn bản pháp lý quan trọng liên quan trực tiếp đến các nội dung mà ĐMC...*", các nội dung của 2 mục trùng lặp nhau khá nhiều. Theo yêu cầu thì trong Cơ sở pháp lý, chỉ cần trình bày các văn bản giao thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch và ĐMC.

- Nên theo đúng hướng dẫn của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Cần có mục 2.3. *Tài liệu, dữ liệu cho thực hiện ĐMC: - Liệt kê các tài liệu, dữ liệu sẵn có đã được sử dụng cho ĐMC. - Liệt kê các tài liệu, dữ liệu được thu thập bổ sung trong quá trình thực hiện ĐMC. - Liệt kê các tài liệu, dữ liệu tự tạo lập bởi cơ quan lập Quy hoạch, của đơn vị tư vấn về ĐMC (từ các hoạt động điều tra, khảo sát, tham vấn...).*

Nên xem lại mục 0.4.4. *Các nội dung chính của đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh, Nội dung 7: Đánh giá, dự báo xu hướng tác động của BĐKH trong trường hợp thực hiện và không thực hiện Quy hoạch.*

Thông tư 02 chỉ yêu cầu "*Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với Quy hoạch.*". Vì tác động của BĐKH đối với trường hợp

“không thực hiện” hay “thực hiện” là không khác nhau. Điều cần đánh giá là tác động của BĐKH đến các thành phần của quy hoạch.

Tuy nhiên, cần đánh giá tác động của quy hoạch đến BĐKH bằng cách so sánh lượng phát thải khí nhà kính trong trường hợp “không thực hiện” và “thực hiện” quy hoạch. Từ đó nhận định rằng quy hoạch có làm tăng hay giảm phát thải khí nhà kính.

### **Chương 1: Tóm tắt nội dung quy hoạch**

- Yêu cầu của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đối với mục 1.4 là **“Liệt kê các nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường.”**

Vì thế, Chương 1 không chỉ đơn thuần là tóm tắt, lặp lại nội dung của Quy hoạch mà, bằng kiến thức của chuyên gia, nhận định sơ bộ những nội dung nào của Quy hoạch có thể làm ảnh hưởng **tiêu cực và tích cực** đến môi trường để làm tiền đề cho đánh giá về **“thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch”** trong mục 2.2.

### **Chương 2: Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên - Huế có khả năng bị tác động do quy hoạch**

Mục đích của Chương 2 là nhận định những thành phần môi trường và di sản thiên nhiên nào **“có khả năng bị tác động bởi quy hoạch”**.

1) Mục 2.2. là mục rất quan trọng của Chương 2 **“Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch”**.

*Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã hướng dẫn rất cụ thể như sau:*

2) Tiêu đề của mục 2.2. là **“Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch”**.

*Với nội dung là: “Mô tả tổng quát hiện trạng, diễn biến chất lượng từng thành phần môi trường có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch bao gồm: đất, nước (nước mặt, nước dưới đất, nước biển), không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác (nếu có).*

*Lưu ý: - Nội dung trình bày về thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội chỉ tập trung vào đối tượng có khả năng chịu tác động bởi việc thực hiện Quy hoạch. - Số liệu phải có chuỗi thời gian ít nhất là năm (05) năm tính đến thời điểm thực hiện đánh giá môi trường chiến lược. - Thông tin, số liệu phải được chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu sẵn có (tham khảo) và kết quả từ các hoạt động điều tra, khảo sát, tham vấn được thực hiện trong quá trình đánh giá môi trường chiến lược.”*

Báo cáo đã đổi tên của mục 2.2. này thành **“Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội”**, hoàn toàn khác với yêu cầu của Thông tư 02 là **“Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch”**, **bỏ hẳn nội dung “có khả năng bị tác động bởi quy hoạch”**, vì thế nội dung bên trong mục 2.2 đã không nhận dạng được có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

3) Báo cáo đã trình bày khá chi tiết Điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của Tỉnh. Phần này là khá dài (60 trang, từ trang 89 đến trang 148), tuy nhiên chưa nhận dạng được “*có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch*”.

Vì thế, ở cuối Chương 2 cần có mục tiêu kết của chương để nhận định trong số các thành phần môi trường thì thành phần nào có khả năng bị tác động (*tiêu cực và tích cực*) bởi quy hoạch.

### **Chương 3: Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường**

1) Trong mục 3.2 về “Các vấn đề môi trường chính”, Báo cáo đã xác định 6 vấn đề chính *có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch* và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, bao gồm:

- Gia tăng phát sinh chất thải gây suy thoái/ô nhiễm môi trường;
- Tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt và sạt lở bờ sông, bờ biển; lũ quét và trượt lở đất ở miền núi;
- Trữ lượng và chất lượng nước;
- Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH;
- Các vấn đề về xã hội (giải tỏa và đền bù, di dời, tái định cư,...);
- Các vấn đề liên quan đến di sản, di tích.

- Việc chọn lựa các vấn đề môi trường chính cần bám theo các trụ cột của Quy hoạch, được xác định là: “*Các trụ cột chính của nền kinh tế bao gồm: (i) Du lịch gắn với bất động sản nghỉ dưỡng và kinh tế đô thị di sản và công nghiệp văn hoá; (ii) Kinh tế tri thức với 02 mũi nhọn: công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị thông minh, sáng tạo, khởi nghiệp và công nghiệp CNTT, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; (iii) Trung tâm dịch vụ chất lượng cao với 02 mũi nhọn: giáo dục, đào tạo và y tế chuyên sâu; cảng biển, cảng hàng không gắn với dịch vụ logistics;*”

- Hơn nữa, trong chọn lựa các vấn đề môi trường chính cần trả lời câu hỏi rằng *có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch* hay không. Thí dụ, cần trả lời câu hỏi Quy hoạch có khả năng tác động đến vấn đề số 2 về “*Tai biến thiên nhiên không*”?

2) Mục 3.3. về Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án 0):

- Thông tư 02 yêu cầu: “*Nêu rõ kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của Quy hoạch, trong đó các vấn đề môi trường chính được đánh số thứ tự và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, thống nhất ở các phần tiếp theo của báo cáo ĐMC.*”.

Tuy nhiên, trong phần đánh giá theo Phương án “không”, yếu tố số 2 về “*Tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt và sạt lở bờ sông, bờ biển; lũ quét và trượt lở đất ở miền núi;*” đã không được đề cập? Điều này cho thấy Yếu tố môi trường số 2 được chọn là không phù hợp.

4) Mục 3.4. về Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch:

- Trong mục 3.4.1 về Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch: Tương tự như trong Phương án “Không”, báo cáo đã không đề cập đến yếu tố số 2 về “*Tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt và sạt lở bờ sông, bờ biển; lũ quét và trượt lở đất ở miền núi;*” đã không được đề cập? Điều này một lần nữa cho thấy Yếu tố môi trường số 2 được chọn là không phù hợp.

- Thông tư 02 yêu cầu: “*Tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện Quy hoạch.*”. Câu hỏi là “*xu hướng tích cực và tiêu cực*” là so sánh với trường hợp nào? Do đó, cần so sánh kết quả phân tích của 2 phương án (Phương án “0” và Phương án thực hiện Quy hoạch) để nhận định được rằng việc thực hiện quy hoạch sẽ làm gia tăng hay giảm bớt tác động đến các yếu tố môi trường chính.

Trong mục 3.4.2.2. về Tổng hợp xu hướng về các vấn đề môi trường chính, Báo cáo đã có so sánh giữa 2 phương án, nhưng chỉ đề cập đến các Yếu tố môi trường số 1, 3, 4, 5, 6. Lại một lần nữa cho thấy Yếu tố môi trường số 2 đã được chọn chưa đúng.

- Trong mục 3.4.2 (Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại):

+ Cần chú ý là mục 3.4.2 có 2 nội dung riêng biệt, đó là:

a) *Xác định tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu*: Mục đích là đánh giá liệu Quy hoạch có làm trầm trọng thêm vấn đề biến đổi khí hậu hay không, hay nói cách khác là có làm gia tăng/giảm phát thải khí nhà kính so với trường hợp không thực hiện quy hoạch hay không?

b) *Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với Quy hoạch*: Mục đích là dựa vào kịch bản biến đổi khí hậu để đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các thành phần của Quy hoạch. Cần lưu ý là tác động của biến đổi khí hậu đến các thành phần của quy hoạch, chứ không phải tác động đến tỉnh Thừa Thiên - Huế nói chung.

- Báo cáo đã đánh giá tiềm năng phát thải khí nhà kính từ các hoạt động của Quy hoạch. Tuy nhiên, cần so sánh lượng phát thải khí nhà kính trong Phương án “0” và trong phương án “Thực hiện quy hoạch” để có thể nhận định được rằng việc thực hiện Quy hoạch sẽ làm gia tăng hay giảm bớt phát thải khí nhà kính, tăng hay giảm ở khâu nào, để có kiến nghị phù hợp.

- Trong mục 3.4.3.2. Báo cáo đã chưa hiểu đúng Thông tư 02 cho nên đã đổi tên của tiêu mục thành “*Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến phương án “Thực hiện Quy hoạch*”. Cần sửa lại cho chính xác là *Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đến quy hoạch*, và nội dung của mục này phải là dựa vào kịch bản biến đổi khí hậu để đánh giá tác động của biến đổi khí hậu

đến các thành phần của Quy hoạch. Đặc biệt chú trọng đến các thành phần về phát triển công nghiệp, đô thị, cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ.

+ Thừa Thiên - Huế là tỉnh ven biển, chịu nhiều tác động của thiên tai có nguồn gốc từ biển. Vì thế, trong phần tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu cần xét đến vấn đề gia tăng bão mạnh, nước dâng do bão... Có thể tham khảo các thông tin sau:

Nguy cơ gia tăng về gió mạnh trong bão, nước dâng do bão ven biển tỉnh Thừa Thiên - Huế

Cấp gió mạnh nhất đã ghi nhận	Nguy cơ cấp gió mạnh nhất	Biên độ triều lớn nhất (m)	NDDB cao nhất đã xảy ra (m)	NDDB cao nhất có thể xảy ra (m)	Mức nước tổng cộng trong bão có thể xảy ra (m)
14, giạt 15-16	15-16, giạt trên 17	0,5 - 1,2	3,9	4,2	4,7 - 5,4

*Ghi chú: NDB = Nước dâng do bão*

*Nguồn: QĐ số 2901/QĐ-BTNMT, ngày 16 tháng 12 năm 2016 về việc công bố kết quả cập nhật phân vùng bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ.*

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, vì thế, cần có kiến nghị các giải pháp nhằm giảm tác động đối với các thành phần quan trọng và mang tính lâu bền của quy hoạch, đặc biệt là các biện pháp thích ứng đối với các khu công nghiệp, các công trình vĩnh cửu được quy hoạch trong các khu vực địa hình thấp ven biển, dễ bị ngập sâu do nước dâng do bão và nước biển dâng do biến đổi khí hậu.

#### **Chương 4: Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính**

- Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT “*Đề ra các giải pháp nhằm duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện Quy hoạch.*”. Vì thế, các giải cần cụ thể để giải quyết vấn đề “*do việc thực hiện Quy hoạch*”.

- Cần có giải pháp cụ thể cho việc thực hiện tích hợp biến đổi khí hậu vào đánh giá môi trường chiến lược một cách đầy đủ hơn: (i) Xác định các vấn đề chính, những xung đột do biến đổi khí hậu trong tương lai; (ii) Đề xuất các phương án ứng phó với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, tích hợp các biện pháp giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Quy hoạch; (iii) Đánh giá ảnh hưởng của quy hoạch đến phát thải khí nhà kính và tính dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu.

### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế đủ Điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.

2. Nhất trí thông qua nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch sau khi đơn vị lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến của Hội đồng.

3. Một số kiến nghị khác (nếu có).

Trên đây là ý kiến phản biện đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên - Huế; đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*



GS. Trần Thục  
Chủ tịch Hội Khí tượng Thủy văn Việt Nam

NGUYỄN THẾ CHINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v ý kiến phản biện đối với đánh giá  
môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh  
tỉnh Thừa Thiên Huế, thời kỳ 2021-  
2030, tầm nhìn đến năm 2050

*Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2023.*

Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh

Tôi đã nhận văn bản số 6304/CV-HĐTĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đề nghị có ý kiến phản biện đối với đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về bảo vệ môi trường và Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế, tôi có ý kiến phản biện đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược như sau:

## **I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH**

1. Hồ sơ Quy hoạch, bao gồm:

- Tờ trình số 3191/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2023 của sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đề nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu (USB) Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công văn số 732/UBND-QHXT ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất nội dung Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## 2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch

## II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH

Sau khi nhận được hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; từ các tài liệu có được, tôi đánh giá về hồ sơ như sau:

1. **Danh mục hồ sơ:** Nhận xét về tính hợp lệ của hồ sơ quy hoạch (*theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360 /QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định*).

Đối chiếu với các văn bản căn cứ của hồ sơ thẩm định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại Điều 4 Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360 /QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 tôi thấy cơ bản đã có đủ.

2. **Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch.**

Đối với các phần và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường Chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tôi có những ý kiến như sau.

### 2.1. Phần mở đầu.

- Về cấu trúc: Theo quy định trong thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục I, mẫu 01b báo cáo phần mở đầu đã có đủ 4 mục theo quy định.

- Về nội dung, để hoàn thiện nội dung có chất lượng cao hơn, tôi có những góp ý sau:

+ Mục 0.1 “Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của Quy hoạch” trang 1.4 cần lưu ý một số văn bản quan trọng liên quan đến Quy hoạch tỉnh và ĐMC cần bổ sung như quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 885/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt đề án phát triển nông

nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030. Vì thực tế hiện nay tỉnh Thừa Thiên Huế đang thực hiện các nội dung liên quan đến các quyết định trên.

+ Mục 0.3 “Phương pháp đánh giá môi trường Chiến lược” trang 9-13, các phương pháp đã có cơ bản phù hợp, tuy nhiên nên hoàn thiện và bổ sung thêm như mục 0.3.9 trang 12 nên bổ sung thêm cụm từ “chuyên gia”. Ngoài ra cần bổ sung thêm phương pháp tiến hành đồng thời với quy hoạch, phương pháp dự báo.

### ***Chương 1: Tóm tắt nội dung Quy hoạch***

- Về cấu trúc: Trong phần này đối chiếu với quy định trong thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b cấu trúc nội dung đã có đủ 4 mục theo quy định.

- Về nội dung của chương.

Một số góp ý để hoàn thiện nội dung của các mục trong chương 1 như sau:

+ Mục 1.3. “Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch liên quan” trang 21-26, tôi cho rằng mục này nên cấu trúc lại để dễ theo dõi và đúng về mặt khoa học gồm 2 mục: 1.3.1. “Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các chiến lược liên quan (bao gồm cấp quốc gia, vùng và tỉnh)”; 1.3.2. “Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Quy hoạch liên quan (bao gồm cấp quốc gia, vùng và tỉnh)”. Vì về thứ tự từ Chiến lược mới có quy hoạch và kế hoạch thực hiện. Như vậy đối với mục 1.3.2 trang 26-28 nên sửa lại tiêu đề là “Phân tích mối quan hệ của Quy hoạch với các Chiến lược, Quy hoạch có liên quan”, về nội dung nên viết lại và cấu trúc thành 2 mục: 1.3.2.1. “Phân tích mối quan hệ của Quy hoạch tỉnh với các Chiến lược liên quan”; 1.3.2.2. “Phân tích mối quan hệ của Quy hoạch tỉnh với các Quy hoạch có liên quan”. Để phân tích cần căn cứ vào các Chiến lược, Quy hoạch đã liệt kê ở trên làm căn cứ đối chiếu phân tích.

+ Mục 1.4. “Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường” trang 28-87. Về cơ bản nội dung của mục này thực hiện khá đầy đủ, tuy nhiên nhóm thực hiện ĐMC lưu ý chỉ liệt kê các nội dung quy hoạch có khả năng tác động tới môi trường, trong đó có 2 nội dung chính là (i) Quy hoạch ngành; (ii) Quy hoạch vùng, lãnh thổ, các nội dung này được nghiên cứu chất lọc từ bản Quy hoạch của tỉnh Thừa Thiên Huế.

### ***2.2. Chương 2: Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.***

- Về cấu trúc của chương: Đối chiếu với quy định trong thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b cấu trúc nội dung chương 2 có hai mục chính, trong nội dung đã thể hiện có 2 mục, tuy nhiên mục 2.2. trang 89 cần phải sửa lại tiêu đề cho đúng yêu cầu là “Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy

hoạch”

- Về nội dung của chương: Để hoàn thiện nội dung của chương 2, tôi có những góp ý sau.

+ Đối với mục 2.1. “Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược” trang 88-89. Tôi cho rằng mục này nên viết lại theo yêu cầu “Nêu rõ phạm vi không gian thực hiện ĐMC” chứ không phải là mô tả về vị trí Địa lý của tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm phạm vi trong tỉnh và mối liên hệ ảnh hưởng của ngoài tỉnh.

+ Đối với mục 2.2. trang 89-148, tiêu đề cần sửa lại là “Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch”. Như vậy cấu trúc nội dung cũng cần phải sắp xếp lại theo đúng yêu cầu của thông tư 02/2022/TT-BTNMT phụ lục II mẫu 01b, như vậy các mục trong mục 2.2 nên cấu trúc lại theo yêu cầu chỉ có 3 mục: 2.2.1. “Thành phần môi trường”; 2.2.2 “Di sản thiên nhiên”; 2.2.3. “Điều kiện về kinh tế - xã hội”. Nội dung thiếu một phần rất quan trọng đó là “di sản thiên nhiên” của Thừa Thiên Huế. Tóm lại nội dung mục 2.2 chưa đạt, cần viết lại.

### ***Chương 3: Đánh giá tác động của Quy hoạch đến môi trường.***

- Về cấu trúc của chương 3 đã đáp ứng yêu cầu theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b gồm có 5 mục chính.
- Về nội dung, để chất lượng báo cáo chương 3 tốt hơn, tôi có những góp ý sau đây.

+ Đối với mục 3.1. “Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường” trang 149-168. Mục này thực hiện khá tốt, tuy nhiên cần bổ sung và hoàn thiện thêm những văn bản mới ban hành liên quan đến Kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ như đã nêu ở trên hay “Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 3/4/2023 về Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển”, Các Quy hoạch liên quan đến Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế như quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch phát triển khu vực các tỉnh miền Trung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, như vậy sẽ đầy đủ hơn.

+ Đối với mục 3.2. “các vấn đề môi trường chính” trang 168-175. Việc xác định có 6 vấn đề môi trường chính cơ bản phù hợp, tuy nhiên cần lưu ý thêm đối với những vấn đề môi trường có tính tích cực do thực hiện phương án quy hoạch tạo ra.

+ Đối với mục 3.3. “Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án 0) trang 176-211. Nội dung mục này cơ bản đã đáp ứng yêu cầu, bám sát với 6 vấn đề môi trường chính để xem xét đánh giá trong trường hợp thực hiện phương án 0, đã xem xét cae mặt tác động tích cực và tiêu cực.

+ Đối với mục 3.4. “Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường

chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch” trang 212-275. Trong nội dung của mục này mới nhìn nhận chủ yếu ở khía cạnh quy hoạch ngành có tác động đến những vấn đề môi trường chính, nhóm tư vấn cần xem xét thêm về phân bố không gian, lãnh thổ tác động đến các vấn đề môi trường chính như thế nào, nhất là phân bố không gian mở rộng đô thị, phát triển phân bố khu, cụm công nghiệp, phân bố giao thông, khôi phục vốn rừng, tác động trực tiếp đến nguồn nước, nhất là nguồn nước sông hương. Vấn đề đặt ra hiện nay nhất là phát triển hạ tầng giao thông sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước thế nào khi các tuyến đường được đắp cao, việc phát triển năng lượng tác động đến môi trường, bài học kinh nghiệm của Thừa Thiên Huế về Thủy điện nhỏ, tích nước, sạt lở đất và lũ quét... cần được đánh giá đầy đủ thực hiện phương án Quy hoạch. Vấn đề thực hiện quy hoạch phát triển du lịch vùng ven đầm phá Tam Giang Cầu Hai dự báo tác động đến những vấn đề môi trường chính là gì? Tóm lại nội dung 3.4 cần hoàn thiện thêm và đánh giá nhìn nhận thấu đáo những tác động tới các vấn đề môi trường chính do thực hiện quy hoạch của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Mục 3.5. “Mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo” trang 276-278. Mục này nên cấu trúc lại và bổ sung, cập nhật theo quy định, thiết kế có 2 nội dung: 3.5.1. “Xác định và nêu rõ những vấn đề còn không chắc chắn, thiếu tin cậy trong ĐMC”; 3.5.2. “Lý do, nguyên nhân của từng vấn đề không chắc chắn, thiếu tin cậy”. Như vậy sẽ đáp ứng đầy đủ và theo yêu cầu.

### ***2.3. Chương 4: Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.***

- Về cấu trúc chương 4: cấu trúc chương đã có đủ 3 phần đáp ứng yêu cầu theo quy định của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b của Bộ tài nguyên và môi trường. Tuy nhiên tiêu đề của mục 4.1 không phù hợp.
- Về nội dung: Đề nội dung báo cáo chương 4 có chất lượng tốt hơn và đáp ứng yêu cầu theo quy định, tôi có những góp ý sau:
  - + Đối với mục 4.1. trang 279-306 cần sửa lại tiêu đề là “Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính”. Trong nội dung viết của mục này cần lưu ý, các giải pháp đưa ra phải bám sát vào các vấn đề môi trường chính đã được xác định gồm 6 vấn đề.

+ Mục 4.2. “Định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch tỉnh” trang 306-327 về cơ bản nội dung thực hiện mục này khá đầy đủ, tuy nhiên nên hoàn thiện và bổ sung thêm như đối với mục 4.2.1 cần bổ sung thêm công cụ về truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cho lãnh đạo, doanh nghiệp và người dân về quy hoạch tỉnh và những vấn đề môi trường chính cần quan tâm. Đối với công cụ luật pháp và kinh tế nên bám vào các luật hiện hành như luật BVMT, luật đa dạng sinh học, luật thuế môi trường, luật quy hoạch... cũng như văn bản dưới luật triển khai cụ thể ở địa bàn Thừa Thiên Huế cho giải quyết những vấn đề môi trường chính do thực hiện quy hoạch gây ra như thế nào.

+ Mục 4.3. “Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch” trang 327-336. Nội dung mục này thực hiện khá đầy đủ, tuy nhiên lưu ý và hoàn thiện thêm trong quản lý và giám sát môi trường giai đoạn tới chủ yếu sử dụng công nghệ chuyển đổi số, viễn thám và GIS.

#### **2.4. Chương 5: Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường Chiến lược.**

- Về cấu trúc của chương: cấu trúc chương 5 có 2 phần, trong cấu trúc của chương này đã đáp ứng yêu cầu theo quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b.
- Về nội dung: Về cơ bản nội dung thực hiện các mục trong chương 5 đã thể hiện khá đầy đủ, đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên trên cơ sở bảng 5.1.”kết quả tham vấn Báo cáo ĐMC” trang 340-351 cột cuối cùng về “Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình”, nhóm thực hiện ĐMC mục này cần bổ sung lý do.

#### **2.5. Kết luận, kiến nghị và cam kết.**

- Về kết cấu.

Kết cấu của phần “Kết luận, kiến nghị và cam kết” đã thực hiện đúng quy định như yêu cầu của thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, phụ lục II, mẫu 01b, nội dung có 4 phần chính.

- Về nội dung.

Nội dung thể hiện của các mục trong phần “Kết luận, kiến nghị và cam kết” thực hiện khá đầy đủ và khá tốt, tuy nhiên cần tiếp tục hoàn thiện và rà soát lại để chất lượng nội dung của phần này tốt hơn

### **III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG ĐMC**

1. Nhận xét về nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch theo quy định tại Điều 15 Mục II, Chương II Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- 1.1. Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá môi trường chiến lược và phương pháp khác được sử dụng để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

Về cơ bản các phương pháp đánh giá môi trường chiến lược đã sử dụng trong báo cáo là phù hợp, tuy nhiên cần bổ sung và hoàn thiện thêm các phương pháp như góp ý của tôi ở trên.

- 1.2. Sự phù hợp về phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

- Phạm vi đánh giá môi trường Chiến lược cần viết lại như đã góp ý trong chương 2 mục 2.1

- Về nhận định, đánh giá di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch mục này nên bổ sung và viết lại như đã góp ý tại mục 2.2 chương 2.

1.3. Sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường.

Nội dung phần này đã thể được, tuy nhiên cần hoàn thiện và bổ sung thêm như đã góp ý ở trên tại chương 3 mục 3.1.

1.3. Sự phù hợp của kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính.

Về cơ bản kết quả nhận dạng 6 vấn đề môi trường chính do thực hiện phương án Quy hoạch là phù hợp.

1.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch.

Về cơ bản việc đánh giá, dự báo xu hướng các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện quy hoạch đã đáp ứng yêu cầu, tuy nhiên cần hoàn thiện thêm như đã góp ý ở mục 3.4 chương 3 ở trên.

1.5. Sự phù hợp, tính khả thi của các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

Về cơ bản nội dung này thể hiện khá đầy đủ, tuy nhiên cần hoàn thiện thêm để chất lượng tốt hơn như góp ý ở chương 4 nêu trên.

1.6. Nội dung tham vấn và việc tiếp thu kết quả tham vấn để hoàn thiện đánh giá môi trường chiến lược.

Về cơ bản nội dung tham vấn và tiếp thu kết quả tham vấn đã đáp ứng yêu cầu, trong nội dung tiếp thu giải trình cần bổ sung thêm lý do.

2. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có).

#### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. Nội dung đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế cần tiếp tục hoàn thiện bổ sung thêm như đã góp ý mới đủ Điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định của Quy hoạch tỉnh

2. Nhất trí hay không nhất trí thông qua nội dung đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch.

Tôi nhất trí thông qua với điều kiện phải bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện trước khi gửi vào hồ sơ thẩm định

3. Một số kiến nghị khác (nếu có).

Trên đây là ý kiến phản biện đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN**



PGS.TS. Nguyễn Thế Chinh

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***NHẬN XÉT PHẢN BIỆN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC  
QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

1. Họ và tên phản biện: Võ Chí Mỹ
2. Học hàm, học vị, chức vụ công tác:
  - Phó Chủ tịch Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam
3. Nơi công tác (tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại, Fax, e-mail)
  - Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam,
  - Địa chỉ: Số 2 Đặng Thuỳ Trâm, Hà Nội.
  - ĐT: 0913009239, vochimytdm@gmail.com
4. Tên báo cáo: “Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050”.

**NỘI DUNG NHẬN XÉT****A. Phần Quy hoạch**

1/ Hạ tầng số: Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đề ra rất nhiều mục tiêu, khối lượng nội dung rất lớn, trong khi thời gian chỉ còn 7 năm. Một trong những nhân tố hỗ trợ thực hiện thành công các mục tiêu và khối lượng nội dung quy hoạch của tỉnh là chuyển đổi số. Chuyển đổi số chỉ thành công dựa trên hạ tầng số. Quy hoạch cần bổ sung nội dung về chuyển đổi số và hạ tầng số đầy đủ hơn, bao gồm hạ tầng kết nối, hạ tầng thiết bị, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng ứng dụng.

2. Về cơ sở dữ liệu: Báo cáo quy hoạch cần bổ sung nội dung mô tả việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hoá, cập nhật trong các nội dung quy hoạch theo yêu cầu của điều 41 Luật quy hoạch và các điều 41, 47 Luật đo đạc bản đồ. Cơ sở dữ liệu phải được xây dựng theo thông tư của khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh theo công văn 5746/BKHĐT-QLQH.

3. Về hệ thống bản đồ:

- Rà soát các tiêu chuẩn kỹ thuật trình bày bản đồ (hệ toạ độ, múi chiếu, tỷ lệ, nguồn dữ liệu, bản đồ phụ, chú giải phù hợp với nội dung; ranh giới, địa giới, địa danh v.v... phù hợp với Luật Đo đạc và Bản đồ và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

- Bản đồ quy hoạch mang tính liên kết nên cần bổ sung một số lớp cơ bản (chính) trên lãnh thổ các tỉnh bạn như: lớp giao thông, lớp thủy hệ và lớp địa danh.

- Cần rà soát, chỉnh sửa thống nhất hoá hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu theo thông tư số 4/2023/TT-BKHĐT (26/6/2023) hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật

của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

4/ Các cơ sở pháp lý của quy hoạch

a) Bổ sung các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật đo đạc và bản đồ 27/2018/QH14
- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.

- Nghị định 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đo đạc và bản đồ;

- Công văn số 5746/ quy định hướng dẫn kỹ thuật về khung cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh BKHĐT-QLQH ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Thông tư số 07/2022 Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000 ngày 30 tháng 06 năm 2022.

- Thông tư số 4/2023/TT-BKHĐT (26/6/2023) hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

b) Bổ sung các văn bản pháp lý mới nhất của Nhà nước về các mô hình tăng trưởng mới như: tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghiệp ít phát thải, giám sát khí nhà kính v.v... Đây chính là cơ sở của nền kinh tế xanh cho quy hoạch mới này theo đúng định hướng phát triển của đất nước.

**B. Phần ĐMC**

**MỞ ĐẦU**

**1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh (Hải Dương) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

1.1. Sự cần thiết:

Cần bổ sung luận giải về sự cần thiết và hoàn cảnh ra đời của quy hoạch từ quan điểm của tư vấn ĐMC, bao gồm:

1) Bối cảnh trong nước: Các mô hình phát triển kinh tế-xã hội mới của chính phủ như: Tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, trung hoà các-bon, Net Zero, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt là phương châm phát triển của Đảng và Nhà nước là “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”.

2) Bối cảnh trong vùng:

- Nghị quyết số 326-NQ/TW, ngày 23/11/2022, của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ

Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**1.2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ lập quy hoạch:**

1) Có 02 văn bản là cơ sở pháp lý của nhiệm vụ qui hoạch gồm:  
 + Quyết định số 646/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  
 + Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 giao Sở KH&ĐT chịu trách nhiệm tổ chức lập Quy hoạch tỉnh, thực hiện vai trò chủ đầu tư dự án lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2) Lược bỏ các văn bản pháp luật liệt kê (trang 2-3). Cần phân biệt cơ sở pháp lý của nhiệm vụ qui hoạch với căn cứ pháp luật lập qui hoạch.

**2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

**2.1. Căn cứ pháp luật:**

+ Ưu điểm: Đã cập nhật các văn bản pháp lý mới về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

**2.2. Căn cứ kỹ thuật:** Bổ sung các văn bản hướng dẫn kỹ thuật ĐMC, gồm:

+ Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2009;

+ Thông tư số 02/2022/BTNMT

**3. Phương pháp đánh giá môi trường chiến lược**

1) Phân biệt phương pháp ĐMC chính thống (theo hướng dẫn kỹ thuật ĐMC của Cục Thẩm định và đánh giá tác động môi trường năm 2009) và các phương pháp bổ trợ.

2) Báo cáo nêu quá nhiều phương pháp (9). Chỉ cần trình bày các phương pháp đã sử dụng trong ĐMC và nói rõ sử dụng ở nội dung nào.

3) Chính sửa tên các phương pháp không có trong các phương pháp ĐMC chính thống hoặc gọi sai tên (vd: PP kế thừa, PP tham vấn các bên liên quan v.v...).

**4. Tổ chức thực hiện đánh giá môi trường chiến lược**

**4.1. Mối liên hệ giữa quá trình lập QH với quá trình thực hiện ĐMC**

1) Nên khẳng định ĐMC thực hiện đồng thời với quy hoạch để bảo đảm đúng điều 26 luật bảo vệ môi trường.

2) Lược bỏ một số diễn đạt thể hiện nhiệm vụ của ĐMC là lập báo cáo, ví dụ: “Đề đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tính liên ngành, Báo cáo ĐMC được thực hiện bởi một nhóm chuyên gia từ các chuyên ngành liên quan, bao gồm 10 chuyên gia chính và 1 cán bộ hỗ trợ (trang 17).

**Chương 1**

**TÓM TẮT NỘI DUNG QUY HOẠCH**

**1.3. Mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các Chiến lược, Quy hoạch**

Trong mục này, yêu cầu có 02 nội dung tách biệt nhau:

1) Liệt kê các chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế được đề xuất. Theo đó, cần liệt kê cụ thể các chiến lược hoặc quy hoạch đã được phê duyệt hoặc đang thực hiện có liên quan đến quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế.

2) Phân tích mối quan hệ của quy hoạch Thừa Thiên Huế với các chiến lược, quy hoạch có liên quan. Cần phân tích các chiến lược, quy hoạch có liên quan có mâu thuẫn, chồng chéo, xung đột hay đồng thuận với quy hoạch Thừa Thiên Huế không?

**1.4. Nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường (liệt kê các nội dung của Quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường.**

- Yêu cầu trọng tâm của mục này chỉ cần nêu những nội dung nào của quy hoạch kể cả quy hoạch tổng thể, quy hoạch thành phần, các dự án v.v... có khả năng tác động đến môi trường?

## Chương 2

### PHẠM VI ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC VÀ THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG, DI SẢN THIÊN NHIÊN CÓ KHẢ NĂNG BỊ TÁC ĐỘNG BỞI QUY HOẠCH

#### 2.1.1. Phạm vi không gian ĐMC

Khi quy hoạch được thực hiện, tùy thuộc vào vị trí và đặc điểm của các quy hoạch thành phần, tác động môi trường có thể sẽ vượt quá giới hạn ranh giới tỉnh. Vì vậy, ngoài lãnh thổ Thừa Thiên Huế, phạm vi không gian ĐMC phải bao gồm cả một phần lãnh thổ phụ cận của các tỉnh giáp giới với Thừa Thiên Huế như Quảng Trị (phía Bắc), Quảng Nam (phía Nam), nước CHDCND Lào (phía Tây) và biển Đông. Với 81 km đường biên giới với Lào, ĐMC cần có xác định phạm vi ảnh hưởng với Lào để có cơ sở pháp lý trong trường hợp xảy ra tranh tụng quốc tế

2) Cần có sơ đồ thể hiện phạm vi ranh giới ĐMC.

**2.2. Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên, điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch**

1) Chính sửa lại tiêu đề của mục 2.2. phù hợp với cấu trúc của thông tư 2/2022 BTNMT.

1) Thành phần môi trường: Môi trường có 4 thành phần: Thạch quyển (đất đai), thủy quyển (tài nguyên nước), khí quyển (không khí), sinh quyển (thảm thực vật và đa dạng sinh học). Yêu cầu mục này là mô tả tổng quát hiện trạng, diễn biến chất lượng từng thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và đánh giá các thành phần môi trường này có khả năng bị tác động bởi quy hoạch hay không? Mức độ tác động như thế nào?

2) Di sản thiên nhiên: Bổ sung kết quả phân tích các di sản sản thiên nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế như vườn quốc gia Bạch Mã, biển Lăng Cô, bãi biển Thuận An v.v... có khả năng bị tác động bởi quy hoạch không? Dự báo mức độ tác động như thế nào?

3) Di sản văn hoá: Phân tích khả năng các di sản văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng của Thừa Thiên Huế như cố Đô Huế, các khu lăng tẩm vua chúa nhà Nguyễn, các khu di tích lịch sử có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch không? Dự báo bị tác động mức độ nào?

### Chương 3

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

### 3.1. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường

Báo cáo cần cập nhật bổ sung các chính sách mới về bảo vệ môi trường thể hiện trong các cơ sở pháp lý mới của Nhà nước như:

+ Quyết định số: 280/2019/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030

+ Quyết định 888/QĐ-TTg/2022 phê duyệt đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả hội nghị COP-26 về biến đổi khí hậu.

+ Quyết định số 687/ QĐ-TTg ngày 7/6/2022 Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

+ Nghị quyết số 326-NQ/TW, ngày 23/11/2022, của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### 4. 3.2. Các vấn đề môi trường chính

1) Chính sửa lại các vấn đề môi trường chính. 06 vấn đề môi trường chính được nêu trong báo cáo là chưa chính xác:

Vđ1) Gia tăng phát sinh chất thải gây suy thoái/ô nhiễm môi trường

Vđ2) Tai biến thiên nhiên gia tăng do BĐKH

Vđ3) Trữ lượng và chất lượng nước

Vđ4) Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH

Vđ5) Các vấn đề xã hội

Vđ6) Các vấn đề về di sản, di tích.

2) Tỉnh Thừa Thiên Huế có 120km đường biển. Quy hoạch sẽ tác động đến môi trường biển ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và sinh kế của hàng vạn người dân. Vì vậy, đề nghị xem xét vấn đề môi trường "môi trường biển". Cần đánh giá tác động của quy hoạch đối với biển kể cả ô nhiễm biển, suy thoái biển và tai biến môi trường biển.

### 3.3. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện qui hoạch (phương án 0)

Chính sửa theo trọng tâm của mục này là: Xem xét những quy hoạch lớn kể cả quy hoạch ngành, quy hoạch của tỉnh đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên

Huế. Đánh giá và dự báo xu hướng của các quy hoạch đó đối với các vấn đề môi trường chính theo không gian và thời gian. Mục đích là để có chuỗi dữ liệu nền theo không gian và thời gian phục vụ công tác đánh giá tác động tích lũy và phân tích xu hướng, ngoại suy khi thực hiện quy hoạch đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

### **3.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện qui hoạch.**

1) Cần chỉnh sửa bổ sung phân biệt cách trình bày mạch lạc tách biệt 03 nội dung và phải lấy các vấn đề môi trường chính là đối tượng phân tích.

+ Nhân diện nguyên nhân gây tác động đối với các vấn đề môi trường chính;

+ Đánh giá mức độ, cường độ và qui mô tác động đối với các vấn đề môi trường chính;

+ Dự báo tác động của qui hoạch đối với vấn đề môi trường chính trong phạm vi không gian ĐMC đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2) Bổ sung tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tác động của qui hoạch đối với các các vấn đề môi trường chính. Kết quả dự báo là cơ sở để xây dựng các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

3) Bổ sung đánh giá tác động xã hội (SIA) đầy đủ kể cả tác động tích cực và tác động tiêu cực vì mục tiêu của ĐMC là phát triển bền vững.

4) Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại. Cần lưu ý 02 nội dung tách biệt:

(i) Ngoài khí nhà kính, cần xác định tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu như: hiện tượng đảo nhiệt đô thị, giảm kho chứa các bon, axit hoá biển đông, v.v...

(ii) Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với Quy hoạch. Lưu ý đánh giá tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đối với quá trình thực hiện qui hoạch như bão tố, lũ lụt, hạn hán, v.v...tác động như thế nào đến quy hoạch tổng thể của tỉnh và các quy hoạch thành phần?

## **Chương 4**

### **6. GIẢI PHÁP DUY TRÌ XU HƯỚNG TÍCH CỰC, GIẢM THIỂU XU HƯỚNG TIÊU CỰC CỦA CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH**

1) Theo kết quả nghiên cứu của tư vấn ĐMC, cần áp dụng các giải pháp nào để duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch trong điều kiện thực tế của tỉnh Thừa Thiên Huế?

2) Cần bám sát các vấn đề môi trường chính của quy hoạch Thừa Thiên Huế đã xác định trong chương 3 để nghiên cứu đề xuất các giải pháp phù hợp.

3) Tư vấn ĐMC cần có đề xuất với tư vấn quy hoạch các giải pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, giảm thiểu chất thải, tiết kiệm năng lượng, ví dụ: Xây dựng khu công nghiệp sinh thái (eco-industry), yêu cầu thực hiện kinh tế tuần hoàn, công nghiệp ít phát thải, kiểm soát khí nhà kính v.v...

#### 4.2.3. Định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

1) ĐMC chỉ cần chọn ra một số dự án đầu tư hoặc các qui hoạch thành phần dự báo có tác động lớn đến các thành phần môi trường chính để khuyến cáo cần làm ĐTM và các thành phần môi trường cần đặc biệt chú ý khi làm ĐTM.

2) Trong ĐMC không cần phải nêu tất cả các dự án vì các dự án đầu tư nằm trong qui định nghị định số 08/2022 đều phải làm ĐTM.

#### 4.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

ĐMC cần yêu cầu bổ sung trong quy hoạch nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường cho quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thành một lớp trong cơ sở dữ liệu của qui hoạch để phục vụ thuận lợi cho vấn đề quản lý và giám sát môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

### Chương 5

#### THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

1) Chính sửa các điểm đạt thể hiện nhiệm vụ của ĐMC là làm báo cáo: “Mục đích tham vấn các bên liên quan là nhằm công khai thông tin đến các bên liên quan về nội dung, tiến độ lập báo cáo ĐMC”.

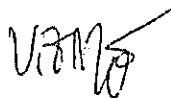
2) Bổ sung đối tượng tham vấn là những bộ phận xã hội (đơn vị tập thể, cơ quan và cá nhân) trực tiếp bị tác động do quy hoạch để tham khảo ý kiến chỉnh sửa bổ sung trong quá trình thực hiện ĐMC.

#### KẾT LUẬN

Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của “Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” có thể được phê duyệt sau khi đã chỉnh sửa bổ sung.

Hà Nội, Ngày 15 tháng 8 năm 2023

Người phản biện



GS. TS Võ Chí Mỹ

PCT Hội Trắc địa-Bản đồ-Viễn thám Việt Nam

**TSKH.KTS. Ngô Việt Nam Sơn**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Chuyên gia Quy hoạch

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ủy viên Ban Chấp hành

-----

Hội Kiến trúc sư Việt Nam

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2023

**NHẬN XÉT QUY HOẠCH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*Kính gửi: Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*

Theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tham gia ý kiến, với tư cách thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh, đối với Báo cáo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt Quy hoạch tỉnh), tôi xin đóng góp một số ý kiến như sau:

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

Hồ sơ quy hoạch đã bao gồm đầy đủ thành phần theo quy định, bao gồm:

(i) Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với 906 trang báo cáo chính, chưa kể phần phụ lục.

(ii) Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với 127 trang A4.

(iii) Hệ thống Bản đồ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(iv) Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với 397 trang.

(v) Báo cáo Tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành Trung ương, các địa phương vùng, các tỉnh liên kề về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(vi) Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ**

---

1. Về cơ bản, các nội dung của báo cáo quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuân thủ các qui định của Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2022, và phù hợp với các văn bản của pháp luật theo qui định cũng như các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành.

2. Hồ sơ lập và lấy ý kiến về Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế nêu trong báo cáo đã đầy đủ theo qui định của Luật Quy hoạch. Quy hoạch tỉnh đã được các Bộ, cơ quan ngang bộ ở Trung ương, các địa phương liên quan trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền trung và các tỉnh lân cận đã có ý kiến tham gia; đã lấy ý kiến tham vấn của UBMTTQ tỉnh, của các Sở, ban, ngành, địa phương, cũng như các ý kiến cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh, và cơ bản được tỉnh tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh tại công văn 3208/BC- SKHĐT ngày 31/7/2023.

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư có tờ trình gửi Hội đồng thẩm định quy hoạch với đầy đủ các Hồ sơ liên quan theo qui định: Báo cáo quy hoạch (báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt), báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo giải trình các ý kiến góp ý, hệ thống bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch, dự thảo quyết định kèm theo.

4. Cấu trúc Báo cáo quy hoạch tỉnh, về cơ bản đã thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra và cần phải có trong một bản quy hoạch. Nội dung Báo cáo Quy hoạch với 906 trang (không kể phần phụ lục). Các số liệu, dữ liệu được sử dụng để phân tích, đánh giá trong Báo cáo quy hoạch tỉnh khá đầy đủ, có cập nhật đến thời gian gần nhất; các tài liệu dẫn chứng, trích dẫn phong phú, từ nguồn thống kê, đáng tin cậy... làm cơ sở cho việc đề xuất các phương hướng phát triển và các giải pháp thực hiện trong thời kỳ quy hoạch.

### **III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH**

---

#### **1. Góp ý bổ sung cho phần Phân tích chiến lược SWOT - Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức:**

Đề nghị xem xét bổ sung thêm cho Mục VIII - Đánh giá Chung trong Chương 2 của Phần II:

##### **a. Về mặt điểm mạnh:**

Đô thị Thừa Thiên Huế đạt được những tiêu chuẩn cơ bản để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Huế còn có những thế mạnh chiến lược có thể bổ sung cho những điểm chưa mạnh của Đà Nẵng, như quỹ đất rộng - sân bay – cảng biển – thế mạnh về văn hóa giáo dục, để cùng với Đà Nẵng nâng cao vị thế vai trò cụm đô thị tuyến trung tâm vùng, đóng vai trò chủ đạo trong việc nối kết hợp tác vùng đô thị, phù hợp với nhu cầu tương lai, khai phá các tiềm lực còn chưa được phát triển xứng tầm của Vùng Kinh tế Trọng điểm Miền Trung.

b. Về mặt thử thách & cơ hội, có thể hình thành các khu đô thị mới với bản sắc độc đáo riêng về không gian quy hoạch kiến trúc và về đời sống kinh tế xã hội của địa phương, đồng thời đóng góp vào phát triển chung của Thừa Thiên Huế. Ngoài các điểm đã được báo cáo nêu, có thể bổ sung thêm các thử thách & cơ hội sau:

- Hình thành và phát triển Khu Đô thị sân bay tại Phú Bài theo mô hình đô thị tiên tiến của thế kỷ 21, nơi có quỹ đất rộng và điều kiện phát triển thuận lợi, để nơi đây không chỉ là điểm trung chuyển giao thông hàng không, mà còn có thể trở thành điểm đến hấp dẫn, không chỉ phục vụ cho Thừa Thiên Huế, mà còn cho Đà Nẵng (bị hạn chế về năng lực mở rộng sân bay khi nằm gần trung tâm thành phố) và các tỉnh thành lân cận trong Vùng đô thị.
- Hình thành và phát triển các khu đô thị du lịch, cảng biển, và công nghiệp tại Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, nơi có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cảng biển và công nghiệp với không gian tách biệt, không gây tác động xấu về môi trường đến khu đô thị du lịch, để phát triển mạnh kinh tế biển trong tương quan kết nối và hợp tác vùng, xứng tầm với các tiềm năng và lợi thế còn chưa được tận dụng trong nhiều thập niên qua.
- Hình thành các trục đô thị tuyến theo mô hình TOD (Transit Oriented Development – Phát triển gắn kết với giao thông công cộng) cho các hành lang kinh tế theo hướng Bắc Nam và Đông Tây, đặc biệt là khu vực trục tuyến chủ đạo Bắc Nam nối kết đô thị Huế - Chân Mây Lăng Cô – Đà Nẵng, với tiềm năng cao về việc thu hút nguồn đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài, và tạo thêm nguồn thu ngân sách cần thiết cho việc phát triển hạ tầng.

## **2. Góp ý bổ sung phân tích sâu hơn về Mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD – Transit Oriented Development)**

a. Góp ý đối với “Phương án quy hoạch hệ thống đô thị” trong Chương VI của Phần II, nên bổ sung rõ hơn tiêu đề mục 2.3.3: “Định hướng quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững thành phố Thừa Thiên Huế theo mô hình đô thị thông minh, phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng, hướng biển, sinh thái thích ứng với BĐKH”.

b. Nên xem xét bổ sung thêm mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng theo hướng TOD trong mục 2.3.3, bao gồm các ý:

- Mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD-Transit Oriented Development) là mô hình lấy định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng làm nền tảng cơ sở cho quy hoạch và phát triển đô thị; lấy các đầu mối nút giao thông công cộng đa phương tiện làm điểm tập trung dân cư và tiện ích hạ tầng xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, góp phần giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường, đồng thời khơi mở tiềm năng khai thác quỹ đất hiệu quả, tạo thêm nguồn thu ngân sách cần thiết cho phát triển đô thị.
- Mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) tại Thừa Thiên Huế hiện có nhiều tiềm năng kinh tế xã hội có thể hấp dẫn thu hút đầu tư phát triển cho tuyến đô thị dọc theo trục giao thông huyết mạch nối kết (Tp Huế - Phú Bài – Chân Mây Lăng Cô) và (Tp Huế - Thuận An) và các tuyến nhánh.
- Hệ thống hạ tầng kết nối trục đô thị TOD này sẽ không những góp phần tích cực cho việc thu hút dòng vốn đầu tư, mà còn tạo nền tảng gia tăng mạnh vị thế của tỉnh Thừa Thiên Huế, trong mối liên kết và hợp tác về mọi mặt giữa hai đô thị loại I trực thuộc Trung ương với vai trò Trung tâm của Vùng Kinh tế Trọng điểm Miền Trung.

## **3. Góp ý bổ sung đối với Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

a. Đề nghị bổ sung thêm một số góp ý chi tiết sau, đối với mục “Mô hình thành phố có khả năng chống chịu - ứng phó tốt với thiên tai, ngập lụt, và biến đổi khí hậu” trong Chương VI của Phần II:

Phương án ứng phó và Bản đồ phương án ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Thừa Thiên – Huế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần được làm rõ chi tiết hơn các định hướng giải pháp và các dự án ưu tiên để ứng phó với nguy cơ biến đổi khí hậu và nước biển dâng, thể hiện trên nền bản đồ được tích hợp thêm thông tin trong Bản đồ Nguy cơ Ngập úng với mực nước biển dâng 100cm của tỉnh Thừa Thiên – Huế (Trong Tài liệu Kịch bản Biến đổi Khí hậu, phiên bản cập nhật mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xuất bản tháng 12 năm 2021). Ví dụ như:

- Định hướng quy hoạch cụ thể cho các khu đô thị hiện hữu hiện đang nằm trong vùng đất có nguy cơ ngập do thiên tai và biến đổi khí hậu. Các đồ án trình duyệt quy hoạch chung và quy hoạch phân khu cho khu vực nằm trong khu vực có nguy cơ Ngập úng với mực nước biển dâng 100cm của tỉnh Thừa Thiên – Huế cần tích hợp các định hướng và giải pháp ứng phó cụ thể trên nền bản đồ kịch bản Biến đổi Khí hậu.
- Định hướng ưu tiên phát triển đô thị về phía vùng đất cao ít nguy cơ ngập;
- Định hướng giảm mật độ xây dựng và ưu tiên tăng tỷ lệ dành cho không gian xanh và không gian cho nước nhiều hơn cho các vùng có nguy cơ ngập;
- Định hướng cho không gian xanh, khuyến khích không tôn nền cao mà tạo các không gian trũng thấp có thể tạm chứa nước thoát để giảm ngập cho khu đô thị trong mùa mưa.

b. Khuyến khích việc chuẩn hóa phát triển bền vững đô thị và công trình xây dựng theo các tiêu chí công trình xanh như LEED, EDGE, ... và đặc biệt là nên xem xét chính sách khuyến khích ứng dụng tiêu chí công trình xanh LOTUS của Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam, là tiêu chí đã được tích hợp với các nhu cầu và điều kiện thực tế đặc thù của Việt Nam.

#### **4. Góp ý bổ sung đối với Mô hình Đô thị sân bay**

Đề nghị làm rõ hơn sự cần thiết và các thế mạnh mà mô hình đô thị sân bay có thể áp dụng cho tỉnh Thừa Thiên Huế, có thể bổ sung cho Chương VI của Phần II, vì đây có thể là cơ hội lớn để nâng cao vị thế và tầm quan trọng của tỉnh, để góp phần tích cực cho việc phát triển nhanh hành lang kinh tế Tp Huế - Phú Bài – Chân Mây – Lăng Cô, và tạo nên nguồn động lực mới giúp gia tăng nguồn công ăn việc làm và GRDP của tỉnh.

Trong bối cảnh Sân bay Đà Nẵng sẽ sớm quá tải nhưng bị hạn chế khả năng mở rộng xứng tầm với vị thế trung tâm vùng đô thị, do vị trí sân bay nằm gần khu quy hoạch trung tâm cao tầng ở phía Đông, thì sân bay Phú Bài có quỹ đất rộng và vị trí rất thuận lợi để nâng tầm giá trị sân bay của ngõ quốc gia và quốc tế, phát triển theo

mô hình khu đô thị sân bay, phục vụ cho nhu cầu phát triển tương lai của Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng và các tỉnh thành lân cận. Trong đó cần lưu ý:

- Theo Mô hình Đô thị sân bay (aerotropolis), sân bay không còn chỉ là điểm giao thông trung chuyển, mà có thể kết hợp với khu đô thị xung quanh tạo nên điểm đến (destination) đa chức năng hấp dẫn, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Chúng ta có thể tham khảo các kinh nghiệm quốc tế về phát triển đô thị sân bay tại Amsterdam, Singapore, Doha,...
- Tỉnh Thừa Thiên Huế cần có những biện pháp tích cực, chuẩn bị nền tảng pháp lý và định hướng hợp tác đa ngành, cũng như quy hoạch hạ tầng kết nối vùng và quy hoạch logistics, đề quy hoạch sân bay Phú Bài và quy hoạch khu đô thị lân cận nằm trong bán kính 10 km hoặc hơn, sắp tới có thể được đồng thời tiến hành khai triển, nghiên cứu, xây dựng, và quản lý trong mối tương quan mật thiết hỗ trợ lẫn nhau, để tạo lập một đô thị sân bay thật sự, phục vụ cho cả Vùng đô thị, chứ không chỉ riêng cho tỉnh Thừa Thiên Huế.

## **5. Góp ý bổ sung đối với giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch**

a. Đề nghị bổ sung thêm các giải pháp sau cho Chương 12 - Thực hiện quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Nên hình thành quy trình và cơ chế quản lý và cập nhật thường xuyên và kịp thời các cơ sở dữ liệu đa ngành và chương trình hoạt động dài hạn và ngắn hạn của các sở và ban ngành, theo hướng tích hợp thông tin số hóa trên mạng GIS – internet , để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác đa ngành hiệu quả và đồng bộ hơn giữa các đơn vị trong tỉnh, trong công tác quản lý, cải tạo, chỉnh trang, và phát triển hạ tầng đô thị & quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Nên khuyến khích xây dựng các cụm dự án ưu tiên cho từng khu vực có thể bổ sung cho nhau, kèm theo chính sách khuyến khích cam kết hợp tác công tư với các tập đoàn và nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực mạnh cho từng cụm dự án này, nhằm thu hút tốt nhất nguồn lực xã hội hóa, phát huy cao hiệu quả cộng hưởng về mặt kinh tế xã hội và môi trường cho quy hoạch và phát triển dự án, mà không cần phải lệ thuộc nhiều vào nguồn lực ngân sách công.

b. Đối với mục “Giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch” trong Chương 12 của Phần II, cần nói rõ thêm về vai trò thu hút nguồn lực rất quan trọng của Mô hình TOD, là một mô hình tiên tiến của thế giới, có thể góp phần làm giảm kẹt xe, tăng hiệu quả kinh tế đô thị, và giúp tăng hiệu quả thu hút nguồn lực xã hội hóa và tạo nguồn thu

bổ sung cho ngân sách công, cần thiết cho phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị.

Để có thể áp dụng thành công Mô hình TOD tại Thừa Thiên Huế thì cần phải:

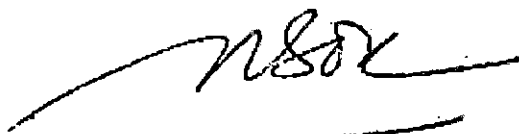
- Phát triển hệ thống giao thông công cộng (có thể là đường sắt đô thị, đường sắt nhẹ, đường sắt một ray monorail, hoặc xe buýt nhanh) song song với việc chỉnh trang và phát triển quỹ đất cho khu đô thị ở hai bên các tuyến quan trọng, đặc biệt là khu vực bán kính 800-1200m xung quanh các ga.
- Phối hợp đa ngành giữa các Sở ngành (giao thông vận tải, xây dựng, kế hoạch đầu tư,...).
- Có kế hoạch tài chính, kế hoạch khai thác - đấu giá – phát triển quỹ đất hai bên các tuyến huyết mạch, để tạo thêm nguồn thu ngân sách công cần thiết cho việc xây dựng hạ tầng của địa phương.
- Nên tham khảo thêm Nghị quyết 98/2023/QH15 về các cơ chế, chính sách đặc thù cho mô hình TOD có thể áp dụng cho tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

---

*Nhìn chung bản quy hoạch cơ bản đã đáp ứng các yêu cầu và mục tiêu được đặt ra, kiến nghị Hội đồng thông qua, có xem xét thêm một số đề nghị bổ sung chỉnh sửa theo góp ý của thành viên Hội đồng thẩm định./.*

Ủy viên phản biện quy hoạch



**TSKH.KTS. Ngô Việt Nam Sơn**

Chuyên gia Quy hoạch Kiến trúc

Ủy viên Ban Chấp hành Hội Kiến trúc sư Việt Nam

## DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Bộ Quốc phòng;
2. Bộ Công an;
3. Bộ Ngoại giao;
4. Bộ Nội vụ;
5. Bộ Tư pháp;
6. Bộ Tài chính;
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường;
8. Bộ Xây dựng;
9. Bộ Giao thông vận tải;
10. Bộ Công Thương;
11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
12. Bộ Khoa học và Công nghệ;
13. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
14. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
15. Bộ Y tế;
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo;
17. Bộ Thông tin và Truyền thông;
18. Ủy ban Dân tộc;
19. Đại diện Lãnh đạo Vụ Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.